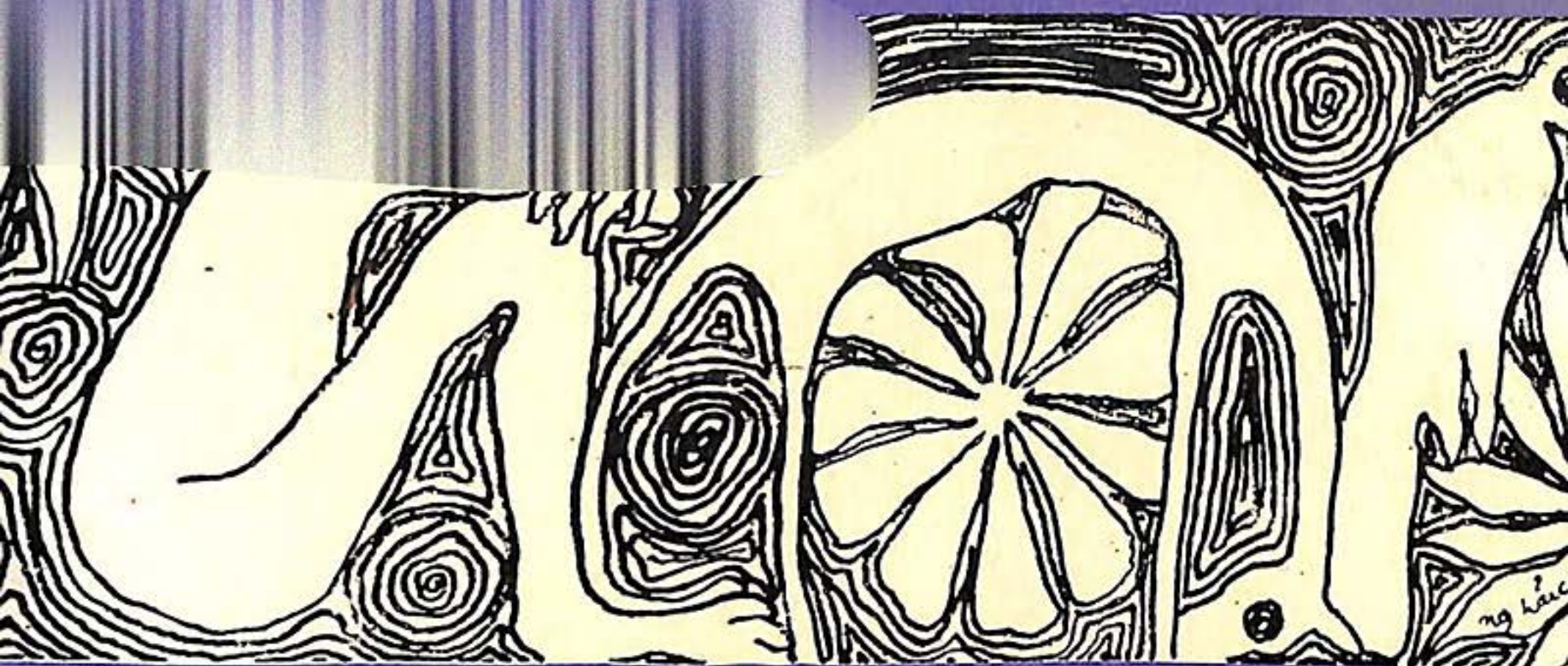


LAMGIANG

VŨ TIÊN PHÚC



HỒN THƠ NƯỚC VIỆT THẾ KỶ XX



Mến tặng các học sinh cũ của chúng tôi

Lam-Giang — Vũ-Tiến-Phúc

Lời nhà xuất bản

Kính gửi

— Các thi văn hữu trong và ngoài nước

— Các bạn đọc bốn phương.

Khai trí trí sinh : mở mang kiến thức, tổ chức lại đời sống cho tiến bộ, theo kịp các nước văn minh, là khẩu hiệu của Cách Mạng Việt Nam từ đầu thế kỷ thứ XX, khẩu hiệu mà các bậc tiền bối muốn cho toàn thể quốc dân, ai nấy đều thấm nhuần ý thức.

Những nước có nền văn hóa cao ở Tây Âu như Anh và Pháp đều chú trọng đến việc làm cho văn hóa phổ thông đến đại chúng

Những loại sách biên khảo kiểu «Que sais je» (Tôi biết gì) ? «Tout connaitre» (biết hết) trình bày những kiến thức về văn hóa, lịch sử, địa lý, chính trị bằng một lối văn giản dị minh bạch là những loại sách mà dân chúng Việt Nam từ sinh viên cho đến những người hiếu học không vụ bằng cấp, đều cảm nhận sự khiếm khuyết của chúng trên lãnh vực văn hóa hiện giờ

Nhà xuất bản SƠN QUANG có ước vọng muốn tuân hành khẩu hiệu khai trí của các nhà cách mạng tiền bối, làm nhiệm vụ phổ-biến văn hóa như các nhà xuất bản đứng đầu ở các nước Tây-Minh

Dự biết tất cả các trở ngại, chúng tôi cố gắng làm nhiệm vụ một nhà xuất bản đứng đầu qui tụ những ngòi bút có tinh thần yêu nước, có tư-tưởng Quốc dân Cách mạng, có lương tâm chức nghiệp năng lực văn bút và kinh nghiệm tuyên văn.

Chúng tôi dám đoan quyết với các thi văn hữu các bạn tâm thức tương tri và độc giả ở khắp bốn phương rằng : Chúng tôi tiến chậm từng bước, nhưng đã có bước thứ nhất thì phải có bước thứ hai, đã có bước thứ hai thì phải có bước thứ ba, tuần tự mà tiến không bỏ việc nửa chừng.

Những sự tán trợ, hưởng ứng, bất luận bằng hình thức nào xuất phát từ đâu, đều là những sự khích lệ quý báu cho chúng tôi phấn khởi tiến hành công tác phục vụ văn hóa dân tộc.

SƠN-QUANG TU THƯ XUẤT BẢN CUỘC

SÁNG LẬP VÀ CHỦ BIÊN :

LAM GIANG — TRẦN ĐÌNH CHI — VŨ TIẾN PHÚC

TÌM MỘT NHẬN-THỨC TOÀN-DIỆN

NĂM 1965, ở Sài Gòn có một cuộc triển-lãm 100 năm báo chí, tất cả tài-liệu nào có in, dầu là in thứ thạch đông-sương, đều được đưa ra trình bày với người của thế-hệ hiện-kim, làm cho họ choáng mắt về sự phong-phú, tưởng rằng mình đã có một nhãn-quan toàn-diện về báo chí nước Việt trong một thế-kỷ vừa qua.

Sự thực thì dầu số lượng các tờ giấy in có nhiều hơn gấp 3 gấp 5 đi nữa thì những người nào đi xem với chủ-tâm nhờ cuộc triển-lãm mà có một cái nhìn toàn-diện về sắc thái báo chí nước nhà thì người đó phải thất-vọng.

Tất cả những báo chí còn tàng-trữ đến ngày nay đều đã được lưu-hành công khai dưới pháp-luật thực-dân, chính-quyền thuộc-địa. Những thứ báo chí Cách-mạng xuất bản ở ngoài nước và lưu-hành trong nước một cách bí mật như tờ Tiếng Chuông ở La Khone (Xiêm) Việt-Nam Hồn ở Pháp v.v... đều tuyệt-đối vắng mặt.

Chắc có người sẽ bảo rằng :

— Không lưu-hành công-khai thì ai biết ở đâu mà tìm cho ra để mà triển-lãm ? Nếu chính quyền thực-dân còn tồn tại ở Việt-nam vào năm 1965 thì lời bào chữa kia mới có giá-trị. Ngặt vì quân-đội Viễn-chinh Pháp đã triệt thối xuống tàu từ năm 1956 rồi !

Nếu người tổ-chức triển-lãm có đủ phương-tiện sưu-tầm thứ báo chí ngoài pháp-luật thực-dân thì cuộc triển-lãm sẽ gây được biết bao nhiêu hào-hứng. Nếu có vài số Quân-Nhân của Sinh-viên Việt-Nam ở trường Võ-bị Hoàng-Phổ, tờ Đồng-Thanh ở Phi-chật, tờ Thân-Ái ở Oudon (Xiêm) tờ Hồn Cách-Mạng của V. N. Q. D. Đ. v. v. thì chắc số thức-giả sẽ trân-trọng coi như những viên bảo-ngọc.

Số báo chí lưu-hành công khai có thể chứng-minh được tâm chí hào hùng bất khuất cũng như những hoạt-động văn bút của người Việt một cách vẹn toàn !

Đọc những tập thi tuyển xuất-bản từ năm 1942 đến giờ nhất là quyển : Thi-Nhân Việt-Nam của hai tác-giả anh em Hoài-Thanh và Hoài-Chàn (Nguyễn-đức-Nguyên và Nguyễn-đức-Phiên) chúng ta phải kinh-ngạc về uy thế vô song của tư trào lãng-mạn. Nếu tâm-hồn Việt-Nam mà uỷ-mỵ đến cái mức :

*Tôi không biết, không biết gì nữa cả,
Chỉ yêu nhiều là tôi biết mà thôi*

như lời tâm-sự của Xuân-Diệu thì chắc chắn trên kỳ-đài đất nước vẫn còn phất-phới ngọn cờ của « nước Mẹ Lang-sa » !

Đâu rồi cái hùng khí Nguyễn-trung-Trực đốt lửa hồng trên sông Nhật-Tảo ?

抱 英 腰 書
恨 雄 間 劍
深 若 膽 從
仇 遇 氣 戎
不 無 有 自
戴 容 龍 少
天 地 泉 年

*Thư kiếm tòng nhung tự thiếu-niên
Yêu gian đảm khí hữu Long-truyền.
Anh hùng nhược ngộ vô dung địa
Bảo hân thâm cửu bất đối thiên !*

Bản dịch Lam-Giang :

*Tuổi thơ theo việc nhung-trường,
Thanh gươm quyết tử bốn phương vẫy-vùng
Rủi như gặp bước cơ-cùng
Thà ta với giặc không chung đội trời.*

Trong những tập thi tuyển trước kia, người ta hay bỏ quên những văn thơ Hùng Việt. Trong Thi Nhân Việt-Nam có vài bài thơ thắm đượm ít nhiều tư-tưởng Quốc-Gia, Dân tộc nhưng hình như 2 nhà phê-bình này không chú trọng nhìn kỹ chúng nó bao nhiêu. Tại vì hoàn cảnh lúc đó không thuận tiện chăng ? hay là vì Hoài-Chân và Hoài-Thanh đều thiếu quan-điểm quốc-dân cách-mạng ?

Một cái nhìn toàn diện Về Thi-Ca Việt-Nam từ khi phong-trào thơ mới xuất-hiện đến giờ phải bao quát cho đủ mọi sắc-thái, không vì một lẽ gì mà bỏ quên những thơ văn không ca-tụng nữ sắc và tình yêu . . . Thơ văn lãng-mạn chiếm được ưu thế và vinh-dự gần như tuyệt-đối lẫn át mạnh mà dập tắt được ngọn lửa thiêng Hùng-Việt đã nung nấu tâm can người yêu nước, tạo nên những văn thơ khẳng-khái bi ca.

Tập thi tuyển Hồn Thơ Nước Việt Thế-Kỷ XX có cái tham-vọng đem lại cho các bạn tâm-thức tương tri một cái nhìn toàn diện về hơn 60 năm thi ca, khai phục giá trị cho thứ thơ có khuynh-hướng quốc-dân Cách-mạng. Cố tránh được cái lối nhận-xét phiến-diện, dành hết chỗ ngồi phong-quang cho những nhà thơ chuyên môn mộng gió buồn trăng « trong tim khắc một chữ Nàng » và chỉ có 3 chữ « Nàng » để làm lẽ sống !



Không có dân tộc nào yêu thơ, say mê thơ như dân tộc Việt. Có những người Việt làm thơ trước máy chém, ngâm thơ trong khi đao phủ-thủ của quan thầy thực-dân và tay sai phong-kiến sửa-soạn khai đao.. Nhưng Nguyễn-khoa-Huân, Mai-xuân-Thường, Trần-cao-Vân v. v... còn treo cao mảnh gương tiết nghĩa hào khí thơ văn Hùng Việt bừng lên rạng-rỡ mây trời...

龍 當 不 無 宇 英 只 躍
 島 年 降 怖 宙 雄 因 馬
 秋 湫 甘 己 長 莫 兵 揮
 風 水 斷 驚 看 把 敗 戈
 起 流 將 胡 節 羸 致 報
 暮 波 軍 虜 義 輸 身 國
 愁 血 頭 魄 留 論 休 仇

*Dược mã huy qua báo quốc cừu
 Chỉ nhân binh bại trí thân hưu
 Anh hùng mạc bả doanh du luận
 Vũ-trụ trường khan tiết nghĩa lưu
 Vô bổ di kinh Hồ lữ phách
 Bất hàng cam đoạn tướng quân đầu
 Dương niên Tho Thủy lưu ba huyết
 Long Đảo thu phong khởi mộ sâu ⁽¹⁾*

(1) Bài này tôi đã hỏi nơi các vị khoa mục lão-thành ở Bình-Định như cụ Cử-nhân Tệ-chương Phùng, thì là của Mai-Xuân-Thường làm vào năm 1877 khi vị thanh-niên anh-hùng này bị Trần bá Lộc bắt chém ở Gò Chàm, cách thành Bình-Định 4 cây số về hướng Bắc. Hai câu 7 — 8 như sau :

*Đương niên họ vũ lưu ba huyết
 Linh Đồng nam phong khởi mộ sâu*

Linh-Đồng là một căn cứ của nghĩa-Quân trong quận Bình-Khê, thuộc dãy núi Tây-Sơn. Của họ Nguyễn hay của họ Mai, điều này không quan trọng gì cho lắm. Cái quan hệ là ở chỗ làm cho thực-dân phải kính phục tấm gan sắt đá của người Việt hào hùng.

Bản dịch của Phan-bội-Châu :

*Radi giọng vó ngựa trả thù chung
 Binh bại cho nên mạng phải cùng
 Tiết nghĩa vẫn lưu cùng vũ trụ
 Hồn thua sá kẻ với anh hùng !
 Nỗi xung mất vía quân Hồ lỗ
 Quyết thác không hàng rặng núi sông
 Tho Thuỷ ngày rày pha máu đỏ
 Đảo rồng hùn-hắt ngọn thu phong*

Không có lý gì những vần thơ huyết lệ tráng-liệt dính liền với chính nghĩa dân-tộc lại bị người đời bạc đãi, bỏ rơi trong vực tối thời gian.

Còn gì buồn hơn những người kế-tục cái truyền thống Hùng-Việt bằng thơ văn lại không có chỗ ngồi xứng đáng trên đàn Thơ đất nước !

Từ năm 1932 đến giờ, tiếng thơ Hùng Việt vì thiếu phương-tiện phổ biến đã phải nhường bước cho thứ thơ văn « anh anh em em, khóc mây than gió » cử hành mãi một nhạc-điệu buồn thảm thê lương.

Giọng thơ Hùng Việt là một thành lưu, đáng được người đời chú ý nhiều hơn, và dầu có gác riêng quan điểm Quốc Dân Cách Mạng ra một bên, sự chú ý này vẫn cần phải đề cho trong lãnh-vực văn-học, chúng ta nhìn đàn thơ với một *nhãn-quan toàn-diện* và công-bình, tránh cái lỗi lệch-lạc, sai lầm vì nhận thức phiến diện.



ĐÀN THƠ TRƯỚC NĂM 1932

Tính đến năm 1932 Nam-Phong Tạp-Chí, một lợi khí phổ biến văn-hóa theo quan-điểm thực-dân, có kiểm soát chặt chẽ của Marty, giám-đốc chính-trị sở Toàn-quyền Đông-Dương ra đời đã được 15 năm.

Năm 1915 : bãi bỏ khoa cử Hán học ở Bắc kỳ. Năm 1918 : ở Trung-kỳ khoa thi cuối cùng lớp nho sỹ ngâm hồn, than thở « Đạo gặp vận khốn cùng, văn chương đến hồi tàn cuộc » :

Nam-Phong Tạp-Chí mượn chiêu bài quốc văn, ca tụng truyện Kiều, dọn đất cho văn chương lãng-mạn. Các nhà chí sỹ như Ngô đức-Kế, Huỳnh-thúc-Kháng tranh luận về truyện Kiều, không phải là chê bai văn chương mà chính là có thiện tâm với nước nhà, đề phòng những hậu quả nguy hại của Văn chương lãng-mạn, không muốn thấy dân-tâm sĩ khí điêu tàn chỉ biết khóc gió than mây mà xao lãng với những vấn đề trọng-đại.

Ai muốn tách rời chính trị ra khỏi văn chương, giữ cho văn chương thuần-túy thì cứ việc làm, nhưng quả thực trong thời kỳ Pháp thuộc thực-dân đã xáo trộn chính-trị và văn chương, muốn dùng văn chương lãng-mạn mà đầu độc thanh-niên Việt-Nam, ru ngủ chí quật-cường của những người bị trị.

Cái học khoa cử tuy vẫn có những tệ hại trầm trọng của nó, song người đi học cứ phải lo nghiên-ngẫm kinh-sử trong đó có rất nhiều gương anh-hùng, chí sỹ, hiếu tử, trung thần nên những người có thiên-lương tốt thấm nhuần đạo lý rồi cũng có ngày đem những điều sở học ra ứng-dụng với đời. Cái học ấy dĩ nhiên không có lợi cho chế-độ thuộc-địa.

Tuy đã bị bãi bỏ rồi, song ảnh hưởng giáo hóa của cựu học vẫn còn tồn-tại trong dân gian, chi phối cuộc sống tinh thần, không phải mỗi chốc mà oai võ thực-dân có thể tẩy trừ ngay được. Ảnh hưởng của cựu-học mạnh đến nỗi ở một thi sỹ lãng mạn nổi tiếng ngông như Tản-Đà, mà ý thức dân tộc quốc gia vẫn cứ còn là một động cơ cảm hứng cho việc sáng tác. Trong những văn thơ lãng-mạn của Tản-Đà chúng ta vẫn thấy có những câu thương dân lo nước.

Bức thư gửi cho người tình nhân không quen biết, ngoài những câu rất tình tứ, còn có những đoạn thấm nhuần ý-thức nhiệm vụ thời đại của một kẻ sĩ hữu-vi :

*Cho hay vẫn si tình là thói
Nào biết đâu ai gọi mà thưa !*

*Trông ra non nước mịt mờ
Nghĩ nguồn cơn lại bây giờ nhớ ai
Giãi sông cũ đầy vơi cũ nước
Đỉnh non xưa tan-tác ngàn mây*

*Nước mây ngày tháng đổi thay
Non sông ngày cũng một ngày khác xưa.
Tình thư gửi tới chưa, chưa tới
Nước non này, ai hỏi, hỏi ai*

*Ngư nhân ngày mất tấm hơi
Nước mây man-mác cho người sầu thương
Ưa bốn bề hai hàng lựu ngọc
Gầy ba đông một vóc xương mai*

*Ơn nhà nợ nước hai vai
Nước nhà ai đề riêng ai nặng-nề
Trông non nước bốn bề lặng ngắt
Nhìn non sông tám mặt sầu treo*

*Đường xa gánh nặng xế chiều
Cơn giông biển lớn mái chèo thuyền nan*

Nghe in như nhà cách mạng gọi thư cho đồng-chí.

Trên lãnh-vực công-khai, thơ Việt còn phảng-phất ít nhiều tình ý Quốc-gia Dân-tộc. Trong phạm-vi bí-mật hay bán bí-mật, những bài thơ có hùng khí Cách-Mạng làm rung cảm lòng người một cách thấm-thía, sâu xa.

Nội dung thì thế, còn hình thức thì lối thơ Thất ngôn bát cú Đường luật được coi là xứng đáng nhất đề cho thi nhân phô diễn cảm tình, tư-tưởng của mình.

Tiếng Thơ Hùng-Việt, trước năm 1932 chưa bị tiếng thơ lãng-mạn lấn át bao nhiêu. Đến nay năm tháng xa vời, những người học Pháp ngữ, Anh ngữ thiếu phương tiện để cảm thông với một lớp người thơ đã dốc hết tâm huyết vào thơ, nhiều khi còn cố gắng thực-hiện những ý tưởng đã phô-diễn trong thơ, không quản gì gian-lao nguy-hiêm.

Vì muốn cống hiến một nhãn-quan toàn-diện về Dân Thơ nước Việt trước năm 1932, nên chúng tôi đã sưu-tầm một số thơ văn tiêu-biểu cho tinh thần bất khuất của dân tộc, giải thích bình luận tùy theo sức hiểu biết, sau khi đã phiên-dịch đề đặt vào đầu tuyển tập này.

Bạn đọc bốn phương chắc không ai nổi trách chúng tôi về tội múa rìu, đánh trống.

MÁY LẦN DÂU BIẾN

(KỶ ĐỘ TANG THƯƠNG)

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 誰 | 擒 | 珥 | 釀 | 龍 | 牛 | 今 | 幾 | |
| 爲 | 胡 | 河 | 嶺 | 肚 | 湖 | 朝 | 度 | 幾 |
| 江 | 奪 | 流 | 浮 | 仍 | 已 | 迴 | 桑 | 度 |
| 山 | 衆 | 水 | 雲 | 留 | 定 | 首 | 滄 | 桑 |
| 洗 | 人 | 哭 | 今 | 百 | 三 | 不 | 幾 | 滄 |
| 不 | 馬 | 歌 | 古 | 戰 | 朝 | 勝 | 度 | |
| 平 | 在 | 聲 | 色 | 城 | 局 | 情 | 驚 | |

Nguyên văn :

Kỷ độ tang thương, kỷ độ kinh
 Kim triều hồi thủ bất thắng trình
 Ngưu Hồ dĩ định tam triều cuộc
 Long Đỗ nhưng lưu bách chiến thành
 Nùng Lĩnh phù vân kim cổ sắc
 Nhị Hà lưu-thủy khúc ca thanh
 Cầm hồ, đoạt sáo nhân an tại
 Thủy vị giang sơn tể bất bình

VUA THÀNH THÁI

Bản dịch của Hoài-Nam Nguyễn-trọng-Cẩn.

Biền dâu đời đời trái-bao nhiêu
 Ngóanh lại càng đau ruột chín chiều
 Bến cũ ba triều trâu mẹp lấm

*Lũy xưa trăm trận cọp năm queo
Bức tranh mới cũ mây Nùng chấm
Khúc nhạc vui buồn nước Nhị reo
Hàm-Tử, Chương-Dương còn đó đó
Non sông luống để bụi trần đeo*

Hoài-Nam Nguyễn trọng-Cần là danh sĩ đất thần-kinh, một nhà thơ rất được các Thị-xã ở Huế yêu mến. Ông là tác-giả tập thơ Tiếng Quốc Canh Khuya, một tập Thơ có nhiều bài yêu nước liên-quan đến thời cuộc.

Hoài-Nam là nhớ phương Nam, người nhớ phương Nam dịch bài thơ thương về sông núi ngàn năm của Vua Thành-Thái là phải lắm.

Ý chính của nhà Vua là trách anh hùng hào-kiệt trong nước sao không vùng dậy kể tục cái truyền-thống «Đoạt sáo Chương-Dương độ, Cầm Hồ Hàm-tử quan» của người xưa mà đánh đuổi quân thù, rửa sạch lớp bụi Hồ ô-nhục đóng trên đất nước. Trách sĩ-dân mà cũng tự trách mình, tâm-sự nhà Vua xốn xang thồn thức.

Bản dịch của Lam-Giang :

*Biền dâu bao độ đời đời
Sáng nay nghĩ lại tôi bời tâm can
Hồ xưa lặng dấu trắng Vàng
Ba triều đỏ củ mơ màng nghi-dung
Lũy thành vách đá rêu phong
Trải trăm trận đánh anh hùng về đâu ?
Ngàn đời lặng lẽ trôi mau
Núi Nùng mây bạc nhuộm màu thế lương
Tiếng ai than khóc sầu thương
Nhị hà nước xuống trùng-dương xa mờ
Chương-Dương, Hàm-Tử ngàn xưa
Giờ sao sông núi bụi Hồ vẫn-vương ?*

Bản dịch này dùng nhiều lời hơn nguyên-văn, người dịch vừa muốn bảo-toàn ý thơ, vừa muốn phô diễn những lời hàm xúc của nguyên văn cho người đời nay cảm thông dễ-dàng hơn với tâm tư của một lớp anh-hùng đã đi vào dĩ vãng.

CHIỀU QUA NÚI HẢI-VÂN-

(VÂN QUÁ HẢI-VÂN-SƠN)

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|-----------------------|
| 鬱 | 七 | 倦 | 孤 | 怒 | 愁 | 幾 | 冤 | 晚 過 海 雲 關 |
| 蔥 | 里 | 鳥 | 舟 | 拳 | 眼 | 度 | 雀 | |
| 佳 | 榮 | 投 | 分 | 揮 | 望 | 登 | 萬 | |
| 氣 | 迴 | 林 | 棹 | 破 | 窮 | 臨 | 仞 | |
| 五 | 穿 | 古 | 荒 | 白 | 滄 | 俯 | 古 | |
| 行 | 過 | 樹 | 村 | 雲 | 浪 | 仰 | 雄 | |
| 山 | 後 | 寒 | 暮 | 端 | 外 | 間 | 關 | |

Nguyên văn :

Thôi ngôi vạn nhân cổ hùng quan
 Kỳ độ dăng lâm phủ ngưỡng gian
 Sầu nhân vọng cùng thương lãng ngoại
 Nộ quyền huy phá bạch vân đoan
 Cô chu phân trạo hoang thôn mộ
 Quyện điều đầu-lâm cổ-thụ hàn
 Thất lý oanh hồi xuyên quá hậu
 Uất thông giai khí Ngũ-hành-San

TRẦN-QUÝ-CÁP

Bản dịch của Đông-Xuyên

Đèo Vân muôn đợt núi cao hùng
 Bao độ trèo leo cúi ngửa trông
 Sầu lãng biển xanh tầm mắt vút
 Hồn lên mây trắng nắm tay vùng
 Nhẹ chèo thuyền rẽ thôn hiu-quạnh
 Mỏi cánh chim sa khóm lạnh-lùng
 Bảy dặm quanh co đường vượt khỏi
 Ngũ-hành hơi núi ngút trong trong

Bản dịch của Lam Giang

Al vân sừng-sừng dựng triền cao
Qua dải nhìn lên bỗng cúi đầu
Ánh mắt trông mòn làn sóng thăm
Thoi tay muốn phá lớp mây mù
Sóng dồi buồm lẻ thôn hoang tối
Sương quyến chim nương núi quanh sâu
Rán sức leo quanh đường bảy dặm
Ngũ Hành khí tốt thỏa lòng nhau

Hải-Vân-Sơn sừng-sừng trên đường Huế — Đà-nẵng xưa gọi là đệ-nhất hùng-quan của nước Việt-Nam. Đường đèo dài đến 20 cây số quanh co bên sườn núi, núi đứng sát biển, sóng xô gió lộng, đỉnh núi thường vương-vấn mây mù.

Từ năm 1888, Pháp bắt triều-đình Huế cắt Đà-Nẵng làm nhượng địa cho Pháp. 5 năm sau, Pháp lại bắt triều đình Huế triệt bỏ Nha Sơn-phòng Quảng-Nam. Như vậy là quyền hành sử-dụng hình thế thắng lợi của núi sông đều lọt vào tay thực-dân năm hết. Nhìn vào những thủ-đoạn xâm tước, lòng chí-sĩ bỗng xốn xang căm tức đến nỗi : « *Thoi tay muốn phá lớp mây mù* ».

Tác-giả vẫn tin-tưởng vào tiền-đồ Việt-Nam sẽ có ngày hưng-khởi. Ngũ-hành sơn đệ nhất hùng cảnh của Quảng-Nam còn đó, khí tốt của Ngũ-hành sơn còn hun-đúc được nhân-tài. Qua khỏi đường núi cheo-leo trước mắt là cảnh đẹp oai hùng, 5 hòn núi mọc lên giữa một vùng cát trắng Đó là hình ảnh đột-xuất của những nhân-tài chíoh-trị đang ẩn thân trong đám quần chúng vô-danh.

Vận nước không lẽ cứ trầm luân mãi, hết thời đen tối gian khổ chắc đến thời độc-lập, bình-trị yên vui.

CÔN-LÔN THU CẢM

昔年今日到崑崙
 秋雨秋風欲斷魂
 似我衰頹心未老
 是誰慷慨氣猶存
 風雲變幻真堪詫
 天地循環不待言
 每遇騷壇高掛齒
 自慚擊鼓過雷門

崑崙秋感

Nguyễn văn

Tích niên kim nhật đáo Côn-Lôn
 Thu vũ Thu phong ám đoạn hồn
 Tự ngã suy đồi tâm ví lão
 Thị thùỵ khẳng-phái khí do tồn ?
 Phong vân biến ảo chân kham sá
 Thiên-địa tuần-hoàn bất đãi ngôn
 Mỗi ngộ Tao Đàn cao quả xỉ
 Tự tâm kích cổ quá Lôi môn !

Bản dịch của Huỳnh-thúc-Kháng :

Ngày nay năm ngoái bến Côn-Lôn
 Mưa gió trời Thu dễ đoạn hồn
 Như tớ suy đồi lòng chưa chết
 Ấy ai khẳng-khái khí đang còn ?
 Gió mây tráo chác trăm hình đổi
 Trời đất vùn xoay một quận tròn.
 Cao ngất đàn Thi cớ phất dậy
 Thẹn nghe cửa sấm trống khua đồn

Côn-Lôn là mồ chôn tuấn-kiệt. Ngay từ năm 1862 trung-úy Pháp Bernard đã chôn hết toán nghĩa-quân do đội nam nữ thanh niên là Nguyễn-Đức-Huỳnh và cô Mỹ-Liên lãnh-đạo trong một năm mồ công-cộng mà hàng năm gió chướng còn thổi tung cát cho xương trắng bày ra...

Ý thu trên đảo Côn-Lôn, phát-xuất từ trong lòng chiến sĩ đã từng gươm súng tranh hùng với thực-dân, hẳn phải có ý gì khác thường. Bài thơ kỷ niệm « đệ nhất chu niên ngày lưu-lày Côn-Đảo ». Chiến-sĩ vẫn còn lạc-quan tin tưởng-thể cuộc vẫn xoay, biến đổi. Việt-Nam hẳn có lúc hưng-phục miễn là mình giữ được tấm lòng sắt đá và nhuệ khí chiến-đấu để có thể ứng-tiếp thời-cơ...

Thi Ngôn chí, lời thơ bày tỏ chí hướng Anh hào, không giống như thứ thơ buồn thu khóc Thu vớ-vẩn.

Bảng dịch của Lam-Giang :

*Côn Lôn năm ngoái ngày này
Ra đây gió táp mưa boy lạnh-lùng
Thân tàn nhưng chí vẫn hùng
Biết ai khằng khái kiên trung tìm người
Gió mây biến đổi toi bời
Cuộc cờ thế-sự có thời xoay quanh
Tao đàn đồn hết tinh anh
Uông khua tiếng trống e mình thẹn riêng.*

Tiểu la Nguyễn-Thành qua đời năm 1910 khi nghe tin du học-sinh Việt-Nam ở Nhật-Bản bị trục xuất và ghe khí giới của Cách-Mạng Việt-Nam bị nhà chức-trách Anh ở Hương-Cảng tịch-thu Tin buồn đưa đến, Nguyễn-Thành lo nghĩ đau buồn uất-ức, bệnh thổ huyết tái phát dữ-dội, Thêm một năm xương hùng ngoái hải đảo xa xôi...

NHỮNG LỜI DI-CHỨC (DỊ NGÔN)

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|----|
| 載 | 無 | 人 | 時 | 濟 | 補 | 此 | 一 | 遺言 |
| 十 | 窮 | 情 | 局 | 世 | 天 | 生 | 事 | |
| 年 | 天 | 只 | 不 | 非 | 無 | 何 | 無 | |
| 來 | 地 | 恐 | 驚 | 才 | 力 | 面 | 成 | |
| 試 | 開 | 水 | 雲 | 避 | 談 | 見 | 鬢 | |
| 一 | 雙 | 波 | 變 | 世 | 天 | 江 | 已 | |
| 觀 | 眼 | 瀾 | 幻 | 難 | 易 | 山 | 斑 | |

Nguyên văn :

*Nhứt sự vô thành mấn dĩ ban
Thư sinh hà diện kiến giang san
Bồ thiên vô lực, đàm thiên dị
Tế thể phỉ tài, tị thế nan
Thời cuộc bất kinh vân biến ảo
Nhân tình chỉ khùng thủy ba-lan
Vô cùng thiên địa khai song nhãn
Tái thập niên lai thị nhất quan.*

Tiêu-Lo NGUYỄN THÀNH

Bản dịch của Lam-Giang :-

*Bạc tóc buồn sao việc chưa thành
Mặt nào còn thấy nước non xanh
Vá trời việc khó bàn chơi dễ
Cứu nước tài không, trốn chẳng đành !
Há sợ mây tuôn đời thế cuộc
Chỉ e sóng lộn góm nhân-tình
Mở to đôi mắt xem trời đất
Đoạn sử mười năm xét thực rành*

Tâm sự của các nhà cách-mạng đầu thế-kỷ thứ 20 trong giờ lâm tử là buồn cho mình không giải thoát quê-hương ra khỏi vòng nô-lệ.

Lấp biển vá trời, khôi phục độc-lập là khó vô-cùng, thế mà những khi đàm luận cùng nhau thì có người vẫn tưởng là dễ. Mình không đủ tài cứu nước nung trồn lánh nhiệm vụ Cách-mạng thì thực chẳng đành lòng. Không sợ gì những sự biến đổi phân-vân rắc rối của Thời cuộc, chỉ sợ lòng người phản trắc như sóng gió dập-đồn. Lòng của những người xưng là đồng-chí và nhất là lòng của bọn đồng minh, thường có những phản phức bất ngờ, mới hôm trước là bạn mà nay đã có thể là thù như việc du học sinh V.N. bị trục xuất ở Nhật.

Làm chính trị cần phải xét rõ tình-hình quốc nội và thế-giới xét kỹ để tránh những lỗi lầm nguy hại cho tiền đồ quốc-gia, dân tộc.

Bài thơ nhiều tư tưởng súc-tích, những câu 3 - 4 : 5 - 6 là những câu tuyệt hay, cái hay hun-đúc bởi công phu trầm tư, không phải cái hay vì khéo đặt câu, lựa chữ. Chữ đến một cách tự nhiên như lời một nhà phê-bình văn học Pháp là Boileau đã nói : Cái gì quan niệm kỹ, diễn xuất phải quang-minh. (Ce que l'on conçoit bien, s'exprime clairement).

TRONG ĐÀO BƠ VƠ

(CÔ ĐÀO TRUNG)

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|-----|
| 多 | 造 | 孤 | 水 | 歐 | 炎 | 可 | 一 | 孤島中 |
| 恐 | 門 | 山 | 國 | 化 | 邦 | 憐 | 擲 | |
| 崑 | 莫 | 雲 | 濤 | 風 | 文 | 南 | 遙 | |
| 崙 | 洒 | 意 | 聲 | 潮 | 獻 | 北 | 遙 | |
| 海 | 新 | 戀 | 搔 | 未 | 看 | 病 | 孤 | |
| 染 | 崑 | 征 | 夢 | 奏 | 猶 | 相 | 島 | |
| 紅 | 淚 | 鴻 | 蝶 | 功 | 鑿 | 同 | 中 | |

Nguyễn Văn :

*Nhất trịch điều điều cô đảo trung
Khả liên Nam bắc bệnh tương đồng
Viêm bang văn-hiến khan do tạc
Âu hóa phong triều vị tấn công
Thủy quốc đào thanh tao mộng điệp
Cổ sơn vân ý luyện chinh hồng
Tạo gian mạc sái Tân-Đình-Lệ
Đa khủng Côn-Lôn hải nhiễm hồng.*

DƯƠNG-ĐÌNH-THƯỜNG

Bản dịch của Huỳnh-thúc-Kháng :

*Hòn đảo mờ côi giữa côi cùng
Đày ra Nam-Bắc kiếp tù chung
Nước nhà văn-hiến còn in cũ
Âu-hóa phong triều chưa trót công
Tiếng sóng góc trời rầy giấc điệp
Luồng mây núi cũ mển chim hồng
Thôi đừng rưới lệ Tân-Đình nữa
E nhuộm Côn-Lôn nước biển hồng*

Dương-Đình-Thường là một chiến sĩ cách mạng ở Quảng-Nam bị đày ra côn đảo vì việc xin thuế năm 1908.

« Phong trào Âu hóa » tức là phong trào đổi mới, cầu sa) cho dân giàu nước mạnh như các nước Âu-Tây. Không phải là phong trào bắt chước các hình thức sinh hoạt, hưởng-thụ khoái-lạc như phong trào vui-vẻ trẻ-trung năm 1935 — 1936 trở về sau.

Luận về ý định duy-tân tự cường của các chí-sỹ Việt-Nam nhà viết sử Pháp Jacques Pirène đã viết trong bộ sách « Những Trào-Lưu Lớn Của Thế-Giới Sử (Les grands courants de l'histoire Universelle) những câu như sau... et les Vietnamiens, s' inclinant devant la supériorité technique de l' Occident la seule qu'ils lui reconnaissent — se mirent à son école comme le faisait, le Japon.

(Tome VI page 295)

... và người Việt-Nam, nghiêng mình trước sự ưu-thắng kỹ thuật của Tây-phương — sự ưu-thắng độc nhất mà họ thừa nhận — bèn bắt đầu học hỏi Tây phương cũng như nước Nhật-Bản đã làm trước kia.

Công cuộc Duy-tân bị người Pháp ngăn trở. Người Pháp cũng viện cớ biến loạn mà đóng cửa Đông-kinh Nghĩa-thực, bải luôn trường Đại-học mà chính họ mở ra nữa.

Lớp người hữu-vi bị tàn hại gần hết, Pháp tin tưởng đã diệt các lực lượng; chẳng đối đến tận gốc rễ. Những người bị tù đầy, có kẻ đa cảm lo nghĩ nhiều về vận nước mà sinh ra bệnh đau tim thổ huyết, Dương-dinh-Trưởng cùng ở trong trường-hợp này.

Bài thơ nói lên tâm sự của chí sĩ vương bệnh nặng khi hồi tưởng những cuộc biến loạn vừa qua.

Bản dịch của Lam-Giang :

*Trùng-dương hải đảo bơ-vơ
Thương nhau Nam-bắc bây giờ gặp nhau
Gốc nền văn-hiến còn sâu
Duy-tân hội mới buổi đầu vô công
Trong mơ sóng dội nao lòng
Non cội mây quyến cánh hồng bay xa
Tân-Đình giọt lệ dừng sa
Chỉ e Côn-Đảo phong-ba nhuộm hồng*

HỒ TRƯỜNG

*Đại trượng phu không hay xé gan bẻ cột
Phủ cương thường hà tất tiêu dao
Bốn bề luân lạc tha hương*

Chú thích : TÂN ĐÌNH : Thành nhỏ ở Gian-Nam Nhà Tây Tấn bắt lực, không giữ nổi miền Hoa Bắc Nắm giống rợ Hồ vào quấy nhiễu đất Trung-nguyên. Vua tôi nhà Tấn chạy vào Giang-Nam, lúc đầu nương náu ở Tân-Đình vua tôi thường nhìn nhau than thở khóc-lóc.

Trời Nam ngàn dặm thăm
 Nón nước một màu sương
 Chí chưa thành
 Danh chưa đạt
 Trai trẻ bao năm mà đầu bạc
 Trăm năm thân thể bóng tà dương
 Võ gươm mà hát
 Nghiêng bầu mà hỏi
 Thiên hạ mang mang
 Ai người tri kỷ
 Lại đây cùng ta cạn một hồ trường
 Hồ trường. Hồ trường, Ta biết rót về đâu
 Rót về Đông phương ?
 Nước biển Đông cháy xiết sinh cuồng loạn
 Rót về Tây phương ?
 Mưa Tây-sơn từng trận chứa chan
 Rót về Bắc phương ?
 Ngọn bắc phong vi-vút, cát chạy đá bay
 Rót về Nam phương ?
 Trời Nam mù mịt
 Có người quá chén như điên như cuồng
 Nào ai tỉnh ?
 Nào ai say ?
 Chỉ ta ta biết lòng ta ta hay
 Nam nhi sự nghiệp ư hồ thi
 Hà tất cùng sầu đối với vỏ cây !

NGUYỄN-BÁ-TRẠC

Nguyễn-bá-Trạc là chiến sỹ Cách-mạng xuất dương trong phong-trào Đông du hồi đầu thế-kỷ.

Bài thơ diễn tả nỗi buồn mệnh-mông nơi đất khách quê người
Lý do của nỗi buồn là :

Trai trẻ bao năm mà đầu bạc

Trăm năm thân-thể bóng tà-dương !

Tóc đã nhuộm sương mà việc lớn chưa thành. Trông về cố quốc,
đường xa ngàn dặm, rót hồ rượu mà độc túy cho quên bớt nỗi niềm ưu-
tư vò xé tâm can. Tuy nhiên, nhuệ-khí chiến-đấu chưa tàn.

Nam nhi sự-nghiệp ư hồ-thĩ

Hà tất cùng sầu đối cổ cây !

Phải ! Buồn thì đến khóc, khóc ngàn năm giặc cũng không chết. Cầu
mưu toan dụng võ sao cho xứng đáng với những chữ tang-bồng hồ-thĩ trả
nợ nam nhi cho nước nhà chứ than thở, khóc lóc theo kiểu vua tôi nhà
Đông-Tấn ở Tân-Đĩnh thì giặc cứ hoành-hành, dày xéo tồ quốc của ta,
bòn rút xương tủy của dân ta, biết đến kiếp nào, dân tộc ta mới có cơ
hưng phục ?

TRỞ VỀ

(QUY LAI)

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 不 | 迴 | 江 | 立 | |
| 盡 | 頭 | 山 | 馬 | |
| 依 | 四 | 無 | 邊 | |
| 稀 | 十 | 恙 | 城 | 歸 |
| 故 | 餘 | 我 | 眼 | 來 |
| 國 | 年 | 歸 | 界 | |
| 懷 | 事 | 來 | 開 | |

Nguyễn Văn :

*Lập mã biên thành nhĩn giới khai
Giang sơn vô dạng ngã quy lai
Hồi đầu tứ thập dư niên sự
Bất tện y hy cố quốc hoài !*

NGUYỄN-HẢI-THẦN (tháng 8-1945)

Bản dịch của Vũ-tiến-Phúc

*Dừng ngựa thành biên giới
Xa trông mây nước xanh
Non sông còn giữ nguyên hình
Bốn mươi năm lẻ nay mình về đây
Kề chi gió bụi lạc-loài
Sắt-son vẫn thắm tình hoài thuở xưa.*

Tháng 8-1945, Nguyễn hải-Thần về nước, Bài thơ này cảm tác trong lúc dừng ngựa ở biên thủy Bắc-Việt, một biên thủy mà năm 1915, tác giả đã dùng binh-lực đánh mở một lối vào. Về nước nhiều lần, nhưng phải giữ cho hành tung bí-mật. Đây là lần đầu tiên Nguyễn hải Thần về nước trong vinh-dự công-khai.

Tiếc thay hai tướng Tiêu-Văn và Lư Hán ăn hối-lộ của Việt-Minh không chịu phù-trợ những người Quốc dân Cách-mạng nên về nước năm trước thì năm sau, Nguyễn-Hải-Thần lại phải ra đi. Tấm thân Cách-mạng bách chiến bách gỏi năm xương tàn nơi quê người, thật đáng xót thương vô hạn.



BÀI THƠ TRONG NGỤC

(NGỤC TRUNG THI)

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 公 | 英 | 一 | 百 | 臣 | 君 | 越 | 中 | |
| 論 | 雄 | 腔 | 越 | 子 | 民 | 南 | 立 | |
| 千 | 底 | 忠 | 山 | 尊 | 共 | 文 | 乾 | 獄 |
| 秋 | 局 | 義 | 河 | 周 | 主 | 物 | 坤 | 中 |
| 付 | 休 | 有 | 無 | 日 | 精 | 古 | 不 | 詩 |
| 史 | 成 | 青 | 白 | 月 | 神 | 來 | 倚 | |
| 編 | 敗 | 天 | 鬼 | 懸 | 會 | 傳 | 偏 | |

Nguyên văn :

*Trung lập kiên khôn bất ý thiên**Việt-Nam văn vật cở lai truyền**Quân dân cộng chủ tinh thần hội**Thần tử tôn Chu nhật nguyệt huyền**Bách-việt sơn-hà vô bạch quỷ**Nhất xoang trung nghĩa hữu thanh thiên**Anh hùng đề cuộc hưu thành bại**Công luận thiên thu phó sử biên*

TRẦN CAO VÂN

Bản dịch của Hành-Sơn

*Giữa trời đứng vững không thiên**Nghìn năm nước Việt còn truyền sử xanh**Chu vương nhân chính đại hành**Quân dân hợp sức lũy thành đắp xâu**Người thù non nước eòn đây**Trời xanh với tấm lòng này tương tư**Anh hùng thành bại sá gì**Ngàn thu lịch-sử còn ghi lại đời*

Trần-Cao-Vân là quân sư của vua Duy-Tân trong cuộc khởi nghĩa năm 196. Cơ mưu bại lộ, việc lớn không thành « Sấm vang muôn dặm nửa giờ trưa » kế hoạch phục-quốc lúc ban đầu phải đổi sang cuộc vùng dậy đêm mồng 1 rạng mồng 2 tháng 4 năm Bính thìn (3-5-196) mà rốt cuộc vua tôi bị bắt.

Trong ngục, Trần-Cao-Vân làm bài thơ này nói đến vận mệnh trường tồn của dân tộc, lý do cuộc khởi nghĩa và lòng quyết hy sinh của mình.

Tôn Chu là tôn nhà Chu, chữ dùng để chỉ một nghĩa cử khuông phò quốc-vận. Người đã hiểu nghĩa chữ Tôn Chu ắt không để cho rợ Hồ loài bạch quý vùng vẫy trên đất nước, Địch giá trị người anh hùng, không nên căn cứ kết quả thành bại mà phải xét tới danh nghĩa của việc làm và những động cơ tâm lý.

Bản dịch của Lam Giang

Việt Nam độc lập một trời

Không nương, không dựa vào người mà nên

Gốc sâu văn hiến lưu truyền,

Tinh thần hội mới kết liên quân dân,

Bắc nam ai chẳng vương thần,

Tôn Chu nghĩa lớn xa gần đều hay.

Cõi bờ sạch bóng thù Tây

Trời xanh chứng giám lòng này kiên trung

Sá gì thất bại, thành công,

Sử xanh định luận anh hùng là ai !



SANG PHƯƠNG ĐÔNG

(ĐÔNG ĐÔ)

千願賢江豈於肯生
 重逐聖山千百年許爲
 白長寥己載年中坤男
 浪風然死下幾須自子
 一東誦生幾有轉移
 齊海亦徒無我
 飛去痴蚬誰奇

東渡

Nguyên văn :

Sinh vi nam tử yếu hy kỳ,
 Khẳng hứa kiên khôn tự chuyển đi ?
 U bách niên trung tu hữu ngã,
 Kỳ thiên tải hạ khởi vô thù,
 Giang sơn dĩ tử sinh đồ nhưế,
 Hiên thánh liêu nhiên tụng diệc si.
 Nguyên trực trường phong Đông Hải Khứ,
 Thiên trùng bạch lãng nhãi tề phi !

PHAN-BỘ-CHÂU

Bản dịch của Vũ Tiến Phúc

Phi thường là chí làm trai,
 Há cam trời đất trọn quyền đời thay
 Dự vào thế kỷ : ta đây,
 Rồi ngàn năm nữa sau này là ai ?
 Nhà tan, sống cũng lạc loài,
 Thánh hiền sách nát đọc hoài hay sao ?
 Biển đông sóng vỗ ào ào,
 Ta nương cánh gió đi vào cõi xa !

Năm 1903, Phan-Bội-Châu tìm gặp chiến tướng Cần-Vương là Tiểu la Nguyễn-Thành, bàn định việc thành lập quang phục Quân, mưu đồ khôi phục độc lập. Năm 1904, tổ chức này bí mật thành hình. Đông độ là vượt biển sang phương Đông để học những phương lược nước mạnh dân giàu của Nhật-Bản. Phan-Bội-Châu đưa một số thanh niên vào học trường Chấn Võ, ý muốn đào tạo nhân tài cho việc dựng võ xoay trời chuyển đất trong tương lai.

Bài thơ biểu lộ hùng khí chiến đấu của một người hăng say với nhiệm vụ cứu nước. Nước mất, kẻ sĩ hữu vi há cam tâm sống trọn kiếp dư sinh, tiến thân theo con đường khoa cử để cầu công danh như những phường giá áo túi cơm vô sĩ!

Phải lập công nghiệp phi thường cho khỏi tủi thẹn với tiếng nam nhi.

CẢM THU, TIỄN THU

Từ vào thu đến nay

Gió thu hiu hắt

Sương thu lạnh

Trăng thu bạch

Khói thu xây thành

Lá thu rơi rụng đầu gành

Song thu đưa lá bao ngành biệt ly

Nhạn về én lại bay đi

Đêm thì vượn hót, ngày thì ve ngâm,

Lá sen tàn tạ trong đầm,

Nặng mang giọt lệ âm thầm khóc hoa,

Sắc đâu hoen ố quan hà,

Cỏ vàng cây đỏ bóng tà tà dương,

Nào ai cố lý tha hương

Cảm thu ai có tư tưởng chẳng ai?

Nào những ai,
Bảy thước thân nam tử,
Bốn bề trí tang bồng
Đường mây chưa bằng cánh hồng.
Tiêu ma tuế nguyệt, ngại ngừng tu mi
Nào những ai
Sinh trưởng nơi khuê các.
Khuya sớm phận nữ nhi
Song the ngày tháng thoi đưa
Vương tơ ngắm nhện lỗ thì thương hoa,
Nào những ai
Tha phương khách thổ,
Hải giác thiền nha,
Ruột tằm héo, tóc sương pha,
Gốc phên tranh tường quê nhà đời con,
Nào những ai
Tóc xanh mây cuốn
Má đỏ hoa ghen
Lòng chơi duyên đã hết duyên
Khúc sông trăng dải con thuyền chơi vơi
Nào những ai dọc ngang trời rộng
Vẫy vùng, bề khơi
Đội trời, đạp đất ở đời,
Sa cơ thất thế quê người chiếc thân
Nào những ai
Kê vàng tỉnh mộng
Tóc bạc thương thân
Vèo trông lá rụng, đầy sân,
Công danh phú quý có ngần ấy thời

Thôi nghĩ cho
 Thu tự trời
 Cảm tự người
 Người đời ai cảm ta không biết.
 Ta cảm thay ai viết mấy lời ?
 Thôi thôi
 Cùng thu tạm biệt ,
 Thu hãy tạm lui ,
 Chi đề khách đa tình , đa cảm
 Một mình thay cảm những ai ai

TẢN ĐÀ

(Thánh 9 Canh Thân 1920)

Một bài thơ bi thu vừa có phong phái lãng mạn lại vừa có đôi chút tư tưởng lo nước thương dân theo truyền thống thơ văn Hùng Việt.

Sau đoạn mở đầu , khai diễn thu cảm, tác giả lần lượt kể lại những hạng người sầu thu. Đầu đầu là những người có tâm chí hào hùng mà chưa gặp thời cơ thuận tiện. Sau đó mới đến những cô khuê các, những người lưu lạc tha phương, những kẻ nghèo trong nội địa, những nhà cách-mạng lưu vong, đến những người chợt thấy ý nghĩa cuộc đời là hư vô , biển ảo.

Người đời thường trích diễn chỉ một đoạn đầu khai diễn cảm hứng bi thu mà thôi. Tản Đà cũng dùng những câu đầu của đoạn khai diễn để chứng minh rằng hình thức thơ mới có đã lâu, không phải đợi đến Phan Khôi đề xướng,

Từ vào thu đến nay
 Gío thu hiu hắt,
 Sương thu lạnh,
 Trăng thu bạch
 Khói thu xây thành

Lưu Trọng Lư công nhận những câu này có hình thức Thơ Mới Ý của Tản Đà là tự phụ, mình cũng biết làm Thơ Mới, có điều mình không dùng danh từ ấy như Phan Khôi, một người làm thơ dở mà thôi ! Tản Đà cũng có đặt chuyện hài đàm, châm biếm Phan Khôi :

Nếu không phá cách bỏ vận luật

Khó cho thiên hạ đến bao giờ ?

Sau này, Nguyễn Hiến Lê nghiên cứu tự pháp, cú pháp của Tản Đà, khen nhà thơ này có những chữ thần, Ví dụ như câu :

Sắc đâu hoen ở quan hà

Cỏ vàng cây đỏ bóng tà tà dương.

Chữ Tà là một chữ thần. Xét theo văn nghĩa thì một chữ Tà cũng đủ. Không cần phải dùng đến 2 chữ làm chi, vừa có vẻ điệp ngữ lại vừa có vẻ túng chữ, in hình như tác giả ghép bậy một chữ Tà nữa cho đủ số chữ trong câu thơ. Tuy nhiên cái duyên dáng và nhạc điệu câu thơ lại nằm ở hai chữ Tà trùng điệp này. Bỏ sự trùng điệp, câu thơ mất tinh thần ngay. Không thể thay chữ Tà trùng điệp bằng một chữ nào khác được.

Có những câu Tản-Đà tự lấy làm đặc ý như

Vèo trông lá rụng đầy sân

Công danh phú quý có ngàn ấy thôi

Tản Đà tự khen chữ Vèo ấy đáng giá không biết mấy khuyên son !

Điều đáng cho ta chú ý ngày nay là ở thể hệ Tản-Đà, dầu lãng mạn đến đâu, người ta vẫn không quên lãng ý thức quốc gia, dân tộc.

TRÁNG SĨ HÀNH

Bắc phong tiêu tiêu hệ Dịch Thủy Hàn

Tráng sĩ nhất khứ hệ bất phục hoàn

Gió đông hiu hắt sông Dịch lạnh lùng ghê,

Tráng sĩ một đi không bao giờ về.

MỘT PHONG TRÀO HƯNG KHỞI

Việc đời ngán nổi vô thường định... cái vô thường định ở đời có nhiều khi mang tính chất ngẫu nhiên đến quái dị như lịch sử hưng khởi của phong trào Thơ Mới năm 1932.

Ngày 10 tháng 3 năm này, ông Phan Khôi, có lẽ vì bơ vơ lưu lạc giữa đất Sài gòn phồn hoa, sức nhớ đến một mối tình xưa ở đâu ngoài Huế, ngoài Quảng, nên có làm một bài thơ tâm tình, kể lể chuyện cũ, cho đăng lên Phụ Nữ Tân Văn. Bài thơ « Tình già » của Phan Khôi không có giá trị văn chương bao nhiêu, người ta sẵn sàng quên phứt nó đi nếu không được lồng vào một luận thuyết văn học mang cái nhan đề : *Một lối thơ mới trình chánh giữa làng thơ*.

Ông Phan Khôi đòi hỏi phải có một sự giải tỏa sự khe khắt của lối thơ Đường luật, nhất là lối Đường luật dùng trong khoa cử, ép buộc hai câu 3-4 phải là câu *thực*, hai câu 5-6 phải câu *luận*, lối thơ mà người ta coi là chính thức trên thi đàn.

Báo Phong Hóa bộ mới ra đời vào tháng 9 năm này, hưởng ứng với Phan Khôi, công kích thơ Đường Luật và kể luận rằng : « Thơ ta phải mới, mới văn thề, mới ý tưởng ». Đầu năm 1933, trong số báo Tết và những số kế tiếp, Phong Hóa cho đăng nhiều bài thơ mới của Tứ-Lý, Thế Lữ, Nhất Linh, Vũ đình Liên, Đoàn phú Tứ, Huy Thông.

Tháng 7 năm 1933, Cô Nguyễn thị Kiêm (bút hiệu là Manh Manh nữ sĩ) đăng đàn diễn thuyết ở hội Khuyến Học Sài gòn, hết sức tán dương thơ mới. Số người đi nghe rất đông, không khí nao nức, xôn xao có lẽ vì Nguyễn-thị-Kiêm là nữ diễn giả đầu tiên trên đất Việt.

Đất Đồng Nai, gần đất Phan Thiết — thứ đất coi văn chương không bằng xương cá mèi — bỗng dưng đi tiên phong trên con đường cách mạng văn học. Sau khi đề xướng thơ mới thành công, ông Phan Khôi không làm thơ mới nữa và cũng không diễn thuyết, nhường công việc ngôn luận trước dân chúng cho lớp người trẻ tuổi hăng hái hơn.

Đây là những cuộc diễn thuyết mà Hoài Thanh đã ghi lại ngày tháng và địa điểm :

Juin 1934 : Lưu Trọng Lư diễn thuyết tại nhà Học Hội Qui Nhơn.

Janvier 1935 : Ông Đỗ Đình Vượng diễn thuyết tại hội Trí Tri Hà nội.

Janvier 1935 : Cô Nguyễn thị Kiêm lại diễn thuyết tại hội Khuyến Học Sài gòn tranh luận với ông Nguyễn văn Hanh.

Novembre 1935 : Ông Vũ Đình Liên diễn thuyết tại hội Trí Tri Nam-định.

Février 1936 : Ông Trương Tửu diễn thuyết về thơ Bạch Nga tại hội Khai-Trí Tiến-Đức Hà Nội.

Trong cái không khí buồn tẻ tiêu điều dưới quyền thống trị thực dân, ít nhất người Việt cũng gây được ít nhiều hào hứng bằng cách diễn thuyết văn học.

Sự việc lạ lùng là ông Phan-Khôi không phải là nhà thơ mà xưng xuất chuyện thơ, cô Nguyễn thị Mạnh Mạnh cũng chưa hề làm được bài thơ nào khả thủ. Lưu Trọng Lư có được ít nhiều thơ văn giá trị, nhưng kiến thức văn học chẳng được bao nhiêu. Lý do, phải bán chữ mưu sinh, sống nhờ bạn bè, phiêu bạt ngoài thị thành, họ Lưu chưa có thì giờ nhiều để đọc sách, tăng cường số kiến thức mỏng-mạnh vừa thu lượm ở trường ra.

Tuy nhiên, việc giải tỏa vận luật khắt khe đáp ứng đúng một nhu cầu thời đại.

Đa số thanh niên hấp thụ Tây học đã tiếp xúc với một nguồn thơ khác với thơ Đường. Câu thơ alexandrin 12 âm của Pháp đã ảnh hưởng nhiều đến việc tăng thêm số chữ trong câu thơ Việt. Cách vận (vần tréo, câu 1 có vần với câu 3, câu 2 có vần với câu 4), liên vận (2 vần bình, 2 vần trắc kế tiếp nhau) là một sự di chuyển thi nghệ Pháp vào thi nghệ Việt.

Vì đáp ứng đúng nhu cầu ấy, cho nên những người bênh vực thơ mới đi đến đâu cũng được hoan nghênh. Hai chữ thơ cũ, mặc dầu không ai quy định rõ ràng, cũng cứ được mặc nhiên chấp nhận, dùng nó để chỉ vào thơ thất ngôn bát cú.

Thơ mới phải mới về hình thức, đó là việc dĩ nhiên, nhưng còn cái mới về ý tưởng thì chưa chắc gì cái lãng mạn tâm thức khác biệt nhiều với cái lãng mạn cụ thể. Trong tâm hồn chúng ta, ai chẳng có sẵn ít nhiều khuynh hướng lãng mạn thường bột phát vào lứa tuổi biết yêu đương. Tuy nhiên, chưa bao giờ trong văn học Việt Nam có nhiều thơ văn trữ tình bằng những năm 1932 — 1940. Tiếng thơ Hùng Việt bị những âm thanh du dương, mơ màng kia lấn lướt một cách thảm hại.

Những nhà thơ mới ca tụng ái tình có ngờ đâu mình đã rơi vào cạm bẫy thực dân. Phải đợi có cuộc Thế Chiến xảy ra và tiếng súng Phục Quốc nổ ran ở biên thùy Lạng Sơn thì mới có một số thanh niên tỉnh mộng.

Từ năm 1940 trở đi, không khí yêu đương bỗng bột trong thơ đã có triệu chứng suy tàn. Lối thơ mới 8 chữ đã có cơ sở vận luật, đã vào khuôn phép.

Sức sản-xuất của phong-trào Thơ mới đã dồi-dào, đủ cung ứng tài-liệu cho một tuyển tập phong-phú. Tiếc thay, tập Thi-Nhân Việt-Nam của Hoài-Thanh và Hoài-Chân, dẫu có số tuyển lựa 40 như kiểu Hàn-Lâm Viện Pháp, đã bỏ rơi nhiều nhà thơ có khuynh-hướng thi ca Hùng Việt hay những nhà thơ không được cảm tình của hai vị ngự-sử thi đàn kia...

Là một chứng nhân thời-đại, có tham dự vào phong trào, có xuất bản một tập sách nhỏ vào năm 1940, mệnh-danh là *Thảo Luận Luật Thơ Mới*, tôi có một tiếng chuông thứ hai về một thời-kỳ lãng-mạn trong thi-ca Việt-Nam. (1)

Tuyển tập «Hồn Thơ Nước Việt Thế-Kỷ XX» biên-khảo về thi-ca Việt Nam từ năm 1932, năm phong trào thơ mới hưng-khởi đến giờ.

Cương-lĩnh biên-lập là cố nhìn thi đàn bằng một nhãn-quan toàn-diện, tổng-quát, không bỏ sót một khuynh-hướng thi ca nào. Cách bố-cục của tuyển tập cũng rất giản-dị.

Tập thứ I.— Nhận-xét, phê-bình tổng-quát Phong-Trào Thơ Mới và các trường phái từ năm 1932 đến năm 1945.

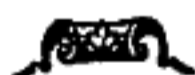
Một việc làm tượng-tự và giản-lược hơn được dành cho thời-kỳ khởi lửa và những năm Hậu Chiến.

Tập thứ II.— Trích-diễm và bình-luận một số thơ có giá-trị từ thời Tiền Chiến Phần trích-diễm này có ý giúp cho thế hệ năm 60 biết rõ nhiều hơn về tư-tưởng tình cảm của thế-hệ những năm 32 — 45.

Tập thứ III.— Lược-khảo và trích-diễm một số thơ văn Hậu Chiến. Những tên tác-giả được sắp đặt theo thứ-tự A B C để tránh tất cả những sự ngộ nhận về việc phân-định giá-trị một cách võ đoán, vội vàng...

Ai nỡ phê-bình những bông hoa đầu mùa một cách gay gắt. ..? Thi tài đang độ phát triển, chắc có những biến chuyển tư-tưởng, tình-cảm về sau. Chúng ta hãy cứ thưởng-thức những vần điệu, màu sắc, âm thanh của cả một thế-hệ tài-hoa đang hưng-khởi.

(1) Tập « Thảo luận Luật Thơ mới » xuất-bản ở Hà-nội chứ không phải ở Huế như Hoài-Thanh và Hoài-Chân đã ghi. Xuất-bản 1940 chứ không phải năm 1939, mặc dầu từ năm 1938. Tôi đã viết nhiều bài bài-luận về luật quân-bình trong thơ đăng trong phụ-trương văn-chương báo Tân-Tiến ở Saigon.



BIỂU TỔNG QUAN CÁC MÔN-PHÁI TRONG PHONG TRÀO THƠ MỚI

10-3. 1932 Tuyên ngôn của Phạm Khôi. Một lối thơ mới tình chánh giữa làng thơ.

| Tiếng thơ Hùng Việt | |
|--|--|
| Ưu Thế | Sắc thái Ái tình lãng mạn |
| <ul style="list-style-type: none"> ● Tình ái ● Tình sâu ● Tình hận ● Tình ca-kỹ (Lầu hồng Lầu xanh) ● Thơ khiêu dâm ● Thơ quái đản | <div> <div> <div>Sắc thái Quốc gia Dân tộc Cách mạng</div> <div>↓</div> <ul style="list-style-type: none"> ● Khuynh-hướng Anh hùng ca ● Thơ hoài cổ ● Thơ hiện thực ● Khuynh hướng vong quốc bi ca ● Khuynh hướng hữu vi </div> <div> <p>Thơ siêu thoát Thơ trầm tư Thơ bí hiểm</p> <div> <p>3 phong thái đặc biệt :</p> <ul style="list-style-type: none"> — Trung kiên với Luật thơ Đường — Náo nức cầu tân : trường bạch Nga — Một công tác điển-chế bơ.vơ </div> </div> </div> |

Chương I

NHỮNG SẮC-THÁI THƠ ÁI-TÌNH LÃNG-MẠN

- Phong-thái lãng-mạn
- Đề tìm cảm hứng
- Tình ái
- Tình sầu
- Tình hận
- Tình ca kỹ : lầu hồng, lầu xanh
- Thơ khiêu dâm
- Thơ quái đản

TỪ LÃNG MẠN CỤU THỨC ĐẾN LÃNG MẠN TÂN THỨC.

Người lãng-mạn thường có tâm-hồn đa cảm. Vì có tâm hồn đa cảm, họ thường bị xúc động vì sắc lá xanh, màu mây đẹp, ánh trăng ngà. Có một thứ đẹp hơn hoa lá nước mây, và nếu thiếu thứ ấy thì hoa lá nước mây chỉ là vật vô nghĩa.

Lamartine nói :

Un seul être vous manque et tout est dépeuplé

Vắng em, trời đất đều hù,

Vắng em một buổi sao nhiều nhớ nhung

Nhan sắc, tình yêu giai nhân là nguồn cảm xúc phong-phú, nguồn cảm hứng vô tận mà không thi nhân nào có can-đảm từ chối, dẫu là thứ thi nhân đã xông pha tên đạn suốt những năm khói lửa loạn-ly hay là thứ thi nhân :

Đã xông pha bút trận, thì gắng-gỏi kiếm-cung

Làm cho rõ tu-mĩ nam tử

Và đã năm cò đại tướng Bình Tây hơn trăm năm về trước.

Tặng biệt tình nhân, vị đại tướng Bình Tây ấy đã từng có những câu rất đau xót :

Sá nghĩ xa xôi ngàn dặm đất,

Tiếc công đeo-đuôi mấy năm trời.

Lúc ra vào tiếng nói, câu cười,

Một ngày cũng là người tri-ký

Sao nỡ đề kẻ vui, người tẻ

Gánh tương-tư riêng nặng bề bề ?

Thương thay người ở đôi quê

Nẻo đi thì nhớ nẻo về thì thương !

NGUYỄN CÔNG TRÚ

Phong-thái lãng-mạn đã này-nở từ thế-kỷ thứ 19, chứ có phải đời phong-trào Thơ Mới bột phát rồi nó mới xuất hiện đâu ? Chúng ta có thể dẫn rất nhiều thơ vãi của thế-kỷ trước để chứng minh lập-luận này. Và việc chứng minh ấy ai làm cũng được.

Ít nhất, người yêu thơ nào cũng còn nhớ câu :

**Đập cò kinh ra tìm lấy bóng,
Xếp tàn y lại để dành hơi n.**

của một nhà thơ trong thời kỳ toàn thịnh của Nho học đã quên mất về đạo-mao của nho sĩ để khóc than bi-thiết như một kẻ đa tình.

Trong thế kỷ thứ 19 đã có nhiều thơ văn lãng mạn ca tụng nhan sắc và ái tình rồi. Đối với một bóng giai-nhân thời Gia-Tĩnh, Chu Mạnh Trinh đã có những lời truy điệu yêu-thương tha-hiết, muốn vượt giới hạn cõi U Minh.

Đã toan đúc sẵn nhà vàng, chờ người quốc sắc. Lại muốn mượn chùm phượng thảo, hú vía thuyền duyên... Bây giờ kẻ còn dài chưa hết, giọt ba tiêu như thánh-thót mưa thu. Hỡi ôi! hờn có biết cho chăng, bóng hoàn bội tưởng ra vào Lạc Phố!

(Bài tựa truyện Kiều)

Không phải đợi có Xuân Diệu mới sinh ra tác phong nhớ tưởng người đẹp ngàn xưa :

Tôi yêu Bao Tự mặt sần-bì
 Tôi mê Ly Cơ hình nhịp-nhàng
 Tôi tưởng tôi là Đường Minh Hoàng
 Trong cung nhớ nàng Dương Quý Phi

Có cần gì phải tìm trong thơ văn bác học ? Cứ đọc ca dao của
bình dân cũng thấy tràn-trề những lời âu-yếm rất lãng-mạn :

Nước mắm ngon, dầm con cá dổi.
Em hẹn cùng chàng đề tổi em qua.
— Nói qua, sao chẳng thấy qua,

*Đề anh chờ đợi xót-xa canh trường
 Vì chưng cách ngõ xa đường.
 Cho nên đôi lứa không thường gặp nhau v.v..*

hoặc như :

*Ngồi đây khuất bóng dĩa xanh,
 Sao em mặc cỡ như cánh hồ người ?*

hoặc như :

*Anh về đề áo lại đây,
 Đêm khuya em đắp gió tây lạnh-lùng*

Như vậy, có lý nào Thơ Mới lại tranh chiếm độc quyền tâm tình lãng-mạn ?

Luận lý như vậy không phải là sai, nhưng không giải-thích được vì sao tâm-tình lãng-mạn trong Thơ Mới lại có vẻ đáng yêu và có mãnh lực làm cho người đọc bây giờ vẫn còn mê say lưu-luyến, vì sao nó có vẻ độc đáo rất kiểu diêm tân kỳ rất dễ thương.

Không ai chối-cãi rằng thơ văn thế-kỷ thứ 19 của Việt Nam có đầy đủ yếu-tố lãng-mạn. Nhưng trong nếp sống bình-tĩnh ép dưới lễ nghi phong-kiến, tâm tình lãng-mạn chỉ được biểu lộ nhờ một sự khoan-dung của lễ giáo mà thôi. Một sự biểu-lộ đơn phương : trai năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên một chồng. Người con trai có thể si-mê những nụ cười, khóe mắt của khuê nữ cũng như của kỹ nữ nhưng định-đoạt hôn nhân vẫn thuộc quyền mẹ cha. Quyền định-đoạt này lại tùy thuộc vào những yếu-tố rất ít liên quan đến tình-cảm, hai nhà phải môn đăng hộ đối, người con gái ấy được chọn là vì giỏi việc buôn bán làm ăn, hoặc có triển-vọng sinh nhiều con trai như mẹ nàng như chị nàng đã chứng-minh được khả năng sản-xuất những người nối dõi tông đường, khỏi lo tuyệt tự. Còn về phía người con gái thì đức-tính được đề-cao nhất là thuận tòng : cha mẹ đặt đâu, con xin ngồi đấy ! Tuy được lễ-giao khoan-dung nhưng người con trai lúc nào cũng phải lo-liệu cho trọn vẹn các bổn-phận đối với gia đình mà tội lớn nhất là không có người thừa kế. « Nhứt nam viết hữu thập nữ viết vô ». Vì những sự kiềm chế khắc-nghiệt ấy cho nên việc giải-tỏa tâm tình phát khởi song song với các vấn đề tự do luyện-ái, tự do kết hôn, giải phóng phụ nữ, nam nữ bình quyền v.v...

Yêu đương lãng-mạn không còn là một phong thái đặc biệt của một số người tài tình mà lại là lẽ sống của một thế-hệ thanh-niên mà phát ngôn viên là cả một thế-hệ thi-nhân, trong đó sôi-nổi, nồng-nhiệt nhất là Xuân-Diệu.

Chúng ta hãy nghe Thế-Lữ, nhà thơ tiền-phong của triều thơ lãng-mạn giới-thiệu tác-giả tập «Thơ thơ».

... Là một người sinh ra để mà sống, Xuân-Diệu rất sợ chết, sợ lạng-lim và bóng tối, hai hình ảnh của hư-vô. mục-đích của đời người có phải là hạnh-phúc đâu. Mục-đích, chính là sự sống. Mà còn gì làm cho sự sống đầy đủ hơn Xuân và Tình ?

Cho nên Xuân-Diệu say-đắm với tình yêu và hăng hái với mùa Xuân, thả mình bơi trong ánh nắng, rung-động với bướm chim, chắt đầy trong bầu tim, mây trời, thanh sắc. Ông hăm-hở đi tìm những nơi sự sống dồi-dào tự tại. Khi ông khao - khát vô-biên, tuyệt-đích, chẳng phải ông muốn lên tới đỉnh cao nhất của sự sống đó sao ? Ham yêu, biết yêu, Xuân-Diệu muốn tận hưởng tình yêu vì ông thấy chỉ tình yêu mới gồm được bao nhiêu ý nghĩa.

(trích tựa Thơ-thơ)

A, đã có triết-lý mới đây mà. *Tình yêu là đỉnh cao nhất của sự sống. Chỉ có tình yêu mới gồm được bao nhiêu ý nghĩa.*

Và điều cần thiết phải nhớ : đối-tượng của tình yêu chỉ là nữ sắc mà thôi.

Dưới ách thực dân, xin nhớ ghi thêm đừng thay đổi đối-tượng yêu-khieu trên ra 4 chữ dân-tộc, tổ-quốc mà mang họa. Cái gì cũng bị nghiêm cấm, dạy học không xin phép mà sĩ số quá 5 người là bị qui vào tội quần-tám, tụ-ngũ, phản-đối nhà nước Bảo-Hộ ; thiếu thuế thân là bị bỏ bót kỳ cho có tiền chuộc và nộp phạt mới tha ; làm thật một con dê thì phải mua 5 lít rượu ty nếu không thì bị phạt về tội mua rượu lậu v.v. và v.v. nhưng yêu đương và làm thơ tình thì thực là hoàn-toàn tự-do, tuyệt-đối tự-do. Càng làm nhiều thơ tình càng có hy-vọng được đời biết đến tên tuổi.

Tha hồ ca ngợi tình yêu. Không có gì để tranh-thủ cảm-tình của công chúng bằng cách nói chuyện tình và nói cho có văn điệu du-dương, có ý-tứ tha-thiết. Sau ngày cách-mạng giải-phóng dân-tộc năm 1930 « nhân-dân Việt đã quyết chí tiêu diệt, để quốc Pháp phải giã tay khúg - bở », tinh - thần chiến - đấu của dân - tộc bị sa - sút, cả một lớp thanh - niên bơ - vơ trước cuộc đời không định hướng chỉ còn có cách tìm người quên trong lạc thú tình yêu. Thực trạng tâm-lý này rất thuận tiện cho sự phát thịnh của văn-chương lãng-mạn.

Phương chi đã có một nếp lãng-mạn di-lưu từ thế-kỷ 19 làm nền tảng cho rồi. Văn-học Tây-Phương, đặc-biệt là văn học lãng mạn Pháp đã thổi vào tâm-hồn con người Tiền Chiến một luồng sinh khí mới dào dạt, phong-phú, say-mê hơn lối yêu-thương Đông Á theo kiểu Kim Trọng, Thúy Kiều. Khí-vị lãng-mạn thơm lừng hương sắc mới. Lối diễn-tả tình ý cũng đáng mê luyện hơn nhiều. Thi sĩ lãng-mạn là những chuyên viên giảng-dạy cách yêu. Đây là một cách trong muôn ngàn cách :

PHẢI NÓI

« Yêu tha-thiết, thế vẫn còn chưa đủ ?

« Anh tham-lam, anh đòi-hỏi quá nhiều.

« Anh biết rồi, em đã nói em yêu !

« Sao vẫn muốn nhắc một lời đã cũ ? »

— Yêu tha thiết thế vẫn còn chưa đủ,

Nếu em yêu mà chỉ để trong lòng,

Không tỏ bày, yêu mến cũng là không,

Và sắc đẹp chỉ làm bằng cầm thạch.

Anh thêm muốn vô biên và tuyệt đích,

Em biết không, anh tìm-kiếm em hoài.

Sự thật ngày nay không thật đến ngày mai,

Thì ân-ái có bao giờ lại cũ ?

*Yêu tha-thiết vẫn còn chưa đủ,
Phải nói yêu trăm bận đến ngàn lần ;
Phải mơn nũng cho mãi mãi đem xuân,
Đem chim bướm thả trong vườn tình ái.
Em phải nói, phải nói và phải nói :
Bằng lời riêng nơi cuối mắt đầu mày,
Bằng nét mi, bằng vẻ thẹn, chiều say,
Bằng đầu ngả, bằng miệng cười, tay riết,
Bằng im-lặng, bằng chỉ, anh có biết !
Cốt nhất là em chớ lạnh như đồng
Chớ thản nhiên bên một kẻ cháy lòng,
Chớ yên-đn như một hồ nước ngủ.
Yêu tha-thiết thế vẫn còn chưa đủ.*

XUÂN DIỆU

Kỹ-thuật yêu rất có vẻ Tây-Phương hay nói giọng bình-dân hơn là có vẻ Tây-đầm, Lời dặn-dò thật cần-thận, tỷ-mỷ. Văn-chương Việt từ trước đến nay chưa hề có bài nào như thế.

Trong hoàn-cảnh cách-mạng thoái trào, dưới bạo-lực đàn-áp của thực-dân, lòng người buồn chán, hoang-mang. Đó là những điều-kiện lý-tưởng cho thơ văn lãng-mạn độc chiếm uy-thế tôn-quí vô-huợng đủ đánh dấu một thời-đại.

Nguồn thi-cảm được khai-thác triệt-đề với những nỗ-lực chuyên tâm lạ thường. Sắc-thái lãng-mạng nhờ vậy mà có vẻ độc-đáo. Qua chín năm khói lửa, ảnh-hưởng của tư triều lãng-mạn một thuở còn rơi-rớt đến ngày nay.



Đôi giếng mắt đã chứa trời vạn học,
 Đôi bờ tai nào ngăn cản thanh-âm
 Cửa vu vơ nghe mãi tiếng kêu thầm,
 Cửa xanh thăm thấy luôn màu nói sẽ...

Tay ấp ngực dò xem triều máu-lệ,
 Nghìn trái tim mang trong một trái tim
 Đề hiểu vào giọng suối với lời chim,
 Tiếng mưa khóc, lời reo tia nắng động

Không có cánh nhưng vẫn thềm bay bằng ;
 Đi trong sân mà nhớ chuyện trên trời,
 Trút nghìn năm trong một phút chơi vui,
 Ngắm phong cảnh giữa hai bề lá cỏ...

— Tôi chỉ là một cây kim bé nhỏ,
 Mà vạn vật là muôn đá nam châm ;
 Nếu hương đêm say dậy với trăng rằm
 Sao lại trách người thơ tình lời-lả ?

XUÂN DIỆU

Thôi rồi, hồn thơ già-biết những cảnh hùng-tráng « sóng nghiêng trời, thác ngàn đờ » và thôi « cảm-khái vì những lời hăng-hái ». Chỉ còn có cái đẹp mơ-mộng mà thi-nhân hãnh diện công-nhận là bản-chất của mình :

Nếu hương đêm say dậy với trăng rằm
 Sao lại trách người thơ tình lời-lả ?

Đẹp và tình có sự tương quan mật-thiết với nhau. Đẹp là một thái-cực hay một trung tâm mà tất cả năng-khiếu của thi-sĩ đều xu-hướng về đó. Đi theo cái đẹp tức là đi theo một mối tình, dù là mối tình cam trong chốc-lát, mối tình vô vọng, mối tình thoáng nhẹ như ngọn gió bên sông. Nam Trân đã xác-nhận mối tương-quan đẹp và thơ trong những cuộc dạo chơi trên giòng Hương Thủy.

ĐẸP VÀ THƠ

*Thuyền nan dừng-dừng sau hàng phượng,
 Cô gái Kim Lương yêu-điệu chèo.
 Tôi xuống thuyền cô, cô chẳng biết
 Rằng Thơ thấy Đẹp phải tìm theo.
 Thuyền qua đến bến cô lui lại,
 Vẩy chiếc chèo ngang : giọt nước gieo
 Đắm đắm mỗi mắt vì chèo,
 Chèo cô quấy nước trong veo giữa giòng.
 Biết không, cô hỏi, biết không
 Chèo cô còn quấy sóng lòng còn xao.*

NAM TRÂN

Nàng vẫn hững-hờ không biết có người say-mê và cứ tiếp-tục quấy nước đề cho sóng lòng của khách quá giang xao-xuyến. Nàng không cần lưu ý đến một định-luật tâm-tình :

Rằng Thơ thấy Đẹp phải tìm theo

Nàng vô tình mà thi-nhân thì hữu ý. Chỉ cần sự hữu ý của thi-nhân là đủ có thơ hay rồi. Hễ có Đẹp thì có Thơ mà xứ Huế là một nơi rất nhiều cảnh đẹp, người đẹp. Nhan-sắc Trường An đã làm ngàn-ngơ bao nhiêu du khách phương xa nhất là những thư sinh nguyên quán ở Bình-Định, đất dụng võ xưa nay của những người có chí lớn. Đây, vài nét kiều-diễm của người kiều nữ Đế đô :

*... Có dạo hài son dặm thủy dương,
 Dáng đi mô phỏng nhạc Nghê Thường,
 Xiêm y sao gợi buồn cô-tịch
 Họa ở A Phòng nổi gió hương.
 Mắt liếc, ôi thu nước Động Đình,
 Hồn quân-vương trước cũng rung-rinh
 Hồn ta bỗng muốn làm nô lệ,
 Phép-tắc gì đây, chúa Tuyết Trinh ?*

*Môi đỏ vì chưng son ở đâu,
Phải chăng huyết lệ của tim sầu ?
Vua Tần đừng nói nhiều châu ngọc,
Vũ-trụ đừng khoe lắm nhiệm-mầu !*

L. G.
(Hoa dung xứ Huế)

Những vẻ đẹp ấy đáng để dành cho những người biết thưởng thức ngắm-nghĩa, làm thơ. Ca-dao đã chẳng từng có câu : « Làm hoa cho người ta hái, làm gái cho người ta trông » hay sao ? Những hương phấn rực-rỡ ấy nếu sa vào tay những kẻ có quyền-hành lớn, có gia sản to, bị dày-vò cho lặt phẩn, phai hương thì thật là một điều đáng ân-hận cho những thi-sĩ thanh niên nhiều ảo mộng mê-ly đắm-đuối. Không bưng bưng nòi giận như một thi sĩ đời Đường :

*Giai nhân dĩ thuộc Xa Cha Ly
Kiếm sĩ kim vô Cờ Ấp Nha*
phỏng dịch

*Tướng Phiên đã bắt mất nàng,
Hỡi ôi, đau xót bạn vàng ta chưa ?
Tìm đâu hiệp sĩ ngày xưa,
Múa gươm trước trận mà đưa nàng về ?*

Không nòi cáu như Nguyễn Giang « Luống hỏi bao năm hết bọn già? », khi thấy những đoàn xe hoa đi trước gió thu, Xuân Diệu đã bùi-ngùi than-thở trong bài :

NGÂN - NGƠ

*Ta tiếc theo sau những đóa hồng,
Những nàng con gái sớm phai bông,
Những cô hây hây còn đôi tám
Xo đuôi nằm im với lấy chồng !*

Ta đã tìm thăm những năm mờ
Vô tình chôn giữa trái tim thơ
Vô hình ôm-ấp bao di-tích,
Của những tình thương bị hững-hờ.

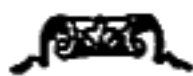
Giờ lạnh rồi đây ! Sắp nhớ nhung !
Sương the lảng đảng bạc cây tùng
Từng nhà mở cửa tương-tư nắng
Sắp-sửa lòng ta để lạnh-lùng !

Mùa cúc năm nay sắc đã già,
Ai tìm ta hộ dáng thu qua ?
Những buồn xưa cũ, nay đâu mất ?
Ôi phượng bao giờ lại nở hoa ?

XUÂN - DIỆU

Anh đi tìm cảm hứng trong nắng mai hồng, trong gió thu lạnh, trên nước biếc, trên đường xa. Những màu sắc của ngoại cảnh không làm cho anh đắm-say bằng sóng thu trong mắt em, mây huyền trên tóc em. Thơ tìm theo Đẹp. Thơ đã gặp Đẹp, nguồn cảm-hứng phong-phú nhất của Thơ.

Nhan sắc giai nhân, một đề-tài khởi thủy trên bước đường tìm cảm hứng của Thơ Mới.



TÌNH ÁI

Hai nhà cách-mạng tức nhỏ là Ngô Đức Kế và Huỳnh Thúc Kháng đã đồng ý với nhau trong việc phê cho truyện Thúy Kiều 8 chữ :

Ai, 'dâm, sầu, oán ; đạo, dục, tăng, bi !

Lúc Phong trào Thơ Mới hưng-thịnh, cụ nghệ Ngô qua đời đã lâu, riêng còn lại cụ nghệ Huỳnh và cụ không phê gì hết. Còn phê gì được nữa khi những thi-nhân của thế-hệ mới coi tình yêu là lẽ sống, nhất định không chịu quan-niệm một cuộc sống thiếu tình yêu. Có kẻ dím tuyên-bố rằng:

Ta thanh-niên thi-sĩ thì nghênh-ngang

Tình tình ái ái sôi trào và vắng lặng...

Người ta thêm yêu, cần yêu, yêu để sống, sống vì yêu cũng như xưa kia « trai thì trung-hiếu làm đầu, gái thì tiết-hạnh là câu sữ mình » vậy.

Rất nhiều thơ tình lời-'ẽ đắm-đuối, mê-say; nhạc điệu du-dương, tha thiết, quyến-rũ.

Tình ái là một đề-tài cần-thiết cũng như khí trời cho cuộc sống người thơ.

Phạm-Hầu đã có câu :

Đã biết con thơ trלו mẹ hiền,

Người trần mơ tưởng chuyện cung tiên

Ý tôi len-lỏi trong trời đất,

Tìm bóng người yêu lẽ tự nhiên !

Lẽ tự-nhiên là thi-nhân đa tình phải nói đến chuyện tình yêu. Vậy mà sao có người gạn hỏi duyên-do làm chi cho một óc và bỏ phí mất những giây-phút gần-gũi rất quý báu để trao duyên khăng-khít ? Khi óc duy-lý ấy có ích-lợi gì đâu ?

Tôi yêu là bởi tôi yêu,
Cầm tay cô hỏi ít nhiều làm chi ?
Khi yêu, không đắn-đo gì,
Phân-phô chừ biết nói vì cớ sao ?
Hưởng hồ yêu tự khi nào
Hôm qua lòng thấy ngạt-ngào mới hay.

(NGUYỄN ĐÌNH THU)

Mới khám-phá rằng mình đã yêu từ hôm qua, nhưng trước sự khám phá gần-gũi quá đỗi ấy, lòng thi-nhân đã rạo-rực tự bao giờ :

RẠO-RỰC

Tơ liễu giơng gờm tơ liễu êm,
Bướm bay lại sánh bướm bay kèm
Nghìn đôi chim hót — Chàng trai ấy
Không có người yêu đề gọi « Em » !

Mặt trời vừa mới cười trời xanh
Duyên đẹp hôm nay sẽ tốt lành
Son sè trời như mười sáu tuổi
Má hồng phơn-phớt, mắt long-lanh.

Có phải chàng tơ đến tuổi rồi,
Ra đường ngỡ được thấy hoa 'chôi
Uông cho áo mới mừng xuân rộn !
Ai đợi chàng đâu ? chỉ nằng cười.

Ghen tuông nhìn ngọn gió chen cây
Chim lẻo không im, liễu cứ gãy
Và các môi hoa như sắp nói
Ái tình đẹp tựa chúng em đây !

XUÂN DIỆU

Không phải chỉ yêu nhau trong kiếp này là đủ thỏa nguyện người ta đâu. Người ta còn ao-ước yêu nhau qua mấy kiếp luân hồi nữa. Nếu có thần linh nào mời họ vào một thế giới cực lạc, họ cũng từ chối vì họ muốn chìm đắm trong biển đục để giữ trọn thề-ước ngày xưa Lưu Trọng Lư có bài :

MỘT CHÚT TÌNH

*Chưa biết tên nàng, biết tuổi nàng
Mà sầu trong dạ đã mang mang,
Tình yêu như bóng trắng hiu-quạnh,
Lạnh-lẽo đêm trường giải gió sương.*

*Ta chỉ xin em một chút tình
Cho lòng đắm lại với ngày xanh.
Sao em quên cả khi chào đón
Tình ái, chiều xuân, đến trước màn?*

*Rộn rã cười vong một góc lầu,
Ngây-thơ em đã biết gì đâu !
Đêm khuya trắng động trong cây lá,
Vô-võ ta xe nẩy đoạn sầu.*

*Lác-đục ngày xuân rụng trước thềm,
Lạnh lùng ta dõi bước chân em,
Âm-thầm ấp mối xa xa... vọng ;
Đường thế đâu tìm bóng áo xiêm ?*

*Đợi đến Luân Hồi sẽ gặp nhau,
Cùng em nhắc lại chuyện xưa sau.
Chờ anh dưới gốc sim già nhá !
Em hái đưa anh . . . đóa mộng đầu.*

LƯU TRỌNG LƯ

Còn khần-thiết hơn một nhà cách-mạng sợ bỏ lỡ thời cơ, hối-thúc đồng-chí phải tranh thủ thời gian thật gấp, Xuân Diệu lên tiếng giục già, mau mau hưởng ái-tình cho kịp tuổi hoa-niên.

GIỤC GIÃ

Mau với chứ, vội vàng lên với chứ !
Em, em ơi ! Tình non đã già rồi.
Con chim hồng, trái tim nhỏ của tôi,
Mau với chứ ! Thời gian không đứng đợi
Tình thôi gió màu yêu lên phấp-phới :
Nhưng đôi ngày, tình mới đã thành xưa.

Nắng mọc chưa tin, hoa rụng không ngờ,
Tình yêu đến, tình yêu đi, ai biết.
Trong gộp-gỡ đã có măm ly-biệt ;
Những vườn xưa, nay đoạn tuyệt dấu hài.
Gấp đi em ! Anh rất sợ ngày mai ;
Đời trôi chảy, lòng ta không vĩnh-viễn.

Vừa xích gối chần, mộng vàng tan-biến.
Dung-nhan xê-động, sắc đẹp tan-tàn !
Vàng son đương lộng lẫy buổi chiều xanh
Quay mặt lại : cả lâu chiều đã vỡ,
Vì chút mây đi, theo làn vút gió,
Biết thế nào mà chậm rãi em ơi ?

Sớm nay sương xê-xích cả chân trời,
Giục hồng nhận thiên di về cõi Bắc,
Ai nói trước lòng anh không phản trắc,
Mà lòng em sao lại chắc trơ trơ ?
Hái một mùa hoa lá thuở măng tơ,
Đốt muôn nến sánh mặt trời chói lói :

*Thà một phút huy-hoàng rồi chợt tối
 Còn hơn buồn le-lói suốt trăm năm.
 Em vui đi, rặng nở ánh trắng rằm
 Anh hút nhụy của mỗi giờ tình-tự.
 Mau với chứ, vội vàng lên với chứ !
 Em, em ơi ! Tình non sắp già rồi...*

XUÂN DIỆU

Thực là một mệnh-lệnh hỏa tốc, thượng khẩn !

Trong bầu không khí ái tình rộn ràng ấy, nếu ai có nhắc đến những nhiệm vụ thanh niên, nhiệm vụ kẻ sĩ, quốc-gia, xã-hội v.v... thì chắc hẳn được thế hệ thanh niên thi sĩ đương thời trở mắt nhìn như chúng ta nhìn con hươu cao cổ Phi-Châu hoặc con khủng long thời tiền sử.

Trào lưu ái tình lãng mạn đã được chính quyền lúc ấy nâng đỡ bằng cách cho phổ biến dễ dàng. Mật thám chỉ theo dõi và ghi sớ đen những người làm thơ có chút hơi hướng ái quần, ái quốc mà thôi.

Đương thời toàn thịnh của nhóm Huy-Xuân (Huy-Cận và Xuân-Diệu), thanh-thế của thơ điểm tình rất mạnh. Thanh niên bịt mắt bưng tai trước các vấn đề lớn như quốc thù, dân tộc sinh tồn và cải biết thực hiện những khẩu hiệu của Xuân-Diệu :

Tôi không biết, không biết gì nữa cả.

Chỉ yêu nhiều là tôi biết mà thôi.

Cũng may, thời kỳ cực thịnh của nhóm Huy-Xuân khởi đầu từ năm 1938, năm xuất bản tập «Thơ thơ» của Xuân-Diệu và hiện rõ thế suy nhược sau năm 1940, năm xuất bản tập «Lửa Thiêng» của Huy-Cận.

Nói như thế không phải là khẳng-định rằng văn chương lãng mạn đã chịu suy tàn cho đâu. Chính vì năm 1940, nhiều tập thơ có giá trị khác được in ra, chia sẻ bớt cái uy-thế độc tôn của Huy-Cận, Xuân-Diệu. Đó là những tập : Thơ Say của Vũ-Hoàng-Chương, Lỡ bước sang ngang, Tâm hồn tôi của Nguyễn-Bính.

Lãng-mạn vẫn còn lãng mạn mặc dầu thời cuộc có những cơn sóng gió kinh hoàng. Thị hiếu của người đọc đã có nhiều triệu chứng biến đổi.

TÌNH SẦU

Niềm vui khó đạt ý, điệu buồn dễ cảm người. Đó là lập luận của Hàn Phi, giải-thích vì sao thơ tình lại có nhiều bài buồn thảm.

Thơ Mới có rất nhiều bài thơ tình sầu, tình sầu chứ chưa phải là tình hận. Nếu đã mang hận mà âu-sầu thì đó là một sự tất nhiên. Các sầu ở đây có trước nỗi niềm u-hận. Đó là mối sầu tự hữu, có sẵn trong lòng thi-nhân.

*Xuân về ca xúy ở dương gian,
Âm-diệu trong màu nắng mới sang,
Trăm ngón hoa buông hình yểu-diệu,
Nhịp-nhàng hương tỏa, dịu dàng lan...*

*Âm-diệu reo vui với nắng đào
Sắc màu tươi đẹp chốn hoa lâu
Tuy nhiên trong cảnh xuân sang đó,
Một cội cây xuân đáng điệu sầu.*

*Lá thắm, từng giây, lá rũ hàng
Buồn là bản-chất của Y Lan,
Cái cây thi-sĩ vô tình đã
Biên những giòng « thơ lá » bẽ-bàng.*

*Trời là trang giấy rộng như mơ,
Ghi chép hồn cây phải một tờ...
Khốn nỗi bao người lơ đãng quá
Vô tình không hiểu đó là thơ.*

*Tôi đi làm bạn với cây kia,
Hồn đề song-song chẳng gọi về.
Cây mạnh, tôi xuân, buồn vẫn đắm,
Mạnh, buồn ai bảo phải phân chia*

(Y LAN -- PHẠM HẢI)

Giữa một mùa xuân, nhựa cây tràn sinh lực, thi sĩ vẫn thấy mình cô đơn. Giữa tuổi hoa-niên, tâm hồn bỗng dưng đau xót. Không cần tìm hiểu nguyên nhân :

Buồn là bản-chất của Y-Lan.

Thi sĩ với Y-Lan là hai bạn tri âm cảm thông nhau từ muôn kiếp trước. Thi sĩ buồn vì thiếu tình yêu chăng ? — Không ! Một sinh-viên ngoài vài mươi tuổi, có khuôn mặt hiền diệu, dễ thương như Phạm Hầu há không tìm được một người bạn gái. Chính vì không thích yêu ai hay chỉ yêu những tình nhân lý tưởng mà thi sĩ cảm thấy mình lưu lạc giữa trần gian. Vì bản chất của tâm hồn là u buồn nên mới ngậm sầu bơ-vơ,

Người ưa buồn phải tìm những cảnh buồn thích-hợp với lòng mình. Giữa một khung cảnh khách quan rất nhộn-nhip, hoạt động ồn-ào như nhà ga xe lửa mà Tế Hanh cũng tìm được những nỗi đau xót rất xao xuyến, tê mê :

*Những ngày nghỉ học tôi hay đến
Đón chuyến tàu đi ở những ga.
Tôi đứng bơ-vơ xem tiễn biệt
Lòng buồn đau xót nỗi chia xa.*

*Tôi thấy tôi thương những chuyến tàu,
Ngàn đời không đủ sức đi mau,
Có gì vương-vấn trong hơi máy,
Mấy chiếc toa đầy nặng khổ đau.*

*Bánh nghiêng lăn lăn quá nặng nề
Khói phì như nghẹn nỗi đau tê,
Lâu lâu còi rúc nghe rền rĩ,
Lòng của người đi réo kẻ về.*

*Kẻ về không nói bước vương vương,
Thương nhớ lan xa mấy dặm đường.
Lẽo đẽo tôi về theo bước họ
Tâm hồn ngơ ngẩn nhớ muôn phương.*

(VU-VƠ — TẾ-HANH)

Thi-sĩ đã có sẵn nỗi buồn, nhìn vào đâu, lại không màu thảm đạm

*Hoa nở đề mà tàn,
Trăng tròn đề mà khuyết
Bèo hợp đề mà tan,
Người gần đề ly biệt.*

(XUÂN-DIỆU)

Cứ theo cách nguy-biến ấy thì đương sống tức là tiến về cõi chết đây ?

Vì đâu mà tâm hồn có những nỗi buồn không cách gì giải thoát ?

*Cả dĩ-vãng là chuỗi mờ vô tận,
Cả tương lai là chuỗi huyết chưa thành
Mà hiện tại, biết cùng chẳng hỏi bạn,
Cũng đang chôn lặng lẽ những ngày xanh.*

(CHẾ-LAN-VIÊN)

Có phải thi nhân đã cảm thông được nỗi niềm bi hận của dân tộc mất chủ quyền ? Có phải họ dự đoán tương lai, chưa có cơ hội khôi phục ? Sau những biến cố lịch sử năm 1945, thi sĩ sẵn sàng dùng quan điểm u sầu vong quốc mà giải thích thái độ đau xót không thể lý giải của họ trước kia. Có người cho rằng vì trong thời Pháp thuộc, cảm thấy ánh đô hộ dập tắt hết những tia hy vọng quật khởi, phục hưng nên họ sinh ra thần thờ, chán nản. Không thể nói rõ tâm sự, họ đành dùng thơ tình sầu để trút cho vợi bớt ưu tư.

Tôi không tin những lời lý giải này được. Có tiếp xúc thân mật với một số thi sĩ nổi danh thời Tiền Chiến, tôi không hề nghe những người ấy đàm luận chính trị bao giờ. Giả tỷ có ai đem chuyện quốc nhục luận bàn, họ cũng bỏ qua không nghe vì còn bận làm thơ tình sầu sao cho thật tha thiết, đọc lên là róm lệ. Đa số đều tránh các vấn đề chính trị vì chính trị thiết thực và thơ là mơ mộng, hai thứ ấy không quan-hệ đến nhau. Kịp đến khi phải cọ xát với thực tế đấu tranh, họ đã giật mình, bối ngỡ vì vừa tỉnh mộng vì thật tình họ sống trong mơ mộng triền miên.

*Xuống thang, mặt trắng bơ phờ,
Va vào thế sự còn ngờ chiêm bao !*

Hai câu thơ này của Yến-Lan rất được văn thi sĩ ở Nam, Nghĩa, Bình, Phú tán thưởng. Vì nó nói đúng một thực tế tâm lý, không một chút khoe khoang. Nhiều nhà thơ mới trong khoảng thời gian 1930 — 1945 sống trong tháp ngà của mộng tưởng, của văn chương. Kịp đến khi phải xuống tháp ngà, họ ngại ngùng, kinh ngạc. Lần đầu tiên, thực tế máu lửa dội những luồng hơi nóng bỏng vào những tâm hồn trước kia chỉ có hương phấn, nước mây.

Không thể bằng cứ vào những luận điệu đúc theo một quan-điểm chính-trị giai-đoạn, đúc ra sau một thực-tế tâm-lý để giải-thích thực-tế tâm-lý có sẵn từ trước kia. Nói một cách khác, những lời lẽ rất có vẻ giác-ngộ chính-trị đều pha nhiều ít lý-luận ngụy-trang, không thành thật.

Bản chất sầu và ưa sầu của thi-sĩ thời đó có lẽ giống như những giọt lệ của Thúy Kiều khi viếng má Đạm Tiên. Vốn có bản chất sầu tư, lại được đọc những tác phẩm lãng mạn tiền phong như « Giọt lệ thu » của Trương Phố, « Linh Phượng Ký » của Đông Hồ, những tiểu-thuyết bi sầu dịch ra Việt văn như « Tuyết Hồng lệ sử » của Từ Trầm Á,

những tác-phẩm u-hận Pháp văn như René, Attala của Chateaubriand v.v.. năng-khiếu sâu tư của những thi-sĩ trẻ tuổi trong phong trào Thơ Mới được tự-do phát-triển. Do đó, sáng tác phẩm của họ nhiều sâu mộng, mộng sâu. Họ giống như những cánh bèo trôi theo trào-lưu lãng mạn mênh-mông.

Trào-lưu lãng-mạn đương thời có thể bắt nguồn từ sâu hận vong quốc, nhưng những nhà thi-sĩ trẻ tuổi ưa làm thơ tình sâu không tiếp-xúc với uyên nguyên sâu-hận ấy. Trào lưu đã thành trường giang rồi họ mới gia-nhập vào. Giữa họ và sâu-hận vong quốc có một giòng sông lãng mạn ngăn-cách. Có khi mê-mạn vì tình sâu, họ quên mất quốc-hận cũng nên. Không phải vì giác ngộ chính-trị mà có thơ tình sâu. Chính vì ưa làm thơ tình sâu nên không cần quan tâm đến chính-trị.

Thi-sĩ lãng-mạn cuối thế-kỷ XIX là Chu Mạnh Trinh có câu :

Trời tình mà mịt, bề hận mênh-mang.

Thi sĩ điển tình của phong trào Thơ Mới là Xuân Diệu lại than :

Bao nhiêu sâu, ôi sâu biết bao nhiêu !

Khi yêu tình, khi theo mãi tình yêu !

Làm thơ tình ái thì dẫn đến thơ tình sâu, đó chính là lý-thế tiến triển tự nhiên vậy.

TÌNH HẬN

Sâu và hận là chữ thường dính liền nhau. Đã có tình sâu thì phải có tình hận. Chúng ta đã hẳn không lấy điều đó làm lạ. Chúng ta chỉ nên lấy làm lạ vì không khí trường hận, u hận mang mang bao trùm kín mít đùn thơ như đỉnh Trường Sơn khuất dưới màn mưa sương tê-lạnh.

Bài thơ tình hận được nhiều người biết và yêu chuộng là bài « Hai sắc hoa si gôn ». Một thiên tình sử thông thường, hai kẻ yêu

nhau rồi không lấy được nhau, chàng đem tình hận đi xông pha mưa gió ở đâu đâu, nàng lấy chồng và sống những ngày tẻ lạnh ở chốn khuê phòng. Từ ấy, mỗi độ thu về, nàng lại tưởng nhớ người xưa. Và bài thơ « Hai sắc hoa ti-gôn » lại gọi được những tiếng thở dài của những người đồng cảnh. Đó cũng là một « giọt lệ thu » nhưng trường-cửu hơn « Giọt lệ thu » của Trương Phố vì nhờ có giọng thơ rất bi-thiết, chấn thành.

HAI SẮC HOA TI-GÔN

Một mùa thu trước mỗi hoàng hôn

Nhặt cánh hoa rơi chẳng thấy buồn.

Nhuộm ánh nắng tà qua mái tóc,

Tôi chờ người đến với yêu đương

Người ấy thường hay ngắm lạnh lòng

Giãi đường xa vút bóng chiều phong

Và phương trời thăm mờ sương cát

Tay vút dây hoa trắng cạnh lòng

Người ấy thường hay vuốt tóc tôi

Thở dài trong lúc thấy tôi vui

Bảo rằng : « Hoa giống như tim vỡ,

Anh sợ tình ta cũng thế thôi ! »

Thuở ấy nào tôi có hiểu gì

Cánh hoa tan tác của sinh ly

Cho nên cười đáp : « Màu hoa trắng

Là chút lòng trong chẳng bận gì ! »

Đâu biết lần đi một lối làng

Dưới trời đau khổ giết yêu đương

Người xa xăm quá, tôi buồn lắm

Trong một ngày vui pháo nhuộm đường.

Từ ấy Thu rồi Thu lại Thu,
Lòng tôi còn giá đến bao giờ.
Chồng tôi vẫn biết tôi thương nhớ,
Người ấy, cho nên vẫn hững hờ !

Tôi vẫn đi bên cạnh cuộc đời
Ái ân lại lẽo của chồng tôi.
Mà từng thu chết, từng thu chết
Vẫn dấu trong tim bóng một người.

Buồn quá, hôm nay xem tiểu-thuyết.
Thấy ai cũng ví cánh hoa rơi
Nhưng hồng tựa trái tim tan vỡ
Và đỏ như màu máu thấm phai.

Tôi nhớ lời người đã bảo tôi
Một mùa thu cũ rất xa xôi
Đến nay tôi hiểu thì tôi đã
Làm lỡ tình duyên cũ mất rồi !

Tôi sợ chiều thu nắng phớt mờ
Chiều thu hoa đỏ rụng chiều thu
Gió về lạnh-lẽo chán mấy vắng
Người ấy bên sông đứng gọi đò.

Nếu biết rằng tôi đã có chồng
Trời ơi, người ấy có buồn không
Có thắm nghĩ tới loài hoa vỡ
Tựa trái tim phai, tựa máu hồng ?

T. T. KH.

Nàng là ai mà lời thơ thấm thiết vô ngần ? Chính sự bí-mật về tông tích này càng làm cho người ta tức đoán nỗi lòng u-ẩn của nàng là một khúc trường hận ca miên-miên bất tuyệt. Và lòng ái-ngại, ái mộ tăng lên.

Nhưng chiếm giải quán quân về thơ tình hận là Nguyễn Bình với bài « Lỡ bước sang ngang ». Với nội dung và thanh điệu đáng được tôn xưng. Bởi từ ải Nam Quan cho đến mũi Cà Mau ; từ thành-thị đến thôn quê, khắp chốn thâm sơn, cùng cốc, đâu đâu cũng có người đã đọc và nhớ được ít ra là vài ba câu của bài này. Thực là một sự phổ biến rộng-rãi lý-tưởng đáng cho những huấn-luyện viên chính-trị thêm muốn. Chữ « lỡ bước sang ngang » được giới thanh-niên nam nữ thông cảm và dùng theo nghĩa bị ép buộc tơ duyên. Chữ « sang ngang » có nghĩa là lấy chồng. Bài thơ kể chuyện một thôn nữ bị ép duyên. Gia-đình nàng phải gả nàng cho một cường hào nhiều thế-lực Nàng ra đi, trao nhiệm-vụ bảo vệ gia-đình lại cho em gái. Với cảnh xuất gia mà cũng là cảnh sinh-ly :

LỖ BƯỚC SANG NGANG

*Em ơi ! em ở lại nhà,
Vườn dâu em đồn, mẹ già em thương.
Mẹ già một nắng hai sương,
Chị đi một bước trăm đường xót-xa.
Cậy em, em ở lại nhà,
Vườn dâu em đồn, mẹ già em thương.
Hôm nay khói pháo đầy đường,
Ngày mai khói pháo còn vương khắp làng.
Chuyến này chị bước sang ngang,
Là tan vỡ giấc mộng vòng từ đây.*

Rượu hồng, em uống cho say,
Vui cùng với chị vài giây cuối cùng.
Rồi đẩy sóng gió ngang sông,
Đầy thuyền hận, chị lo không tới bờ.
Miếu thiêng vụng kén người thờ,
Nhà hương khói lạnh chị nhờ cây em.
Đêm qua là trắng ba đêm,
Chị thương chị kiếp con chim lìa đàn.
Một vai gánh vác giang-san,
Một vai nữa gánh muôn vàn nhớ thương.
Mắt quầng, tóc rối, tơ vương,
Em còn cho chị lược gương làm gì ?
Một lần sảy bước chân đi,
Là không hẹn một lần về nữa đâu.
Cách mấy mươi con sông sâu.
Và trăm ngàn vạn dịp cầu chênh-vênh
Cũng là thôi, cũng là đành,
Sang ngang lối bước riêng mình chị sao ?
Tuổi son, nhạt thắm, phai đào,
Đầy thuyền hận có biết bao nhiêu người.
Em đừng khóc nữa em ơi,
Dẫu sao thì sự đã rồi, nghe em !
Một đi bảy nời ba chìm,
Trăm coy nghìn đắng con tim héo dần
Dầu em thương chị mười phần.
Cũng không ngăn nời một lần chị đi

*Chị tôi nước mắt đầm-đìa,
 Chào hai họ đề đi về nhà ai.
 Mẹ trông theo mẹ thở dài,
 Giây pháo đỏ bỏng ngang trời nở ran. . .
 Tôi ra đứng ở đầu làng,
 Ngồi trông theo chị khuất ngàn dâu thưa.*

(BÀI 1 — NGUYỄN-BÍNH)

Đây là bài thơ « đại chúng hóa » nhất từ giọng thơ cho đến ý-tư thích hợp với trình-độ thường-thức của thôn nữ, cho nên nhiều khi nó biến tướng thành bài hát ru em. Dẫu sao, sự lưu hành rộng rãi cũng lẫn-át được những bài thơ tình hậu khác, lời-lẽ văn-hoa, nhiều màu sắc hơn, ý-tư cũng thanh thoát, tân kỳ hơn. Chẳng hạn như bài « Vọng hải đài » của Phạm-Hầu.

Vọng hải đài đứng trơ-vơ giữa khoảng trời nước bao la. Du khách ghé thăm giây phút rồi đi biệt tăm, vết chân còn lại bụi đường trên thềm hoa cô-tịch. Hình ảnh của một thi sĩ cô độc mà tình giai-nhân thoáng qua cuộc đời đã để lại những hình-ảnh xót-xa. Lòng thi-sĩ nhớ nhung mà giai nhân không hề tưởng đoán.

VỌNG HẢI ĐÀI

*Chẳng biết xa lòng nhớ những ai,
 Thềm hoa từng dội gót vân hài
 Hỡi ôi, người chỉ là du khách
 Giây phút dừng chân Vọng hải đài.*

*Cơn gió nào lên một buổi chiều
 Ai ngờ thời tạt tấm tình kiều
 Tháng ngày đi rước tương tư lại
 Làm rã chân thành sắp sửa xiêu . . .*

*Trống trải trên đài du khách qua
 Mấy ngày vơ-vẩn gió đêm là
 Và muôn đời hãỵ còn vương-vấn
 Một sắc không bờ trên biển xa...*

*Lòng xiêu xiêu, hồn nức hương moi
 Rạng đông về thức giấc hoa lai
 Đưa tay, ta vẫy ngoài vô tận...
 Chẳng biết xa lòng nhớ những ai ?*

PHẠM HẦU

Ngày nay, chúng ta đọc lại đôi bài, cảm thấy ít nhiều hứng thú. Nhưng đương thời, thi đàn gần như một đám ma vì có biết bao nhiêu giọng nhấc loạt cử ai.... Đến nỗi một nhà thơ trào-phúng phải lên tiếng mỉa-mai :

*Ai bảo yêu là lấy được nhau,
 Đã yêu là khổ, khổ là đau,
 Khổ đau, đau khổ, loanh quanh mãi,
 Rồi cuộc anh em cũng bạc đầu !*

Cái gì nhiều quá độ cũng dễ gây nhàm chán. Thơ tình sầu hận của phong trào Thơ Mới cũng không thoát khỏi công lệ đó được.

TÌNH CA - KỸ :

Lầu hồng, lầu xanh.

Rằng thơ thấy Đẹp phải tìm theo...

Cho nên Thơ đã lạc bước hay đã tự ý dẫn thân đến xóm Bình Khang vì ở đó có nhiều sắc đẹp. Cũng không cần phải điều-tra lý-lịch của những kiều nữ bạc mệnh ấy làm chi. Bạch Cư Sĩ, thi sĩ đời Đường, đã có câu :

Đồng thị thiên nhai luân-lạc nhân,
 Tương phùng hà tất tăng tương thức
 dịch
 Cùng một lúa bên trời lặn đạn
 Gặp gỡ nhau lọ sẵn quen nhau

Thi-sĩ và giai nhân, không luận là khuê nữ hay kỹ nữ, đều có ít
 nhiều duyên nợ văn-vương. Thi sĩ sẽ diễn tả dùm sầu-hận của giai-
 nhân, bởi vì khổ lụy dồn về phía giai-nhân chứ du-khách không cần
 gởi thêm khổ lụy cho nặng hành-trang trên bước đường phiêu-bạt. . . .
 Kẻ ở lại bao giờ cũng đau xót nhiều hơn người đi.

LỜI KỸ NỮ

Khách ngồi lại cùng em trong chốc nữa
 Vội-vàng chỉ trắng sáng quá khách ơi !
 Đêm nay rằm, yến tiệc ở trên trời ;
 Khách không ở, lòng em cô-độc quá !
 Khách ngồi lại cùng em. Đây gởi lá
 Tay em đây, mời khách ngả đầu say
 Đây rượu nồng và hồn của em đây,
 Em cung kính đặt dưới chân hoàng tử,
 Chớ đập hồn em !

Trăng từ viễn xứ
 Đi khoan thai lên ngự đỉnh trời tròn,
 Gió theo trăng từ biển thổi qua non,
 Buồn theo gió lan xa từng thoáng rợn.
 Lòng kỹ nữ cũng sâu như biển lớn.
 Chớ riêng em phải gập lòng em
 Tay ái-ân du khách hãy lay rên
 Tóc xanh tốt, em xin nguyện dệt vông

Đầy họ hồn em triển miên trên sóng,
 Trôi phiêu lưu không vọng bến hay gành ;
 Vì mình em không được quấn chân anh,
 Tóc không phải những giây tình vương-viu.
 Em sợ lắm. Giá băng tràn mọi nẻo
 Trời đầy trăng lạnh lẽo suốt xương da
 Người giai nhân : bến đợi dưới cây già,
 Tình du khách : thuyền qua không buộc chặt.
 Lời kỹ nữ đã vỡ vì nước mắt,
 Cuộc yêu-đương gay gắt vị làng chơi
 Người viễn du lòng bận nhớ xa khơi
 Gõ tay vương đề theo lời gió nước.

Xao-xác tiếng gà. Trăng ngà lạnh buốt
 Mắt run mờ. Kỹ nữ thấy sóng trôi.
 Du khách đi.

— Du khách đã đi rồi !

XUÂN - DIỆU

Câu thơ ngắn cuối cùng "Du khách đã đi rồi !" có hiệu-lực xác nhận một sự tuyệt vọng.

Người kỹ nữ của Thế Lữ cũng có một tâm-trạng tương-tự :

BÊN SÔNG ĐƯA KHÁCH

Trời nặng mây mù. Mấy khóm cây
 Đứng kia, không biết tỉnh hay say
 Đổ bờ sông trắng con thuyền bé
 Cạnh lớp lau già, gió lật lay.

Tôi tiễn đưa anh đến tận thuyền
 Đề dài thêm hạn cuộc tình duyên ;
 Thuyền đi, tôi sẽ rời chân lại,
 Tôi nhớ tình ta, anh vội quên.

Thuyền khách đi rồi, tôi vẫn cho
 Lòng tôi theo lái tới phương mô ?
 Bâng-khaâng trong cõi sầu vô hạn
 Không khóc vì chưng mắt đã khô.

Đâu biết rằng anh cũng chỉ là
 Khách chơi giấy lát ghé chơi qua,
 Rồi thôi, dứt áo không tình nữa
 Đề mặc mình ai khờ, ước, mơ.

Tôi chỉ là người mơ ước thôi,
 Là người mơ ước hão, than ôi !
 Bình minh chói lói đâu đâu ấy
 Còn chốn lòng riêng u ám hoài.

Mà biết vô duyên vẫn cứ mong,
 Trăm năm ôm mãi khối tình không
 Trọn đời làm kẻ đưa thuyền khách ;
 Thuyền chày : trơ vơ đứng với sông.

THẾ-LỮ

(Mấy vần thơ . Tập mới) (1)

(1) Về nguyên văn bài thơ, chúng tôi mạn phép có chút ý kiến bàn góp. Khi xuất bản thành lập, tác-giả có sửa-chữa ít nhiều, so với bản đăng báo mà chúng tôi đã học thuộc và còn nhớ có nhiều chỗ mà sự sửa chữa không có kết quả làm cho bài thơ hay thêm. Ví dụ :

Trời nặng mây mù. Mây khóm cù
 Đứng xa . . .

(Tác-giả thay chữ xa bằng chữ kia)

Thuyền khách đi rồi, tôi vẫn chờ

(Tác-giả thay chữ chờ bằng chữ cho)

Với một đề-tài cũ-kỹ như thế, tuy lời thơ có đổi mới nhưng cũng không đem lại một hương vị đặc-biệt nào. Người đầu tiên đem đến một hương vị khác lạ trong địa hạt này là Vũ Hoàng Chương.

Số là trong xã-hội cũ tuy vẫn có việc bán phần buôn hương, nhưng vũ-nữ và vũ trường quả thật là một sản phẩm từ Tây Phương đưa lại. Vũ trường là lầu xanh hay lầu hồng đây ? Cả xanh và hồng ùy theo ánh đèn và các hoạt - động công-khai hay bí - mật. Vũ Hoàng Chương đã có bài « Say đi em ! », một kiệt-tác về tình-tứ bi-thương và âm-điệu uyển-chuyển, phong-phú, uốn nắn theo bước chân mềm-mại, tiếng nhạc du-dương, hỗn loạn của một nếp sinh hoạt vật-chất quay cuồng. Ân-núp dưới không-khí hào-hứng ồn-ào là một nỗi chán-chường gay-gắt :

SAY ĐI EM !

*Khúc nhạc hồng êm ái,
Điệu kèn biếc quay cuồng
Một trời phần hương,
Đôi người gió sương.*

*Đầu xanh lặn đặng, cùm xót thương, càng nhớ thương.
Hoa xưa tươi, trắng xưa ngọt, gối xưa kê, tình nay sao i.êo ?*

*Hồn ngã lâu rồi nhưng chân còn dèo
Lòng trót nghiêng mà bước vẫn du dương
Lòng nghiêng tràn hết yêu đương,
Bước chân còn nhịp nghề thường lẳng lơ.*

*Ánh đèn tha thướt,
Lưng mềm, nảo nuốt đáng sợ.
Hàng chân là lướt,
Đê mê hồn gọi cánh tay hò*

Âm ba gờn gợn nhỏ
Ánh sáng phai phai dần
Bốn tường gương điên đảo bóng giai nhân
Lui đôi vai, tiến đôi chân
Riết đôi tay, ngả đôi thân

Sàn gỗ trơn chập chờn như biển gió
Không biết nữa màu xanh hay sắc đỏ
Hãy thêm say còn đó rượu chờ ta
Cổ chưa khô, đầu chưa nặng, mắt chưa hoa
Tay mềm mại bước còn chưa chệnh choáng
Chưa cuối xừ Mê-Ly, chưa cùng trời Phóng Đãng
Còn chưa say hồn khát vẫn thêm men.

Say đi em !
Say đi em !
Say chào lời-lả ánh đèn,

Cho cung bức ngả nghiêng, cho điên rồ xác thịt.
Rượu, rượu nữa và quên, quên hết !

Ta quá say rồi
Sắc ngả, màu trôi ..
Gian phòng không đứng vững
Có ai ghi hư ảnh sát kề môi ?
Chân rã-rời, quay cuồng chỉ được nữa
Gối mỗi gần rơi !
Trong men cháy, giác quan vừa bén lửa
Say không còn biết chi đời
Nhưng....em ơi !
Đất trời nghiêng ngả.

Mà trước mắt thành sầu chưa sụp đổ,

Đất trời nghiêng ngửa,

Thành sầu không sụp đổ em ơi !

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

La chair est triste ! Nhan-đề một bài thơ của Baudelaire, thủy-tổ phái tượng-trưng của văn-học Pháp. Xác thật đau buồn vì chính nó là nguồn gốc của đau buồn. Khoái-cảm vật chất khôn, bao giờ đem lại sự bình-tĩnh cho tâm-tư thi nhân, một thứ tâm-tư viễn vọng cái Đẹp thanh cao, tuyệt đối. Vao vũ trường để người quên sầu-hận mà sầu hận càng tăng thêm. Đất trời nghiêng ngửa mà thành sầu chưa sụp đổ, rồi ngày mai của người gió sương và người phấn hương sẽ được giải quyết như thế nào, bằng cách nào để duy-trì cuộc sống tâm-linh ? Hay chỉ còn xác-thật đau-buồn kéo dài những chuỗi ngày ngắc-ngỏi ?

Phấn hương thời cũng điêu tàn

Tâm tư đã nếm muôn vàn chua cay !

Ai biết về sau sẽ ra sao ? Một ngõ hẻm bế tắc, càng đi vào sâu càng nghẹt lối. Một mê hồn trận càng đột phá càng mê-man.

THƠ KHIÊU DÂM

« Đôi tâm hồn chúng ta yêu nhau, hiểu nhau, thế là đủ lắm rồi ! » Những lời tình tự... siêu hình, không cần thể-xác này chỉ có thể trao đổi vào lúc mới trao duyên.

Hãy để yên tôi dệt thắm tên người,

Ai lý-luận với ân tình cho đáng

Trời reo nắng thì chim reo tiếng sáng

Xuân có nồng, tôi lại có tình tôi

Tiếc nhau chi, mai mối đã xa rồi ..

Xa là chết hãy tặng tình lúc sống.

XUÂN DIỆU

Vì phải tặng tình lúc sống nên có lúc, thi-nhân đã phải yêu cầu :

*Hãy sát đôi môi, hãy kề đôi ngực,
Hãy trộn chung đôi mái tóc vẫn dài !*

Trước phong-trào Thơ Mới hơn trăm năm, tả cuộc gặp-gỡ Kim Trọng — Thúy Kiều, Nguyễn Du đã viết một câu gần như là định-luật của tình yêu :

*Sóng tình dường đã xiêu xiêu,
Xem trong âu yếm có chiều lả lơi !*

Từ âu-yếm đến lả-lơi, từ lả-lơi đến khiêu-dâm, sự tiến-triển ấy có gì đáng kinh ngạc ? Ca-dao đã nhận-định được một sự thế tất nhiên : lửa gần rơm lâu ngày cũng bén. Nói chuyện ân-tình hoài hoài thì cũng có lúc sa vào chỗ lả-lơi, dâm đăng. Để tránh cho khỏi.

Tả nỗi lòng rạo-rực của một thiếu-phụ xa chồng trong một đêm trăng, Hàn-Mặc-Tử có bài « Bến lễn » :

BẾN LỄN

*Trăng năm sóng sủa trên cành liễu,
Đợi gió thu về để lả lơi.
Hoa lá ngây tình không muốn động
Lòng em hồi hộp chị Hằng ơi !*

*Trong khóm vi lau xào-xạc mãi,
Tiếng lòng ai nói sao im đi
Ô kìa bóng nguyệt trần trường tắm,
Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe*

*Vô tình để gió hôn trên má
Bến lễn làm sao lúc nửa đêm ..
Em sợ lang quân em biết được,
Nghĩ ngờ đến cái tiết-trình em !*

HÀN-MẶC-TỬ

Cùng với Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử là một thủ lĩnh của Trường Thơ Loạn. Đi vào con đường mới khai-phá của Hàn Mặc Tử, tiến sâu và tiến xa hơn người khai-phá là thi-sĩ Bích Khê với tập thơ Trinh Huyết. Hưởng ứng với Trường Thơ Loạn có Quỳnh Giao với tập Tơ Trắng. Những tập thơ trình-bày rất trang-nhã và có những bài thơ hay. Chèn vào giữa những câu đầy hình-ảnh, màu-sắc, nhạc điệu là những câu thơ khiêu-dâm một cách tế-nhị theo cái kiểu :

*Rõ ràng trong ngọc trắng ngà,
Dầy dầy sẵn đúc một tòa thiên nhiên !*

Và nhiều khi sỗ-sàng, bộc-lộ nhiều, nhiều hơn nữa. Tả vẻ đẹp một bức tượng khỏa thân, Bích Khê đã có những câu :

*Dáng tằm xuân uốn trong tranh tổ nữ,
Ồ tiên nương nàng lại ngự nơi đây !
Nàng ở mờ, xiêm áo bỏ đâu đây
Đến triển-lãm cả tấm thân kiều diễm
Nàng là tuyết hay đa nàng tuyết diễm
Nàng là hương hay nhan sắc lên hương
Mắt ngời châu rung ánh sóng nghệ thường
Lệ tích lại sắp tuôn hàng đũa ngọc
Đêm u-huyền ngủ mơ trên mái tóc,
Vài miếng trắng soy đọng dưới làn môi.
Hai vú nàng, hai vú nàng, chao ôi !
Cho tôi nức một giòng sấm ngọt lộng..
Ôi lờ-lợ một tòa hoa nghiêm động
Tôi run run hăm lại cánh hồn si
Ồ, hai tay đà nở ngọc lưu-ly
Hai chân lại nở màu sen ẻo-lả,
C o tôi nùng, cho tôi nàng, tất cả ..!*

Tôi có cần phải trích dẫn thêm không ? Thiết tưởng bấy nhiêu cũng vừa đủ chứng-minh lời tôi nói : trong trường Thơ Mới có lối thơ khiêu-dâm.

Quỳnh-Giao cũng có những câu rất giật gân. Thi-sĩ tả làn gió thổi tung vào người thiếu-nữ :

*Trời ơi, làn gió vô duyên lạ,
Thiếu nữ hai tay nlu lấy quần !*

Đương thời cũng có một số người dám phản kháng. Uy-thế của Trường Thơ Loạn lừng lẫy, nhưng hiệu-lực của những lời phản-kháng chỉ là những gáo nước tưới vào một sa-mạc cháy nắng mà thôi. ⁽¹⁾ Nói cho trung-thực, Hàn-Mặc-Tử có một số thơ văn-đục nhưng về sau tìm được khuynh-hướng siêu-thoát trong những tầng thanh-khi của tôn-giáo trang-nghiêm. Chế-Lan-Viên sau tập thơ « Điều Tàn », tập thơ sầu-hận vong quốc của dân Chiêm, đã yên-đn hưởng sự thành công danh-vọng. Thịnh-thoảng viết một vài bài tựa và làm một vài bài thơ bi-hiêm. Hoạt-động văn-chương nhiều nhất là Quỳnh-Giao và Bích-Khê. Những người phản-đối đều bị gán những tiếng « đạo đức. . . giả, cò-hủ, gàn, gàn bát sách, gàn thất sách v.v... »

Đồng thời với thơ khiêu-dâm, hồi ấy còn có một mô-tiêu thuyết. Xin giới-thiệu một vài tên sách mà thôi. Ví dụ như : *Khi chiếc yếm rơi xuống* (Trương Tửu) ; *Sự động cõn của người đàn bà* (Vũ trọng Cạn) v v .. và v. v...

Sang đến năm 1942, những tiêu thuyết nhảm-nhí ấy bị chính-quyền làm lễ hỏa thiêu. Thơ khiêu dâm vẫn được tự do lưu hành mãi cho đến năm 1945. Cuộc bút chiến trên kia đã đành là vô bổ. Nó chỉ chứng minh được một điều : một người đơn độc không chống nổi hai ba người. Huống nữa là một trào lưu.

⁽¹⁾ Năm 1940, khi viết tập «Thảo luận luật Thơ Mới» tôi có lên tiếng chỉ-trích. Không hiệu-quả gì, rốt cuộc chỉ gây được ít nhiều ác cảm. Đương lúc tuổi ngoài hai mươi, với nhược-khí thanh-niên, càng tranh luận càng hăng-hái, tôi liền tung ra bài văn tế sống các thi sĩ khiêu dâm.

Xin sao lục như sau :

Đứng trước linh sàng bài vị chư tôn huynh thi-sĩ, lấy nước lạnh thấm vào mi mắt,
khóc mà than rằng :

Than ôi !

Mây Hồng-Linh trăm ngàn phiến trắng, hạc bay rồi để hận đến thiên thu,
Nước Lam-Giang muôn vạn dặm xanh, bèo trôi biệt lưu sầu vọng vạn cổ.

Nhớ chư tôn huynh xưa :

Thơ thất luật đại tài.

Văn khiêu đàm cũng ngộ !

Nào trịnh, nào huyết, kẻ thơ từ sau trước cũng hay ho ,

Nào vũ, nào dùi, người đạo đức xa gần khiếp sợ.

Thân trịnh nữ lột trần xác nhộng, tha hồ khoe văn phái tả chân !

Truyện khuê-phòng nói toạc móng heo, mặc sức tán thiên tài bất hủ !

Lạc văn, lạc điệu, gàn sĩ nầy quyết lẽ chẳng dung tha.

Bại nghĩa, thương luân, trời đất cũng nổi oai mà thịnh nộ !

Đáng lẽ ra :

Đạo Côn Lôn trọn kiếp giữ chung thân,

Miền Leo Bảo suốt đời đây biệt xứ.

Khôn ma về cõi chết, thời thì ăn xá thể là may !

Tiếc rẻ ở trần gian, lẩn-lữa án hình còn nặng nữa !

Thời thì thời

Cầu Ái Hà, mịt-mù sương gió, bện chớ đau lòng.

Lưới hựu thiên lồng-lộng cơ quan, chết đã đáng số.

Chàng Tử Kính là tay đồng chí, câu thơ, văn phú rồi sau này mặc sức tán dương !

Gã Lam Giang đốc chỉ tuần phục, chức quý, mưu thần
cũng đành chịu hết đường truy-tố.

Nay tất Thanh Minh,

Gặp kỳ tảo-mộ.

Thơ cảm-hoài sùi-sụt đôi hàng

Lẽ truy-diệu tạm dâng một cỗ.

Phở tái, phở xào, phở khô, phở ướt, kỳ trận thức thức sẵn bày đây.

Thơ loạn, thơ điên, thơ Mọi, thơ Hời, văn-sĩ bốn phương đều tỵ đủ.

Hồn linh-thiêng xin nhận một tri âm

Thơ dâm loạn đem ngăm cùng quỷ sứ !

Hỡi ôi, thương thay !

Phục duy thượng hưởng.

THƠ QUÁI-ĐÀN.

Nói chuyện ái-tình mãi, dù là điểm tình đi nữa, cũng gây cho người nghe và cho chính bản thân mình sự nhàm-chán. Với một quyết tâm đi tìm thi-tứ tân-kỳ, các nhà thơ mới đã gặp được thơ quái-đàn. Sự quyết tâm rất đáng khen, nhưng còn những kết-quả khám-phá được nhờ sự quyết tâm ấy có giá-trị như thế nào ?

Rời bỏ thực-tại, Thế Lữ đi tìm những thi-tứ khác lạ trong khối thuốc của nường-tử Phù Dung. Đây là một giấc mơ hay những giờ yên nghỉ hư-ảo bên ánh đèn dầu lạc. Sự mê-say triền-miên, những cảm-giác thoát tục, giờ phút hưởng lạc trầm-ngâm, tất cả những cái gì êm-đềm ấy liệu có thể che dấu được vẻ trụy-lạc hèn-yếu hay không ?

*Khói huyền lên, khói huyền lên
Mắt say đậu ở ngọn đèn dầu lu,
Tường bầu mây khói hư vô,
Tường vừng trăng lạnh mơ hồ đâu đây
Ở đâu, ta ở chốn này
Năm trong hờ hững, gối tay vô tình.
Nhỏ to bạn hữu quanh mình
Trông ra vẫn có mà hình như không.
Ưu tư rời bỏ cõi lòng
Hình hài thoát chốn bình bằng phiêu dao
Dật-dờ trí thấp, hồn cao
Thoáng qua ngàn cánh áo đào thiên tiên
Khói huyền lên, khói huyền lên
Mộng pha hơi tía hơi huyền trong mây
Bầu trời nồng ngát hương ngây
Kìa trông trong đắm trong say muốn hình*

Lung-linh vàng dọi cung quỳnh
 Nhịp-nhàng biến-hiện những mình tiên nga
 Chớp chồn gần tưởng như xa.
 Ngọc reo muôn khúc đàn ca im-lìm
 Hàng châu lặng lẽ rơi chìm
 Dưới hồ trong vắt, bên thềm dăm dăm
 Hai cô lá lướt nghiêng năm
 Hai cô đứng thấp hương trầm hai bên

Khói huyền lên, khói huyền lên
 Thuyền trôi lững-thững Đào Nguyên đâu rồi ?

MA TÚY — THẾ LỮ

Có lẽ những bạn thanh-niên — thế hệ 20 tuổi ngày nay — đã biết Thế Lữ qua bài « Nhớ rừng » trầm-hùng và uất-ức đều lấy làm kinh-ngạc và thất vọng. Ai ngờ đâu nhà thơ đã tượng trưng được khát-vọng quật-cường của những người rũi sa vào vòng lao - lung lại có những cảm-hứng yếu-hèn đọa lạc, lại thi-vị-hóa sự đọa-lạc ấy như một lạc-thú thần tiên ?

Thiết tưởng, chúng ta nên buồn ít nhiều chứ nhất định không cần kinh-ngạc. Thế Lữ đã chẳng có lần trả lời Hoàng Đạo bằng những câu :

Anh dù bảo, tình tình tôi thay đổi
 Không chuyên tâm, không chủ nghĩa, nhưng cần chi ?
 Tôi chỉ là một khách tình si
 Ham vẻ đẹp có muôn hình, muôn vẻ.

(TỰ TRÀO — THẾ LỮ)

Trong cái đẹp muôn hình, muôn vẻ phải có cái đẹp huyền ảo, tiêu-ma sinh lực và nghị lực của các chất ma túy nữa chứ. Con người tự do không cần chủ-nghĩa mà !

Vũ-Hoàng-Chương lại khác. Với phong - thái ngang nhiên thoát tục của một gã thư sinh thời cồ Trung Hoa, Hoàng Lăng say đắm những đêm trăng kinh dị có hương hoa và bóng - dáng yêu hồ. Những hồ tình biến thành những kiều nữ đa tình đề cùm với thư sinh thực hiện mối duyên tơ vương-vấn nhau từ muôn kiếp trước. Nguồn cảm-hứng bất tận là tập « Liêu Trai chí dị » của Bồ-Tùng-Linh.

Vương-Ngư-Dương có thơ cảm đề những chuyện thần tiên ma quái kỳ quái của nhà danh sĩ đặc-biệt ấy :

*Cô vọng ngôn chi, cô thích chi !
Đậu bằng qua giá vũ như ty,
Liệu ưng yếm tác nhân gian ngữ
Ái thỉnh thu phần quỷ xướng thi !*

dịch

*Nói láo mà chơi, nghe láo chơi !
Giàn mưa lấm tấm giọt mưa rơi,
Chuyện đời chán lắm không buồn nhắc,
Thơ-thần nghe ma đọc mấy lời !*

Những bóng ma kiều-diễm, những bóng hồ ly tình lưu-luyến dương trần, ngấm thơ vào một buổi chiều thu ảm-đạm. Còn gì huyền-hoặc và thi-vị hơn. « Bì ca dị sử » của Vũ Hoàng Chương ghi lại một cuộc tình duyên ma quái bằng những lời trang nhã, cổ kính như thấu hút tinh-hoa của thơ diễm tình huyền-hoặc của Trung-Hoa.

*Hồn bỗng lên hương kỳ ảo,
Phút giây bừng ánh thần quang
Ta sống nhập bầy hoa thảo
Nhìn thu mộ vắng lâu hoang.*

*Cỏ mợ truyền đời giông bão
Hoa lâu nổi kiếp phong sương
Ta mở từng trang di cảo
Năm sáu tấc đáy ảnh hương.*

*Này bóng xiêm nghiê tiếng gót vàng
Trăm tư, hồi ảnh nếp dư vang
Từng thiên chỉ phấn bay nùng điểm
Đạm đạm mùi da tóc nữ lang.*

*Một thuở nào xưa lâu hẹn nguyệt
Vườn mong tin gió thiếp mê chàng
Cây khuya hàm tiểu hoa tình mới
Thu gọn trong đài nét văn trang,*

*Bao mùa châu rụng mở thư cưu
Rượu thắm quỳnh tương vật áo cừu
Trướng lụa thang lan ngà ngọc nỡn
Hoa nghiêng đầu chép sử phong lưu,*

*Hỡi ôi ! tàn mặc nét phai dần
Một buổi giường thơm lạnh đáng xuân
Nổi mực « Hoa lâu tang tóc úa »
Này trang « thê thiết cỏ thu phần » !*

*Lá vạn mùa sương, rã cừu nguyên
Hằng đêm chiều niệm vĩa thuyền duyên
Chùm phương thảo đã khô sầu nhớ
Chưa gọi hồn ôi thức vẹn tuyến.*

Chỉ thoáng hàn quang lững đững qua
Chập chờn phong nguyệt tiếng cười ma
Dấu sen ngọn cỏ vương trần tích,
Dạ vũ mờ bay giãi nhuyễn lả,

Chừng như người thiếu nữ đa tình
Thề chắt mồ hoang ngủ tuyết trinh
Mà áng di hồn nương vũ-trụ
Sông chiều ải tối ngát anh linh

Cả một đời cô gái đẹp
Buồng khuê về đến mồ sâu
Bằng chữ vô hình đã chép
Vào trang cỏ mộ hoa lâu

Ôi ! cỏ hoa nào hận kiếp xưa
Hương boy sâu muộn tới bây giờ
Hoa ơi, hỡi cỏ nguì hoang phế,
Đã nói cùng ta cạn ý chưa ?

Ta thoát hồn ta nhập các người
Cảm thông giây phút thấu luân hồi
Sao nghe thăm-thăm trong tiền kiếp
Muôn vạn niềm riêng vẫn nín hơi.

Khép riêng trời đất cõi hư linh
Đâu chỉ vài trang sử điểm tình
Hỡi cỏ hoang phần, hoa lãnh các
Sao còn then khóa nẻo u-minh ?

Ta níu hương hồn các người
Thấp thoáng đèn mưa khói nguyệt
Ta chờ mãi mãi không thôi
Và gắng công tìm bí quyết

*Hoa lâu cỏ mộ kia ơi
 Có hiểu lòng ta tha - thiết
 Một sớm ta nằm đây nguyệt
 Còn mê dị sử muôn đời*

(Bài ca Dị Sử — VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG)

Phải đọc rất kỹ, rất chậm dưới ánh đèn bạch lập, trên một gác vắng đìu-hiu vào một buổi chiều mưa lất phất hay một đêm trăng mờ mờ để ánh đèn lung-lay quyến lân hương trầm trước di ảnh một giai nhân thì mới cảm thông được nỗi đau xót hư-ảo và chân-thành của tác giả.

Có những người thẩm-nhuần bệnh lý-học cho rằng việc sản xuất thơ-văn quái đản là một hậu quả hay một triệu chứng của bệnh suy-nhược hay thá-loạn thần-kinh. Tôi không tin như thế. Trên thế-gian và ra ngoài vòng những định luật vật-chất kiểm-soát cõi hữu hình chắc có những cái gì linh thiêng hơn, huyền-bí hơn. Flammarion tra khảo sát những vấn-đề hư-linh, Bồ Tùng Linh tra sưu-tầm chuyện quái-đản là những người có lý-trí rất cường-khiến.

Những người làm thơ-văn trên những đề-tài quái đản đều ham thích những cái gì thần-bí và chắc là tâm-hồn họ đã đau-xót vì những cảnh thực-tế không tốt đẹp gì của cuộc đời hiện sinh đây. Những tấn tuồng lừa thầy, phản bạn, phụ nghĩa vong ân, hãm hại nhau để giành cơm giết áo, chui-lòn cửa quyền-quí, bắt-nạt đám lương dân v. v... đều làm thi-sĩ lắc đầu chán-ngán. Phải đi tìm một chút người quên. Động-cơ tâm-lý thường đúng như lời Vương Ngự Dương nhận xét:

*Chuyện đời chán lắm không buồn nhắc
 Thơ-thần nghe ma đọc mấy lời*



Chương II

NHỮNG SẮC-THÁI TRỮ TÌNH KHÁC

- Thơ trầm tư
- Thơ siêu thoát
- Thơ bí hiểm

THƠ TRẦM TƯ

Nếu vui lòng làm tôi-tớ cho thực dân, cuối tháng lãnh lương, tối tối đi xem hát, đi đánh bạc, ngày ngày vào sở ngủ gà, ngủ gật, làm việc chiếu lệ cho tắc trách thì cuộc đời của những người đã phục-vụ cho chính quyền Pháp và chính-quyền Pháp-Nhật trước năm 1945 thực là đầy-đủ về vật-chất, đảm bảo về tương lai.

Ngạch bệc bền như núi Thái sơn

Đố ai cách mạng dám lay sòn ?

Và càng bền vững hơn nữa khi muốn cố-kết một số người tâm phúc sau ngày Paris thất thủ, Toàn quyền Decoux cho phép người Việt ưu-tú (?) nhập ngạch Âu.

Nhưng . . . nếu còn một chút lương tri nào đề hiểu nghĩa quốc nhục, quốc thù thì cuộc sống 1930-40 thật là buồn-thảm.

Độc trang sử cũ, bao nhiêu sầu hận đốt cháy tâm trường. Nhìn về tương-lai : ách nô-lệ chưa biết đến ngày nào giải-tỏa ? Hiện-tại thì nhân-dân đau khổ đề đóng xâu nộp thuế cho một thiểu số thực dân phong-kiến liên-minh hưởng thụ giàu sang.

Lửa trời Yên Bái rực biên khu

Sau ngày 17 /6/ 1930, nhuệ-khí Cách Mạng Việt Nam bị bẻ gãy. Nguyễn Thái Học và 12 đồng chí đã đền ơn nước ở pháp trường.

Người thanh-niên có tâm-chí không biết dùng năng lực vào việc gì ? Có lẽ rồi vì kế mưu sinh, họ lại nhần nhục làm việc với Pháp. Đừng ai nói đến Cách Mạng. Chữ «Cách Mạng» hồi đó không phải dễ nói như bây giờ.

Nghe chữ «Cách Mạng» xướng lên, bao nhiêu là phản-ứng phức-tạp và trái ngược. Bọn mặt thám tầu cầu giông tai nghe thử tiếng ấy phát xuất từ đâu, ai dám nói ra, đề rồi còn làm biên-bản, còn ghi sổ đen, còn tồ-

chức cuộc bổ-ráp đề được đeo thêm lon, tăng thêm lương, hưởng thêm phụ cấp tiền thưởng. Người lão thành nghe hai chữ ấy vội lắc đầu, le lưỡi, xua xua hai bàn tay như ma quỷ sắp ám vào mình và theo nghĩa « thủ thân vi đại », lủi-lủi đi như rắn mòng nếm để tránh tai bay họa gởi.

— Làm chi được mà làm ! chết vô ích.

Đâu đâu cũng nghe một luận điệu tiêu cực, chủ bại ấy.

Không làm thơ ái-linh cho mê-ly tha-thiết, người thanh niên còn lương tri, còn tâm-huyết, còn nhuệ-khí, biết làm gì bây giờ ?

Hỏi như vậy là tự dẫn mình vào thế bí. Sa vào thế bí tối tăm tuyệt-vọng ấy, tâm hồn thi nhân đau xót vì cảm thấy một mối sầu mang-mang thiên vạn cồ trùm kín non sông. Càng suy-nghĩ ưu tư càng bơ-vơ, sầu-hảm.

Thơ trầm tư thời Tiền chiến có giọng u buồn tẻ lạnh như không khí bãi tha-ma. Buồn nào lâu ngày rồi tâm-hồn quen với nếp suy-tư yếm thế. Nhìn vào đâu cũng thấy cảnh lẻ-loi, cô độc. trông vào đâu cũng thấy tang-tóc đìu-hiu. Nhất là vào những ngày mưa u-ám liên-miên, tâm-trạng của thi nhân càng thấm thía sự trống-trải, vắng lặng một cách kinh-khủng.

Đây một đêm sầu dạ vũ ở Huế của Huy Cận gởi sầu trong một nhà trọ ở xóm Nam Giao, xóm có tiếng thông reo lao-xao, ai-oán.

*Đêm mưa làm nhớ không gian,
Lòng run thêm lạnh nổi hàn bao la.
Tai nương giọt nước mái nhà,
Nghe trời nặng nặng, nghe ta buồn buồn,
Nghe đi rìi-rạc trong hồn
Những chân xa vắng dậm mồn lẻ-loi.
Rơi rơi .. dui dui rơi rơi ..
Trăm muôn giọt lệ nổi lời vu-vơ*

*Tương-tư hướng lạc phương mờ...
 Trở nghiêng gối mộng hững-hờ nằm nghe
 Gió về, lòng rộng không che,
 Hơi may hiu-hắt bốn bề tâm-tư...*

BUỒN ĐÊM MƯA — HUY CẬN

Đêm mưa gợi bao nhiêu kỷ-niệm xa-xôi, bao nhiêu nhớ-nhung xa vời. Những hình ảnh nào hiện về trong trí nhớ? Có thể đó là đôi bóng hồng kiều-diễm và chắc chắn là có những chàng trai bực chí ra đi và không biết đi đâu. Họ đã làm được những gì hay là nhục-khi viễn-du đã hao-mòn theo gió bụi? Trời thu lạnh và lòng hoài-niệm cô đơn càng cảm thấy lạnh tê, bởi vì trong không gian vô tận không thoảng lại một tiếng lòng tương ứng nào cả.

Đọc đến câu :

*Nghe đi rì-rạc trong hồn
 Những chân xa vắng dậm mòn lẻ loi*

tôi cứ bàng khuâng ngẫm đến :

*Đêm nào nghe dạ vũ
 Cô đơn sầu bao la
 Bụi hồng đường viễn khứ
 Không hẹn thuở hoàn gia.*

Những người đi mà lòng kẻ ở lại cứ mơ-màng tưởng nhớ. Vì bốn bề tâm-tư đều vắng-lặng từ lâu nên nhìn cảnh sông dài cuộn cuộn mà Huy Cận vẫn không tìm được một chút tin-tưởng phần khởi nào

*Sóng gợn trường giang buồn điệp điệp
 Con thuyền xuôi mái nước song song.
 Thuyền về, nước lại sầu trăm ngả,
 Củi một cành khô lạc mấy giòng.*

*Bơ-vơ cồn nhỏ, gió đù-hiu,
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều,
Nắng xuống, trời lên, sâu chót-vót,
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.*

*Bèo dạt về đâu, hàng nối hàng
Mênh-mông không một chuyến đò ngang
Không cần gợi chút niềm thân-mật,
Lặng-lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.*

*Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,
Chim nghiêng cánh nhỏ, bóng chiều sa
Lòng quê dợn dợn vời con nước,
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà !*

(TRƯỜNG GIANG — HUY CẬN)

Một cảnh củi khô hay những cánh bèo xanh lặng-lẽ trôi trên giòng sông cuộn-cuộn đó phải chăng là bình-ảnh một thế-hệ thanh-niên muốn tin-tưởng không biết tin-tưởng vào đâu, muốn hành-động không biết nên làm việc gì, đành buông xuôi theo giòng đời và thuận theo thời- hế. Cô đơn và cô lập, tâm hồn Huy Cận chán nản, nghĩ đến những cảnh tiêu-vong

*Ai chết đó, nhạc sầu chi lắm thế
Chiều mờ côi, đời rét mướt ngoài đường
Phổ đù-hiu màu đá cũ lên sương,
Sương hay chính bụi phai tàn lá tả
Từng tiếng lệ ấy mọng sầu úa lá
Chim vui đâu ? Cây đã gãy vài cành
Ôi chiều buồn sao nắng quá mong-mạnh
Mọi tại nhợt nào cười mà héo vậy ?*

Ai chết đó ? Trục xoay và bánh đầy,
Xe đang đi về phía thế-giới nào ?
Chiều đông tàn lạnh xuống tự trời cao,
Không lửa ấm, chắc hồn buồn lắm đó.
Thê-lương vậy mà ai đành lia-bỏ
Trần gian sao ? Đây thành phố đang quen
Nhưng chốc rồi, nẻo vắng đã xa miền
Đường xe lạc thời lạnh-lùng biết mấy !

Và xe ngựa đi nhịp dậm chớ nhảy
Kéo thân đau chưa quên nệm giường đời
Ai đi đưa, xin đưa đến tận nơi
Chớ quay lại nửa đường mà làm tủi
Người đã chết — một vài ba đầu cúi
Dậm bầy lòng thương xót đến bên mồ
Đề cho hồn khi sắp xuống hư vô
Còn được thấy trên mặt người ấm áp
Hình dáng cuộc đời từ đây xa tấp
Xe đang đi xin đường chớ gập ghềnh,
Không gian ơi ! Xin hẹp bớt móng mênh
Áo-nã quá, trời buồn chiều vĩnh-biệt
Và người nữa, tiếng gió buồn thê thiết
Xin lặng dùm cho nhẹ bớt cô đơn !
Hàng cờ đen là bóng quạ chấp-chờn
Báo tin xấu, dẫn hồn người đã về
Ai chết đó ? Nhạc sầu chi lắm thế ?
Kèn đám ma hay tiếng khóc thê lương

*Của cuộc đời ? Ai rút tủy trong xương
Tiếng nước nở gọi gió đường quanh quẽ.
Sầu chi lắm, trời ơi, chiều tận thế.*

1940

Nhạc sầu — HUY-CẬN

Niên-số 1940 của bài thơ đáng làm cho chúng ta kinh-ngạc. 1940 tức là năm Đức chiếm kinh-đô Pháp. Năm ấy, Huy Cận đang theo học kỹ sư canh nông ở Hà-Nội. Nhiều tổ chức Cách Mạng Việt Nam im hơi lặng tiếng từ thoái trào 1930, nay lại bắt đầu hoạt-động mạnh. Dân khí trong nước có vẻ sôi-nổi. Thế mà Huy Cận vẫn giữ cái phong-thái tiêu cực, bi sầu, không biết gì thực-tế chung-quanh mình cả. Khuynh hướng trầm tư chỉ dẫn đến những viễn tượng tiêu vong, tận thế hay sao ?

Trong lãnh vực trầm tư, một thi sĩ nổi danh như Huy Cận đã không tìm ra hướng tiến ngoài chủ nghĩa triết học hư vô. Đáng buồn thật !



THƠ SIÊU THOÁT

Chán cuộc đời thực-tế, thi-nhân có thể đi tìm an-ủi trong một thế-giới vui-tươi, quang-đăng, thế-giới thiêng-liêng của Tiên, của Phật, của Trời. Lòng người khát vọng vô biên. Tính ưa thích những cảnh mây nước xa lạ tuyệt vời và những thiên thần, tiên nữ có quyền-phép biến hóa lạ kỳ phải chăng là một bản chất tự hữu. Từ thuở nhỏ, chúng ta đã chẳng say mê nghe kể những chuyện thần-tiên kỳ-ảo rồi sao? Một thi-sĩ Tây phương đã nói: « Người là một thiên thần đọa lạc đương hồi tưởng trời xanh ».

Khi tâm-hồn vươn lên cõi thần tiên, thi-sĩ tìm được sự yên-tĩnh nhẹ-nhàng, tâm-hồn gạn lọc được tất cả những cái gì phiền-phức, uế tạp, để khôi-phục về trong sáng thủy-tĩnh lúc ban đầu. Thế Lữ với bài « Tiếng sáo Thiên Thai » :

*Ánh xuân lướt cỏ xuân tươi,
Bên rừng thổi sáo một hai Kim đồng
Tiếng đưa hiu-hắt bên lòng,
Buồn ơi ! Xa vắng, mệnh mong là buồn
Tiên Nga xoắn tóc bên nguồn,
Hàng tùng rủ-rỉ bên cồn đìu-hiu..
Mây hồng ngừng lại sau đèo
Mình cây nắng nhuộm, bóng chiều không đi
Trời cao xanh ngắt — Ô kìa,
Hai con hạc trắng bay về Bồng Lai.
Theo chim tiếng sáo lên khơi
Lại theo giòng suối bên người Tiên Nga.
Khi cao vút tận mây mờ
Khi buồn vắt vẻo bên bờ thông xanh*

*Êm như lọt tiếng tơ tình,
Đẹp như ngọc nữ uốn mình trong không
Thiên thai thoảng gió mơ-màng.
Ngọc chân buồn tưởng tiếng lòng xa bay.*

Hãy còn một chút gì lưu-luyến bụi hồng chưa thật siêu-thoát. Nhưng hướng bay lên của cánh mộng cũng đã đem lại một chút bình-tĩnh ấm-áp như ánh xuân dương.

Chán ghét cõi phù-thế — ở đó không có cái gì bền-vững, và những cái gì đẹp nhất, cao-quí nhất lại chóng rữa nát, hao-mòn — trong khi than khóc hoa bạc mệnh, Jean Leiba (Thanh Tùng tử) đã có những ước-nguyện tìm một thế-giới thần-tiên có sự hồi-sinh mẫu-nhiệm để cứu vớt những cái đẹp của cõi hồng-trần đương tàn-tạ, tiêu-vong.

*Người đẹp vẫn thường hay chết yểu
Thi nhân đầu bạc sớm hơn ai !
Ba xuân muôn thắm thêu cảnh biếc
Bạc mệnh hoa kia đã rụng rồi.*

*Héo trước trăm hoa, hoa bạc mệnh
Đang xuân đề khởi thấy xuân tàn
Chúa xuân vì biết tình hoa thế
Xin kiếp sau đừng nở thế-gian.*

*Hồn kết gió hương trời Nhược Thủy
Cánh viền mây thắm động Thiên Thai
Hóa thành những giọt mưa thơm ấy,
Tưới nở trăm hoa đã héo rồi.*

(Hoa bạc mệnh — JEAN LEIBA)

Về sau, glac-ngộ được lẽ sinh-lão-bệnh tử vì chính bản thân đương sống khắc-khoải với ma bệnh hiểm nghèo, Jean Leiba đã quy Thiên và tìm gặp được sự an-ủi thanh-thản :

*Phù thế đã nhiều duyên nghiệp quá
 Lệ lòng mang cạn chốn am không
 Cửa Thiền một đóng duyên trần đất
 Quên hết người quen chốn bụi hồng*

Bến Giác — JEAN LEIBA

Cũng như Jean Leiba, sau khi thanh lọc tâm-tư, Hàn-Mặc-Tử đã hướng về Tôn-giáo.

Hàn-Mặc-Tử là một nhà thơ đau khổ đã được nhiều người chú ý vì cuộc đời của chính bản thân thi-sĩ là những chuỗi ngày buồn đau khổ. Bệnh nan y đã đẩy thi nhân vào bước đường cùng, xa bạn bè, xa gia đình, cô-lứt một thân ở bệnh viện Qui-Hòa. Còn tìm được an-ủi ở đâu, ngoài lãnh vực nhiệm màu của Tôn giáo?

ĐÊM XUÂN CẦU NGUYỆN

*Trời hôm nay bình an như nguyệt bạch,
 Đường trăng xa, ánh sáng tuyết vời bay...
 Đây là hương qui trọng thắm trong mây
 Ngời phép lạ của đức tin kiều diễm :
 Câu tán tạ, không-khen long cả phẩm :
 Bút xuân thu mùa nhạc đến vừa khi
 Khắp mười phương diễm lạ trở hoài nghi :
 Cây bằng gấm và lòng sông toàn ngọc
 Và đầu hôm một vì sao liên mọc
 Ở phương Nam màu nhiệm biết chừng mô !
 Vì muôn kinh đồn-đổ cõi thom tho
 Thêm nghĩa lý sáng trưng như thất bảo,
 Ta chấp hai tay : lạy quì hoan hảo
 Ngửa trông cao, cầu nguyện trắng không gian...*

*Đề vừa dâng, vừa hiện một mùa xuân
Nở một lượt giàu sang hơn Thượng Đế !*

*Đã no rồi, đã bưa rồi, thế hệ
Của phương trai mê mẩn khí thanh cao
Phượng hoàng bay trong một tối trăng sao
Mà ánh sáng không còn khiêm nhượng nữa,
Đương cầu xin, ọc thơ ra đường sĩa
Ta ngất đi trong khoái lạc của hồn đau...
Trên chín tầng diêu động cả trần châu
Dường sống lại muôn ngàn hoa phàm tiết
Nhịp song đôi : này đây cung cầm nguyệt
Uớp lời thơ thành phước lộc của đường tu
Tôi van lơn thắm nguyện chúa Giê su
Ban ơn xuống cho mùa xuân hôn phối
Xin tha thứ nhưg câu thơ tội lỗi
Của bàn tay thi sĩ kẻ lên trăng
Trong bao đêm xao xuyến vũng sông Hằng ..*

Một đêm trăng, ánh sáng mát-mẻ, bình an. Màu 'răng lụa bạch xoa dịu những cơn đau quặn quại nung đốt cơ thể con người tội lỗi. Con người tội lỗi ấy đã từng chạy theo thanh sắc của trần gian ô-trọc mà quên mất lương thanh khiết, sắc diêu động muôn màu huyền diệu của Thiên Đường. Bây giờ đây, nhờ đ rợc Chúa Trời ban phước lộc mà thi nhân cảm xúc được vẻ đẹp siêu-nhiên, vĩa cửa của một thế giới tinh thần, thế giới bất diệt của Đức Tin an ủi. Hãy cầu nguyện, khen ngợi ơn đức của Chúa sáng thế và cứu thế cho đến khi vãng không gian kia trắng xóa ánh sáng của ngày lên. Người lạc đường tự bấy nhiều ngày đã tìm thấy đường về, cầu nguyện cho bao nhiêu khổ đau trong kiếp sống

trần gian tan biến .. Tác giả hy vọng một cuộc hòa hợp tinh thần, hồn của mình vượt khỏi cuộc đời gió bụi xôn xao, hương sắc sa-đọa để sống với những âm thanh, hương sắc, tư-tưởng siêu-nhiên...

Và trong tâm-tư của tất cả mọi người, trong tiềm thức siêu thê, mơ hồ ; hình ảnh người mẹ vẫn là hình-ảnh yêu kiều, đáng ngợi khen, đáng triu mến nhất. Chúng ta không khỏi bồi ngùi xúc động khi thấy tác giả gọi lên hình ảnh Đức Bà Maria nhân ái vô biên

AVE MARIA

*Như song lộc triều nguyên : ơn phước cả,
Dâng cao dâng thần nhạc sáng hơn trăng
Thơm tho bay cho đến cõi Thiên Đàng
Huyền diệu biến thành muôn kinh trọng thê
Và tòng lãnh Thiên Thần quỳ lạy Mẹ
Tung hô cầu đường bệ ngóp châu sa
Hương xông lên, lời ca ngợi xum hòa
Trí miêu duệ của muôn vì rất thánh*

*Maria ! linh hồn tôi ớn lạnh
Run như run thần tử thấy long nhan
Run như run hơi thở chạm tơ vàng
Nhưng lòng vẫn thấm nhuần ơn triu mến
Lạy Bà là đấng tinh tuyền thanh vẹn
Giàu nhân đức, giàu muôn học từ bi,
Cho tôi dâng lời cảm tạ phò nguy
Cơn lâm lụy vừa trải qua dưới thế.
Tôi cảm động, rưng rưng hai giòng lệ,
Giòng thao thao bất tuyệt của nguồn thơ*

Bút tôi reo như châu ngọc đến vua
Trí tôi hít bao nhiêu là khí vị...
Và trong miệng ngâm câu ca huyền bí
Và trong tay nắm một nắm hào quang...

Tôi no rồi, ơn vũ lộ hòa chan !

Tấu lạy Bà, lạy Bà nhiều phép lạ
Ngọc Như ý vô tri còn biết cả
Huống chi tôi là thánh thề kết tinh !
Tôi ưa nhìn Bắc đẩu rạng bình minh
Chiếu cùng hết, khắp ba ngàn thế giới
Sáng nhiều quá cho thanh âm vời vợi
Thơm đường bao cho miệng lưỡi không khen

Hỡi sứ thần Thiên chúa Gabriel
Khi người xuống truyền tin cho Thánh Nữ,
Người có nghe xôn xao muôn tinh tú
Người có nghe náo động cả muôn trời
Người có nghe thơ màu nhiệm ra đời
Đề ca tụng bằng hương-hoa sáng láng
Bằng trăng hạt, bằng Sao Mai chiếu rạng
Một đêm xuân là rất đổi anh linh ..

Đây rồi ! đây rồi ! Chuỗi ngọc vàng kinh
Thơ cầu nguyện là thơ quân tử ý
Trượng phu lời và tông đồ triết lý
Là nguồn trắng yêu mến Nữ Đồng Trinh
Là nguồn đau châu lụy Nữ Đồng Trinh

Cho tôi thấp hai hàng cây bạch lạp,
 Khói nghiêm trang sẽ dâng lên tràn ngập
 Cả hàn giang, cả màu sắc thiên không
 Lút trí khôn và ám ảnh hương lòng
 Cho sốt sống, cho đê mê nguyện ước
 Tấu lạy Bà, lạy Bà đầy ơn phước
 Cho tình tôi nguyện vẹn tựa trăng rằm
 Thơ trong trắng như một khối băng tâm
 Luôn luôn reo trong hồn, trong mạch máu
 Cho vỡ lở cả muôn ngàn tình đầu
 Cho đê mê âm nhạc và thanh hương
 Chim hay tên ngọc, đá biết tuổi vàng
 Lòng vua chúa cũng như lòng lê thứ
 Sẽ ngậy ngất bởi chưng thơ đầy ứ
 Nguồn thiêng liêng yêu chuộng Mẹ Sầu Bi
 Phụng Trì ! Phụng Trì ! Phụng Trì ! Phụng Trì !
 Thơ tôi bay suốt một đời chưa thấu
 Hồn tôi bay biết bao giờ mới đậu
 Trên triều thiên ngời chói vạn hào quang. .

Song lộc triều nguyên : đôi nai châu nguồn suối. Nguồn suối nào
 thiếu gì nước mát, có bao giờ nguồn suối hà tiện nước với nai đâu.
 Nai chịu khát là vì chưa tìm đường về suối xanh, cứ nhởn nhơ theo
 hoa đồng cỏ nội. Tình yêu thương của đấng Nữ Đồng Trinh vẫn rào-
 rạt, nhưng người đời mê muội chưa biết lối về nguồn.

Khi Đức Bà hoài thai, thế giới tội lỗi sắp thấy bóng Cứu Tinh vĩ
 đại. Một kỷ nguyên mới cho vũ trụ. Khắp ba ngàn thế giới đều xôn-
 xao vì hy vọng tin lành.

Đức nhân ái bao la, thấm nhuần lâu ngày đã giác ngộ được những chất cực kỳ cứng rắn như đá, như ngọc. Thi nhân có tấm lòng đa cảm, đâu phải là ngọc đá vô tri mà không nhận thức được ơn vũ lộ nhân ái.

Người đã thấp hai hàng bạch lập, cầu nguyện trong ánh sáng trang nghiêm để tìm thấy lẽ sống của người trần gian, hướng về nguồn thương yêu trong sạch, cao xa của Đức Mẹ.

Nơi đó an tĩnh, thanh khiết vui tươi như hình ảnh một ao ngọc có chim phượng múa những vũ khúc nhịp nhàng, uyển chuyển. Hình ảnh Phượng Trì gợi trong tâm hồn tác giả những sự phối-hợp huyền diệu của màu sắc, tình cảm, thanh âm. Thơ hướng về cõi siêu thoát, cõi an lạc trường sinh, lìa xa nhân gian nhiều bụi hồng vẩn đục.

Lần đầu tiên người ta thấy một thi nhân nói chuyện tôn giáo với những giọng tha-thiết, say-mê, xuất phát từ đáy lòng đã chán chường nhiều đau xót. Tình cảm chân thành ấy có một sức quyến-rũ hấp-dẫn khác những lời truyền giáo nghị luận đánh thép khô khan . . .

Người đau khổ còn biết hướng về đâu, tìm đôi tia sáng hy vọng nếu không đặt hết lòng tin vào tôn giáo? Hướng siêu thoát ấy được quyết định do cuộc sống bệnh tật vô vọng của thi nhân mà cũng chính còn là hoàn cảnh trầm luân của một dân tộc bị nô đòi trong những ngày đen tối dưới cường quyền Phong Thực.



THƠ BÍ HIỂM

Nguyên tắc sáng tác bắt buộc lối thơ phải bí hiểm, tối tăm.

Lý trí là một phần tâm hồn chung cho tất cả mọi người, do đó người ta có hiểu nhau dễ dàng. Tình cảm là một phần tâm hồn thấm đượm nhiều bản sắc cá nhân, do đó việc cảm thông giữa người này và người kia khó khăn hơn, tế nhị hơn. Tình-cảm càng sâu-sa bao nhiêu thì việc cảm-thông càng khó khăn bấy nhiêu

Thơ phải có sắc thái độc-đáo, tân-kỳ, vì vậy thi-sĩ tránh những cái gì khuôn sáo, những cái gì có thể là sở hữu chung cho tất cả mọi người. Tình cảm phải chân-thành, phát-xuất từ thâm-tâm. Nó đòi hỏi một lối ngôn-ngữ tương xứng. Cách diễn tả phải sáng-chế, những cách đặt câu dùng chữ riêng biệt, xa lánh cái khuôn mòn, khuôn sáo, khuôn cũ của lý-trí để bảo toàn bản sắc tình cảm riêng biệt. Vì riêng biệt thái quá cho nên lối thơ này chỉ có một ít tâm-hồn đồng điệu cảm được mà thôi. Đối với đa-số độc giả, nó có vẻ ly-kỳ, huyền bí như phù chú, như sấm ngữ.

Trong phong-trào Thơ Mới, đại biểu nổi danh nhất cho lối thơ này là Nguyễn-Xuân-Sinh. Nổi danh vì ngoài Đình-Gia-Trinh, bạn của tác-giả, không ai hiểu thấu thì phẩm giá mực tân-kỳ này được. Phien một lỗi là không lẽ mỗi lần ông Xuân Sinh làm thơ thì bạn tri kỷ của ông phải khờ tâm chú giải, bình-giảng, y như kiểu « Ý Thánh dạy » phải được thông ngôn qua miệng thầy phù thủy hay con đồng !

Nếu có được tánh hiểu kỳ rất mực kiên nhẫn, bạn đọc thử bài này xem.

NGƯỜI XUÂN

*Hãy vớt mai trầm vang nắng gió
Đường xuân rồi khép với chiều tơ*

*Lên mùa xuân khách vút xe hương
Vai nghiêng suốt trái lạnh hồn đường
Gieo trắng dặm thơm đời ngát nẻo
Bỏ mùa xuân ướp ngấn hoa sương*

Ngập ngừng hương ấm bình thanh xuân
 Tay thơm dâng ống đậm chiều gần
 Hồn gặp men chiều xiêu mái đượm
 Sương người tươi trái duyên riêng thân

Thế kỷ về xuân hương nước ời
 Người xuân liễu thắm nhạc hồn đời
 Say cuộc nẻo hương hoa thắm bước
 Hát trăm nhựa chuyển nhánh vượn hơi

Quay nhịp chiều tươi hương vút cao
 Tay xuân mỗi rợp thuở xa nào
 Phơi-phới ngày vàng giăng mí tóc
 Mí ướt rừng mùa sương buổi nao.

Xe lá xuân hồn hoa ngón tay
 Mắt nghiêng cánh hạc mộng bờ ngày
 Hương lộn mí trăm mây biếc biếc
 Ơi người mùa duyên men bốc say.

Chén đàn xuôi trái ướt giăng không
 Mỏi ngát trời xưa nhịp thắm hồng
 Vương lượn tay nghiêng sậy trái cũ
 Bờ xuân men nhạc múa tơ bóng.

Bâng-khuâng vai ướt lệ sương người
 Vòng xuân hoa mướt lộng nơi nơi
 Nghe mạch hương mùa khua trái giữ
 Tay nao sương đất hạt lâu đời

Hồn lạnh thời gian đầu buổi xưa
 Tay ời bóng ấm đậm buồn dĩa
 Giăng hồng đỏ chín rơi vang bước
 Hạnh phúc duyên đường nghiêng nhánh xưa.

Lên xuân trái nhạc ngũ chiều hương
Rừng dựng màu cảnh xanh bốn phương
Nắng gọi hồn ngày say góc mắt
Người hương trái chín nhạc lên đường.

Người xuân ngực nở nhịp tuần hoàn
Thuyền đào lên sóng nhạc thời gian
Mái tóc ngưng hương mùa nước đậm
Mi xanh hồn triu nhạc thắm ngàn.

Mai sưa cây ngát thắm hồn rừng
Hương tưới, lư trầm bốc mượt lưng
Lưu thủy ngọn đôi tuôn nhánh gió
Tròn xuân đất rậm hái tung bừng

Nội tươi gió trái bước rừng mai
Người sương bát ngát gọi đường nhài
Đi nhạc ngàn xuân lên bước mới
Bình trời treo ngọc nét tuôn vai

Mi lồng thán thở chờ hồn son
Vai máu lầu sương nhạc đỏ tròn
Trái châu nhịp hoa tay chơi với
Bước hương gieo nhẹ máu rừng non.

Lầu người gió vớt nhạc rừng xây
Đất thơm lối biếc ngực dâng đầy
Xuân dấy vòng thơm buống trái ngọc
Thiên hương lúa mượt tóc rừng mây

*Nẻo trắng ru hồn mái tóc sương
 Người hương trái chín nhạc lên đường
 Đào-dạt rây mây đời ủ ngất
 Lên mùa xuân khách vút xe hương*

XUÂN SANH
 (1939 — 1940)

Tổn công liên-tiếp 2 năm, tác giả mới có được những vắn phun châu nhả ngọc này. Ai muốn hiểu cứ tự do tìm hiểu.

Lấy riêng từng câu một, đừng quan tâm đến đại thể nghĩa lý toàn bài, tôi cũng có thể hiểu được vài câu lẽ- lẽ :

Hát trầm nhựa chuyển nhánh vượn hơi.

Tác giả muốn nói đến nhựa cây lên mạnh nghe như có điệu hát trong thân cây. Nhựa ấy tuôn ra đầu cành lá, bốc hơi dưới ánh nắng vàng.

Hồn lạnh thời gian đâu buổi xưa

Lòng hoài-niệm ngày xưa nghe sao mà thê-thảm quá !

Coi hiểu sơ sơ ít câu, còn bao nhiêu câu khác đều có vẻ sấp chữ kỳ-dị đề lòi người đọc. Nếu giảng theo kiểu Đinh-Gia-Trình, tôi vẫn có thể tán hươu tán vượn cho b i thơ hình ra có nghĩa rất cao sâu. Nhưng chỉ sợ đến lần khác phải giảng nữa thì lời giảng lần sau lại nghịch hẳn với lời giảng lần trước. Tôi ngờ vực : chưa chắc Đinh Gia-Trình đã hiểu Xuân-Sanh. Có lẽ ông cũng chỉ bịa chuyện cho vui đề lừa độc giả.

Thật là một lối thơ thần bí vậy thay !



Chương III

NGUỒN CẢM-HỨNG LIÊN-QUAN ÍT NHIỀU, XA GẦN VỚI DÂN - TỘC VÀ CÁCH - MẠNG

- Ý-thức Quốc-dân và Cách-mạng
- Anh hùng ca
- Thơ hoài cổ
- Thơ hiện thực
- Khuynh-hướng Vong-quốc bi-ca
- Khuynh-hướng hữu-vi

Ý-THỨC QUỐC-DÂN và CÁCH-MẠNG

So với sắc-thái trữ tình lãng-mạn, ý-thức quốc dân và cách-mạng có vẻ yếu ớt, lu mờ. Chữ quốc dân dùng ở đây là hai chữ quốc gia và dân tộc rút gọn lại. Nói cho đúng sự thực, trừ một thiểu-số Việt-Gian đã bán hết tâm-hồn, cam tâm làm chó săn chim mồi, còn thì trong tiềm thức người Việt nào cũng còn ý-thức quốc dân và cách-mạng cả. Ngọn lửa thiêng chưa cháy bùng lên vì chưa gặp cơn phong tiện nhưng vẫn còn âm ỷ như hòn than vùi dưới lớp tro. Không tỏa khói và ánh sáng, nhưng hòn than vẫn cháy. Ý-thức quốc dân và cách mạng được các nhà thơ có lòng với đất nước tìm đủ mọi cách duy trì. Thơ văn ái quốc, chiến đấu không được lưu hành công khai thì giao truyền bí-mật, không được phổ-biến rộng rãi thì miệng đọc, lòng trao từ nhóm thân-hữu này đến nhóm người tương thức có thiện cảm kia.

Cảm đề lịch sử, thi sĩ của Cách Mạng Dân tộc là Nhượng-Tổng đã có bài thơ kêu gọi tinh thần ái quốc đương tiềm ẩn trong lòng mọi người

CẢM ĐỀ LỊCH SỬ

*Ba xứ non sông một giải liền,
Máu đào xương trắng diêm tô nên
Cờ trời dù dãi trờ tang hải,
Một đất chưa tàn nghiệp tổ tiên.
Có nước, có dân, đừng rẻ rúng
Muốn còn, muốn sống, phải đua chen.
Giữt mình nhớ chuyện nghìn năm cũ,
Chiêm-Lạp xưa kia vốn chẳng hèn.*

Cho đến khi cuộc khởi nghĩa võ trang thất bại, Anh vẫn còn vì người đã thành Nhân, muôn thưở nêu tấm gương liệt-sĩ hào-hùng

KHÓC LIỆT SĨ

Nhục mấy trùng cao ách mấy trùng
Thương đời không lẽ đứng mà trông ?
Quyết quăng nghiên bút xoay gươm súng
Đâu chịu râu mày then núi sông.
Người đâu chết đi lòng vẫn sống
Việc dù hồng nữa tội là công
Nhờ lời di huấn cơn lâm biệt,
Cười khóc canh khuya chén rượu nồng

NHUỘNG TỔNG

Cách-mạng thoát trào trong những Thơ Mới xuất hiện và chiếm được ưu-thế trên thi đàn. Không còn góp tụ được tinh-hoa anh-dũng đề chống quân thù nhưng hồn nước Việt vẫn tồn-tại. Ý thức quốc dân và cách-mạng biểu hiện dưới nhiều hình-thức kín-đáo, sâu xa.

Uy quyền thực dân nào ngăn cản chúng ta ham thích những bản anh hùng ca bi tráng và mãnh-liệt ? Ai ngăn được chúng ta hoài-niệm những nếp sống thanh bình đẹp-đẽ tự ngàn xưa ? Ai cấm chúng ta ca ngợi cảnh sông, núi, bình nguyên. Miêu-tả nếp sống nông thôn ; nếp sống bị ảnh-hưởng ngoại lai ít nhất ? Có luật nào buộc tội được những lời thơ đau buồn về vận-mệnh một dân-tộc bị tiêu vong ? Có điều luật nào bắt buộc chúng ta không được nghĩ tới những hành-động cao đẹp ở những chân trời xa lạ ?

Lẽ tất nhiên những người đã sáng-tác được những loại thơ này không đủ can-đảm đề đường đường xưng trận, viết những áng văn nóng sôi tâm-huyết, hô-hào người trong nước đánh đuổi thực dân. Dù có gan làm cũng là phí công và chịu hy sinh vô ích. Nhưng những thứ thơ tả cảnh Việt-Nam, hoài-niệm Cờ Việt, ca-tụng nếp sống bí-mật ngang tàng của những « khách chinh-phu tưởng-tượng » đều không có lợi cho việc duy-trì uy-quyền của chính-phủ Bảo Hộ ở Đông Dương. Nhà nước Bảo Hộ (?) biết vậy và đành chịu vậy.

Liệt những thứ thơ vừa kể vào một khuynh-hướng lớn có 4 chữ « quốc dân, cách-mạng », e rằng có người cho là gượng ép, quá đáng, không được chính danh.

Xin thưa rằng :

Trong lúc quốc gia luân-vong, những thứ thơ ấy đều có hiệu-lực duy-trì ý-thức dân-tộc. Mà đã duy-trì được ý-thức dân-tộc tức là có lợi không nhiều thì ít cho một cuộc quật-khởi tương-lai.

Vì những thứ thơ ấy đều có vẻ hiền-lành vô hại nên mới được lưu hành. Và có lưu hành thì mới có tác-dụng.

Trình-độ giác-ngộ được ý-thức dân-tộc có nhiều khi rất lơ-mờ, lơ-mờ đến nỗi gần như vô-thức. Thấy cảnh núi sông đẹp, thấy một nếp sống có nhiều hình-ảnh đẹp, nhà thơ xúc-cảm tìm cách diễn tả và mục-đích mà họ quan-niệm được rõ-ràng là cố-gắng thực-hiện một sáng-tác có giá-trị. Giá lúc ấy có ai đem chuyện chính trị ra bàn, có lẽ họ lắc đầu từ chối vì còn bận làm thơ. Nhưng trong lòng họ đã sẵn có cái mầm yêu-thương cảnh Việt, nếp sống Việt kia rồi thì gặp một thời-cơ thuận-tiện nào đó, họ sẵn-sàng h-rộng ứng cách mạng nhiệt-thành hơn những phần-tử khác.

Những thứ thơ-văn ấy không hề làm nhụt mất ý-chí chiến-đấu, sinh tồn của dân-tộc mà trái lại còn có hiệu-lực phù-trì. Như thế, xếp những khuynh hướng anh hùng ca, khuynh hướng hữu vi, thơ hoài cổ, thơ hiện thực mỹ cảnh Việt-Nam v. v.. dưới đề-mục lớn « Sắc thái quốc dân, cách-mạng », không phải là một cách sắp-xếp vô căn-cứ không thể lý giải được.

Cũng có điều nên nói thêm là : Tuy có ít nhiều liên-quan với ý-thức quốc dân, cách-mạng, song không phải những nhà thơ ấy từ chối việc làm thơ ái-tình lãng-mạn đâu. Rất có thể họ cũng cứ ca-ngợi ái-tình và xen ái-tình vào những thứ thơ văn kia cho thêm phần quyến-:ũ, hấp dẫn.

Trên kia, đã có nói sự giác-ngộ chính-trị của thi-nhân rất lơ-mơ. Có khi lẻ-lỏi như ánh sao khuya, có khi yếu-ớt như ánh trăng non. Có một đôi người giác-ngộ sâu-sắc nhưng vì thời-thế nên cũng đành giả dại giả khờ. Tóm lại, những bài thơ nào có liên quan xa gần nhiều ít với các danh nghĩa lớn đều cần phải trình-bày dưới hình-thức có vẻ hiền-lành, mơ-hồ, gọi ý một cách khéo léo theo kỹ-thuật « ý ở ngoài lời ».

Ý thức quốc dân, cách-mạng có thể ví như một khối tinh vân hỗn-mang mà từ trong đó tách ra nhiều mảnh, nhiều khối nhỏ. Có mảnh đã thành hình tinh cầu, có mảnh chưa hiện rõ hình thể. Vì thế, có khi người biên khảo dùng chữ *Thơ* như thơ hoài cổ ; có khi dùng chữ *khuynh - hướng* như khuynh hướng hữu vi. Khuynh hướng ấy đã thực hiện đầy đủ, thành một lối thì gọi là thơ, nếu chưa biệt lập được thành một lối rõ-ràng thì còn gọi là khuynh hướng. Có khuynh-hướng thì có thơ. Giữa chữ khuynh-hướng và chữ thơ dùng ở đây chỉ có sự khác-biệt về số lượng thơ đã sáng-tác ít hay nhiều.

Vậy từ khối tinh vân nguyên thủy là ý-thức quốc dân, cách-mạng, nhiều lối thơ, nhiều khuynh-hướng lần-lượt hiện ra.

ANH - HÙNG CA

Trong cái khối hồn-mang đầu tiên ấy, lần thứ nhất xuất hiện một tình cầu chói sáng : Huy Thông trình diện văn đàn với hai tập thơ có nhiều tính chất anh hùng ca : « Tiếng địch Sông Ô » và « Kinh-Kha ».

« Tiếng địch Sông Ô » kể lại chuyện chiến-bại của Hạng Võ trên bờ Ô Giang. Tây Sở Bá-Vương Hạng-Võ bị quân Hán bủa vây trùng trùng điệp điệp ở Cai Hạ. Vương có thể phá vòng vây chạy thoát về Giang Đông để mưu việc tái lập vương nghiệp nhưng còn lưu-luyến ái-cơ là Ngu-Cơ nên chưa nỡ ra đi. Ngu-Cơ tự vẫn trong lúc quân sư bên Hán là Trương-Lương dùng tiếng sáo ni-non, gọi tình nhớ nhà của quân Sở đang lâm vào cảnh tuyệt lương nguy khốn. Quân Sở chia tan, đào ngũ rất nhiều. Hạng-Võ tàn nhẫn bên xác chết Ngu-Cơ, đến khi trời sáng, ngàng đầu trông về phía bên kia sông thì quân Hán đã bố trận chỉnh-tề, cắt đứt đường rút lui của quân Sở còn trung thành ở lại.

Trong bài thơ rất dài này, Huy-Thông cũng miêu tả được bản sắc một người anh hùng dọc ngang trời đất nhưng cũng rất chung - thủy đa tình.

Kịch « Kinh Kha » kể lại việc dũng sĩ nước Yên. Khi Kinh-Kha mượn cớ tiến cống nạp hàng vào Tần Đình để hành-thích Tần Vương là Doanh Chính, mong chấm dứt nạn xâm-lược thôn tính chư hầu của nước Tần chuyên cậy binh lực. Kịch trình bày việc tiến đưa trên bờ sông Dịch. Thái Tử Yên-Đan và tân khách đều mặc đồ trắng để tiễn đưa hiệp sĩ vào Hàm-Dương mà không hẹn ngày về.

Kịch này nêu được bản sắc quyết tử hy sinh của Kinh-Kha vì thiên-hạ mưu việc thái bình hạnh-phúc.

Kịch có nhiều đoạn đặc-sắc. Đoạn tả thảm cảnh chiến tranh liên-miên, nhân dân chịu tang-tóc đau xót thời Đông-Chu.

Kẻ từ thuở vua thiên đô về Lạc Ấp

Muôn chư hầu xô-xát kiếm trời-bời

Xe cuốn bụi cò nhung boy tới tấp

Và can qua bỗng chuyền bốn phương trời

Đến nay chưa bao giờ dân đau khổ
Bằng những năm tăm tối thuở Đông Chu
Ngày trận mạc tàn dần như giông tố
Lắc rùng khò xoáy lá buổi chiều thu

Đã bao phen trời khuya đang tịch mịch
Loa thúc đi rộn rã dưới chòi canh
Dân tất tả ùa nhau đi nghe hịch
Rồi điệu kiều loang loáng dây gươm xanh

Đoàn chiến-sĩ lên xe giong ruổi ngựa
Đã từ lâu chôn rồi dưới non xa
Mà bờ thành thê-nhi còn lẫn lửa
Nín hơi nghe làn gió lảng chinh ca

Nhưng ai hỏi ! Đợi chi bên cò tia,
Lũ chinh phu im mãi điệu say hồn ?
Và xe vỡ tan tành nơi chốn địa
Không quay về lướt dưới hải hoàn môn !

Ai đếm xuề ngàn lâu xương trắng ngộp
Hàng năm qua còn đặc cánh diều hâu
Bao nguồn Dương, nơi sài lang tấp nập
Ngất mây sừng sững đứng núi Đầu Lâu !

Nghe tin dữ, Thành đô chưa kịp khóc
Bọn anh hùng phơi xác chốn biên cương
Vì chỉ đợi hai ba vùng ô mọc
Quanh hào đã chẳng kín lưới đao thương

*Rồi bên lũy người xô như sóng vỗ,
Rồi cửa tung, rồi quách vỡ, đồn tan
Máu lụt đường, thây không còn chỗ đỡ
Và lửa phun u ám khói buông màn ..*

Rồi kể tội hiếu-chiến của vua Tần và chí-nguyện cương-quyết hy sinh của Kinh-Kha

*Nhưng bao nước khiếp kinh thời loạn lạc,
Rủ-rê nhau say đắm thuyết Tò Tần
Riêng chưa muốn chân tường quăng giáo-mác.
Riêng còn ham binh lửa một vương Tần !*

*Nên sáng nay Kinh-Kha cầm kiếm biếc,
Chỉ Tần Đồ quyết giết đũa hung tàn
Cho bá tính hân hoan bày bàn tiệc,
Mừng từ nay sống mãi thuở thanh nhàn*

*Nhưng đến buổi tiêu ngân, đồn réo-rắt,
Dân tung hoa ca điệu Thái Bình ca
Bờ sông Dịch nơi hơi may hiu-hắt
Còn tìm đâu cho thấy bóng Kinh-Kha.*

Không hiểu người viết và người đọc có bao giờ liên tưởng đến An-Trong-Côn, liệt-sĩ Cao Ly ám sát toàn quyền Nhật và Phạm-Hồng-Thái, liệt-sĩ Việt-Nam đã đánh tan hồn vía toàn quyền Merlin Pháp bằng tiếng vang Sa-Diện hay không ? Nhưng ý-định đả phá bạo quyền chuyên-chế, đề cao khí phách dũng-cảm hy sinh của những hiệp-sĩ trong thiên-hạ thì rất rõ ràng, ai cũng nhận thức được.

Huy-Thông cũng có lần ca tụng sinh-lực vẫy-vùng cho dân-tộc Việt-Nam trong « Giấc mơ Lê Đại Hành ».

Bình Nam quốc như hải triều kiêu hãnh
 Sẽ cuốn theo cùng cát phủ, cùng mây tuôn, cùng gió mạnh,
 Động mon di rải-rác núi non Hời
 Rồi bóng khiên rợp mặt bốn phương trời
 Như thác nước cao văng thân vĩ-đại
 Quân xông xáo tới bờ Thiên Trúc Hải
 Và gò cương quên mảnh đất cuối cùng
 Đắm say nhìn biển vô tới hư không
 Trong thế-giới vô-biên khi cúi đầu khép-nếp
 Bình sĩ ta cho là đất hẹp
 Ngọn trường thương chưa đủ chỗ tung hoành
 Vì muốn đủ tầm xa vút cánh bằng nhanh
 Muốn sức kình được tự do ngang dọc
 Biển bao la với từng trời không góc
 Cần mệnh-móng, cần bát ngát, cần xa xôi

Có lẽ lời thơ hiểu chiến bộc lộ tham vọng xâm lược ngang-tàng quá. Vì thế, có người cho rằng Huy-Thông mắc bệnh «hiếu đại» (méga'omanie) nghĩa là bệnh huỳnh-hoang, ưa tưởng tượng những cái gì to lớn vượt bậc. Nhưng thiết tưởng trong một xã hội mà dân khí tiêu trầm như xã-hội Việt-Nam thời Pháp thuộc thì giấc mơ Lê Đại-Hành đâu chỉ là một giấc mơ giả định trong sử cũ cũng gọi cho những kẻ căm tâm khuất phục, ngoan ngoãn tuân lệnh mẫu quốc, một cái gì cao cả, một ý-niệm nào về một thời oanh-liệt dựng cờ tự chủ của Non Sông. Trong loại thơ hùng-tráng thấm đượm ít nhiều ý-thức quốc-dân, chưa chắc Huy-Thông đã có tài vô nhị nhưng cái công khai phá của một tên lính tiên phong thì không ai nỡ lòng phủ nhận.

THƠ HOÀI CỐ

Cũng có người khích động ý-thức quốc-gia một cách gián tiếp hơn. Thơ hoài cố của Vũ-Đình-Liên và Nguyễn-Nhược-Pháp làm cho người đọc băng-khuâng nhớ tiếc dĩ-vãng oai-hùng và thơ mộng của dân-tộc hoặc đau-buồn cái buồn chiến bại của Phương Đông. Ít nhất, Việt-Nam cũng đã có những thành-lũy dưới trời Đông Á này. Lũ xâm-lược đã phá-hủy nhiều rồi, nhưng chúng đành chịu bất lực trước những hình-ảnh thành lũy trong tâm-tư chúng ta. Và đêm nay, dưới ánh trăng khuya, chúng ta lại tìm về nguồn, về cội gốc.

*Dậy đi thôi ! Con thuyền nằm dưới bến,
Vì đêm nay ta lại căng buồm đi
Mái chèo mơ đề băng-khuâng trôi đến
Một phương trời mây lọc ánh trăng khuya*

*Gió không thổi, nước sông trôi giá lạnh
Thuyền đi trong bóng tối lũy-thành xưa
Trên chòi cao tự ngàn năm sức tĩnh
Trong trăng khuya, bỗng vẳng tiếng loa mờ*

*Tự ngàn năm cả hồn xưa sức tĩnh
Tiếng loa vang giây lát động trăng khuya
Nhưng giây lát lại rơi im, hiu quạnh
Cả hồn xưa im lặng trong trăng khuya*

*Trôi đi thuyền cứ trôi đi xa nữa,
Vỗ trăng khuya, bơi mãi cánh chèo mơ.
Lòng ta là những hàng thành-quách cũ
Tự ngàn năm bỗng vẳng tiếng loa xưa*

VŨ-ĐÌNH-LIÊN

Một con thuyền nằm dưới bến, con thuyền và bến đò đã bị những người vọng ngoại quên lãng từ lâu. Ánh trăng khuya êm-dềm và tiếng loa trên chòi canh. Ánh trăng rung động vì tiếng loa vang, Hồn Nước tự ngàn xưa sức tĩnh. Nhưng không có tiếng quân sĩ nào hưởng ứng với tiếng loa truyền hiệu lệnh. Trôi đi thuyền, cứ trôi đi xa nữa cho lòng ta quên cái nhục chiến bại, đau thương của hiện tại, đề cho ta khỏi thấy những chủ nhân mới xa-lạ và bọn vong-nô đê-hèn. Cần về dĩ-vãng để tìm bản sắc dân-tộc.

Thơ hoài cổ của Vũ-Đình-Liên còn khiến cho chúng ta buồn trước sự tiêu vong của một lớp người. Bài « Ông Đồ » mang cả một sầu hận văn-hóa. Một nếp sống thanh-nhã của ngày xưa đã mất. Người ở thời đại mới không cần treo câu đối chữ nho nữa mà cần dán lên tường những ảnh đào chớp bóng xi-nê ! Đáng lẽ chiêm ngưỡng nét bút « phượng múa rồng bay » và suy nghiệm đạo-lý, thưởng-thức văn-chương trong những câu đối đỏ, người văn-minh tân-tiến âu-hóa thích những mẫu vai no tròn, vú căng thẳng, nụ cười khêu gợi của những bức ảnh minh-tinh. Ông Đồ và những câu đối đỏ là những cái gì cồ hủ của một thể-hệ lạc hậu. Không ai đoái hoài đến ông và chữ nghĩa của ông. Người biết thưởng-thức đã về phía bên kia thế - giới. Rồi ông cũng sẽ theo họ, họa may mới gặp những cặp thanh nhàn tri-ký tự ngàn xưa.

*Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua*

*Bao nhiêu người thuê viết
Tấm tắc ngợi khen tài :
— Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay*

*Nhưng mỗi năm mỗi vắng
 Người thuê viết nay đâu ?
 Giấy đỏ buồn không thắm,
 Mực đọng trong nghiên sầu...*

*Ông Đồ vẫn ngồi đấy,
 Qua đường không ai hay
 Lá vàng bay trên giấy,
 Ngoài trời mưa bụi bay.*

*Năm nay đào lại nở
 Không thấy ông Đồ xưa
 Những người muôn năm cũ,
 Hồn ở đâu bây giờ ?*

ÔNG ĐỒ - VŨ-ĐÌNH-LIÊN

U-buồn trùm lên một cuộc đời sắp lắt. Thật là lặng-lẽ, xót-xa. Càng xót-xa hơn vì sự tiêu vong rất là lặng-lẽ.

Thơ hoài cổ của Nguyễn-Nhược-Pháp trình-bày lại nếp sống thanh-bình, êm-đẹp của ngày xưa, những cảnh-tượng mà chúng ta không có chút hy-vọng gì gặp được dư hưởng, dư âm trong hiện-tại. Nếp sống ngày xưa đáng yêu quá. Chuyện cồ-tích Việt-Nam cũng có vẻ hoang-đường, huyền-hoặc đặc-biệt Việt-Nam. Tập «Ngày xưa» với lời thơ nhẹ-nhàng, tự nhiên, duyên dáng, kín đáo và trào-phúng tế-nhị, đáng xếp vào hàng giai-phẩm.

Mơ tưởng nếp sống thanh-nhã, êm đềm của các thư sinh thời xưa, Nguyễn-Nhược-Pháp đã vì họ và thay mặt họ chép một trang nhật ký tưởng-tượng.

*Hôm đó buổi chiều xuân
 Trông mây hồng bay vân,
 Liền gấp pho kinh sử,
 Lững thững khỏi lầu văn.*

Đường leo, nhà lom khom.

Mái xanh, tường rêu mòn,

Ta nhìn ngâm-ngà đọc

Câu đối cửa màu son

Phu khiêng kiệu ngàn ngơ,

Thầy lại và thầy thơ,

Ngồi xồm, cười bên lọng,

Trước cửa tòa dinh cơ.

Cương da buộc thân cây

Vài con ngựa lắc dây

Nghեն đầu lên gặm lá

Đạp chân, nghiêng mình xoay.

Đi vui rồi vắn-vơ,

Hay đâu thức còn mơ.

Lạc vào trong vườn rộng

Mồm vẫn còn ngâm thơ...

Ó, vườn bao nhiêu hồng

Hương nghi ngút đầu bóng

Lầu xa tô mái đỏ

Uốn éo hai con rồng..

Thoảng tiếng vàng thanh tao,

Bên giàn lý bờ ao

Một nàng xinh như liễu

Ngồi ngắm bóng hoa đào

Tay cầm bút đề thơ,
Tì má hồn vắn-vơ,
Nàng ngâm lời thánh thót,
Ai người không ngán ngờ !

Tu lặng nhìn hơi lâu
Nhưng thì giờ đi mau...
Đứng ngay gần non bộ,
Có ông lão ngồi câu.

Nàng chợt nghiêng thân ngà,
Thoáng bóng người xa xa
Reo kinh-hàng, e-lệ
Đưa rơi cành bút hoa.

Ta mơ chưa lại hồn,
Nàng lẹ gót lầu son !
Vừa toan nhìn nét phượng,
Giấy thẹn bay thu tròn.

Một buổi chiều xuân. Thiên ký-sự
của một thư sinh đời trước :
NGUYỄN-NHƯỘC-PHÁP

Nếu một ngày kia, chàng thư sinh ấy thi đỗ ông Nghè thì chắc thế nào trên đường vinh quy, chàng cũng được người ngọc gieo cầu đề sánh duyên loan phượng, duyên đẹp như giấc mơ có bàn tay ngà-ngọc nào mơn trớn. Đã thoáng thấy người đẹp trên lầu hoa, đem về thế nào thư sinh không mơ-tưởng !

Đêm nay chờ trăng mọc,
Ngồi thần thơ trong vườn
Quanh hoa lá róc-rách,
Như đưa bắt làn hương.

*Ta ngồi bên tảng đá,
Mơ lều chiếu ngày xưa
Mơ quan Nghè, quan Thám
Đi có lọng cò đưa*

*Rồi bao nàng yêu điệu,
Ngấp-nghe bay trên lầu
Vừa leng keng nhạc ngựa,
Lệ gót tiên gieo cầu.*

*Tay vơ cầu ngũ sắc,
Má Quan Nghè hây hây ..
Quân hầu reo chuyển đất,
Tung cán lọng vừa quay !*

*Trên lầu mấy thị nữ
Cùng nhau rúc-rích cười
Thưa : Cô đừng thẹn nữa
Quan Nghè trông lên rồi !*

*Cúi đầu nàng tha thướt
Yêu kiều như mây qua
Mắt xanh nhìn man mác
Mím cười vẽ cảnh hoa.*

*Ta còn đang luyến mộng
Yêu bóng người vắn-vơ
Tay ngà ai phủ trán
Hiu-hắt ánh trăng mờ.*

TAY NGÀ — NGUYỄN-NHƯƠC-PHÁP

THƠ HIỆN THỰC

Với Nguyễn-Nhượng-Pháp, đề tài thân yêu là Việt-Nam quá vắng.
 Với Nam-Trân, Bằng-Bá Lân, đề tài thân yêu là Việt-Nam hiện kim.
 Không cần phải đi qua Trung-Hoa xa xôi cho tốn công tưởng-tượng —
 thi-nhân thường chu-du thế-giới bằng hồi-tiến. . . Tưởng Tượng — cứ
 ở nhà với vợ con, cứ dạo chơi trong làng, trong tỉnh, chúng ta cũng
 có thể thường gặp những cảnh đẹp nên thơ. Nếu không nhận thức
 được vẻ đẹp nên thơ của những cảnh quen thuộc thì thật đáng ân-hận
 cho khiếu thẩm mỹ của chúng ta. Nhân quang đáng trách mắng, mặc
 dầu không cần thi *Khêu gọi lòng ham thích vẻ đẹp đất nước há không phải
 là một hành vi ái quốc lạng lẹ và khiêm tốn sao ?*

Nam-Trân tìm cảnh đẹp quanh quần ở vùng sông Hương núi Ngự.
 Huế đẹp và thơ !

*Êm êm giòng nước Hương giang chảy,
 Xúm xít thuyền con chõ bu bầy,
 Tiếng hát ngư ông dăm bóng cày
 Như luồng khói nhẹ lên lên mãi...*

*Tháp cao dom nước, vết meo trôi
 Đồi thấp sừng trăng dỗi dỗi soi
 Mờ ở xa xa gà gáy sáng
 Trong chùa cảnh cảnh tiếng chuông hồi*

Trước chùa Thiên Mụ
 NAM TRÂN

Bằng những lời lẽ giản-dị, Nam-Trân đã ghi lại những nét đặc
 biệt, những cái gì riêng tây của đất Thần-Kinh.

Thật khó phân tích, giảng-giải thế nào là một vẻ đẹp của người Huế,
 của cảnh Huế, nhưng đọc thơ Nam-Trân, chúng ta thấy màu sắc địa
 phương đã được truyền thần một cách rất trung thành

TRÊN NÚI NGỰ BÌNH

Trên núi Ngự Bình

Chim cười, gió hát,

Gió xui em hát

Chim giục em cười

Hỡi chàng công tử kia ơi !

Lòng em khao-khát những lời ái ân.

Trên núi Ngự Bình

Gió chiều hiu-hắt

Nhạc thông réo-rắt

Như khúc phong cầm

Cô em sửa áo cài trâm,

Nẻo sim lững thương đi tìm xác hoa

Ngây thơ đâu nữa mà vờ.

Cái vẻ lãng-lơ ấy hình như có một phong độ quý phái, đài các, mà chỉ những người đã sống lâu ở xứ Huế mới nhận thấy nó có cái gì khác... khác với những nụ cười loi lỏ, những liếc mắt đưa tình thường gặp trên đường đời giữa du tử và mỹ nhân. Đến cái cảnh này thì những ai đã từng ở trọ xứ Huế mà bây giờ muốn về thăm không được, mới thấy rõ nét bút hiện thực tài tình.

Lửa hạ bùng bùng cháy

Đàn ma trốt trốt bay

Tiếng ve rè rè mãi

Đánh đồ giấc ngủ ngày.

Đường sá ít người đi,

Bụi cây lấm kẻ núp,

Xơ xác quán nước chè,

Ra vào người tấp nập.

*Phe phầy chiếc quạt tre,
 Chú nài ngồi đầu voi
 Thỉnh thoảng giờ toy lẻ,
 Dăm ba chùm nhãn còi.*

*Huê phượng như giọt huyết,
 Giỏ xuống phủ lễ đường
 Mặt trời gay gắt đỏ,
 Nhuộm đỏ góc sông Hương.*

(Huế, ngày hè)

Tôi tưởng như thấy những quán tranh nghèo-nản xơ xác bên đường sỏi đá ở dốc Nam Giao. Chú nài bẻ trộm nhãn, những cành nhãn chưa được nhốt lồng đề rúi có gặp chủ vườn bắt được thì cười hề hề mà tự bào chữa: "Ai đã bẻ chi mô ? Khuấy chơi vài cành còi-cọt, còi-cút mà, mẹ !"

Đông-Hồ, người yêu mến quốc văn nhiệt thành, người đã từng lập trường dạy quốc văn trong lúc Pháp văn đương chiếm cái ưu thế toàn thịnh, đã ca ngợi cảnh đẹp của đất nước và nhất là cảnh đẹp Hà-Tiên, nơi có cái hồ nước biếc mà ông dùng tên làm bút hiệu. Lời thơ Nam-Trân có vẻ hiện thực đích-xác, lời thơ tả cảnh của Đông-Hồ có thi vị uyển chuyển mơ màng của Phương Đông. Ông tả cảnh vật qua một lăng kính mơ màng, một ngọn cỏ, một quán tranh cũng vương vấn chút hồn đất nước thuần túy không vương một hạt bụi Âu Tây. Tinh khiết, thanh nhã như nếp sống hiếu tình của người Việt hiếu hòa

QUÁN DƯƠNG LIỄU

*Đôi cành quỳnh ngọc, đôi cành liễu,
 Chắt ngọc quỳnh xinh, lá liễu tươi
 Ngan ngát gió thơm trầm kết quạt
 Bốn bề xuân khóa ánh hương trời*

Vườn thơ đôi cánh hồng mơn mớn,
 Đôi đóa đào non nhúng nhính cười
 Giếng ngọc nước ngấm lòng mát rọi
 Lời vàng nhạc nổi khúc chơi vơi

Quanh đây khói lửa nghìn phơng dấy
 Lặng lẽ lòng mây ý biển khơi
 Mưa sớm gọi về chiều nắng ấm
 Mành mành hoa lọt bóng trắng soi.

ĐÔNG HỒ, 1949

Tác giả đã khắc sâu những đường nét của phong cảnh quê hương vào tâm khảm, nên dầu trong cơn chiến loạn, tác giả vẫn thích diễn tả những đường nét màu sắc của thanh bình.

Trước thời kỳ khói lửa, cảnh sắc Việt-Nam còn thơ mộng hơn nhiều

TRINH TRẮNG

Mơn mớn đồng thơm lá cỏ non,
 Hồn đêm chưa có dấu sương mòn...
 Ao tràn mưa ngọt bờ hoang dại,
 Bèo nở xinh xinh cánh nhỏ tròn.

Chăm chăm triều lui biển xuống rồi,
 Nõn nường cát ngỏ ý xanh khơi...
 Bâng khuâng nhạc sóng không lên tiếng,
 Dịu dịu bình minh tắm nắng tươi.

Lụa cỏi, da chiều núi tuyết băng,
 Là son phơn phớt hé môi trắng,
 Thiu thiu khoe mắt sao mơ-mộng,
 Hồ trái lòng gương nước thẳng băng

*Giấy mờ tơ nhung óng mỡ ngà,
 Áo huyền nhạ mực sánh tinh hoa,
 Sương đầm ngời thỏ run run nét
 Đường Tống hồn xưa, ngón nồn nà.*

*Lối về xóm ấy nhiều đom-đóm
 Nhấp nhánh Thiên Hà ngập bước sao
 Ngõ lạc tiền thân vào xứ mộng
 Lòng tiên nghe tiếng gọi nao nao*

*Bên mái trắng non đêm quá nửa
 Muôn hương vườn ngậm cánh mong manh
 Gió mơ, lá ngủ, sương đi lảng
 Bến-lên hoa Quỳnh hé ý Trinh*

ĐÔNG HỒ, 1943

Ngay những lúc tả cảnh có vị trí, có địa danh nhất định, tác giả vẫn làm cho ta thấy phảng phất một chút gì của hồn thơ Đường. Tác giả thi vị hóa những đường nét, màu sắc bằng một lối gọi cảm hư ảo và thiết tha. Trên cái hiện thực có một lớp sương Việt-Nam Thơ Mộng theo truyền thống Đông Phương trầm tĩnh, thanh cao.

CHƠI BẠCH-THÁP ĐỘNG

(Động thuộc núi Châu-Nham, nơi tu hành của một chí sĩ đời Mạc-Thiên-Tích, hiệu là Bạch-Vân hòa thượng, một người trong hàng Thập Bát Anh ở Chiêu-Anh-Các).

*Bạch vân thăm dấu cũ
 Bạch tháp nhớ người xưa
 Người Bạch Vân đã vắng
 Động Bạch Tháp còn trơ !*

Người Bạch Vân chẳng thấy
 Chòm bạch-vân phát phơ
 Hỏi đá, đá không nói,
 Hỏi mây, mây làm ngơ.
 Nhìn đá lòng ngơ ngần,
 Trông mây dạ thần thờ
 Kim cò màu rêu phủ
 Tang thương bóng nhật mờ.
 Ngàn cây cơn gió thoảng,
 Cửa động tiếng chuông đưa.
 Nghe kinh lòng tục sạch
 Lắng kệ, giấc tiêu mơ
 Trần gian hoy Cực lạc
 Bây giờ là bao giờ
 Người này tình cảnh ấy
 Lai láng mảnh hồn thơ !

Bàng-Bá-Lân tìm thấy vẻ đẹp đơn sơ, mộc mạc ở ngay trong làng.
 Làng ở Bắc Việt có lũy tre xanh bao bọc chung quanh, vừa êm mát nên
 thơ, vừa kiên cố trong việc đề phòng giặc cướp. Đây một nếp sống thanh
 bình ở nông thôn :

Chiều hôm đón mát cổng làng,
 Gió hiu hiu đầy mây vàng êm trôi
 Đồng quê vờn lượn chân trời
 Đường quê quanh quất bao người về thôn

Sáng hồng lơ-lửng mây son
 Mặt trời thức giấc, véo-von chim chào
 Cổng làng rộng mở. Ổn ào
 Nông phu lưỡng-thững đi vào nắng mai

Trưa hè bóng lặng nắng oi
 Mái gà cục cục tìm mỗi dất con.
 Cồng làng vài chị gái non,
 Dừng chân uể-oải chờ cơn gió nồm

 Những khi gió lạnh mưa buồn
 Cồng làng im-lm bên đường lội trơn
 Những kho trắng sáng chập-chờn,
 Kia bao nhiêu bóng trên đường thướt tha

Ngày mùa lúa chín thơm đưa
 Rồi Đông gầy chết, Xuân chưa vội vàng
 Mừng Xuân ngày hội cồng làng
 Là nơi chen chúc bao nàng ngày thơ

Ngày nay dù ở nơi xa,
 Nhưng khi về đến cây đa đầu làng
 Thì bao nhiêu cảnh mơ màng
 Hiện ra khi thoáng cồng làng trong tre.

CỒNG LÀNG — BẢNG BÁ LÂN

Trong khuynh hướng hiện thực nông thôn, còn có *Anh-Thơ*. Lần đầu tiên, một nữ thi sĩ với khiếu quan sát tế nhị đã xa lìa những mối tình đằm lẹ — đề tài rất hợp nữ tính và rất hợp thời thượng, thời trang — để đi đến sự khám phá ngoại giới với những sự nhận xét muốn được khách quan và trầm tĩnh. Tác giả có vẻ cố gắng xếp lại một bên khuynh hướng trữ tình cá nhân để dùng thơ văn vẽ lại những hình ảnh màu sắc của thôn quê mà lâu nay người ta quen nhìn với cặp mắt thờ ơ vì quá quen thân mà hóa thành hồ hững. Sáng kiến của *Anh-Thơ* là tìm những nét rất thơ trong những cảnh trí tầm thường. Bức tranh quê của *Anh-Thơ* đã làm cho thôn trang Bắc-Việt từng bừng sinh sắc

BUỔI GẶT CHIỀU

*Mặt trời lặn, mây còn tươi rúng đỏ,
Cò từng đàn bay trắng phía đồng xa
Tiếng diều sáo véo-von cùng tiếng gió,
Hòa nhịp-nhàng giọng ả hái dâu ca.*

*Trong đồng lúa tươi vàng bông rủ chín,
Những trai tơ từng bộn gặt vui cười.
Cùng trong lúc ông già che nón kín
Ngồi đầu bờ hút thuốc thở từng hơi.*

*Trên đê trắng, chòm đầu phơ-phất gió,
Lũ cu con mê-mải chạy theo diều.
Bỏ mặc cả trâu bò nằm vạ cỏ
Mắt mơ-màng trông gió gợn hiu-hiu.*

ANH THO', Dức tranh quê

Cùng chung một khuynh hướng ấy, chúng ta còn gặp Đoàn-văn-Cừ tả cảnh với tất cả lòng mê say những vẻ đẹp gì riêng biệt của xã hội Việt Nam. Tác giả có lẽ bị vương vấn cái ám ảnh những cảnh ấy rồi sẽ mất. Những nề nếp sinh hoạt lưu lại tự ngàn xưa sẽ nhường bước cho những phong tục mới thoát thoát từ cuộc tiếp-xúc với Tây Phương. Vì sợ cái mất đi sẽ vĩnh viễn không thể phục hồi nên tác giả đã trân trọng ghi lại những cảnh đẹp, những nếp sống mà lòng mình thương yêu tha thiết. .

Ngắm những bức tranh của tác giả trình bày, chúng ta có cảm tưởng tác giả là một họa sĩ có chân tài, một họa sĩ có biệt tài dùng vần điệu thay thế đường nét; màu sắc trên giá vẽ.

ĐÁM CƯỚI MÙA XUÂN

Ngày ửng hồng sau màn sương gấm mỏng
Nắng dát vàng trên bãi cỏ non xanh
Dịp cầu xa lồng bóng nước long-lanh
Đàn cò trắng giăng hàng bay phấp phới
Trên cành cây bỗng một con chim gọi
Lũ người đi li-nhí một hàng đen
Trên con đường cát trắng cỏ lam viền
Họ thông-thả tiến theo chiều gió thổi,
Dưới bầu trời trong veo không mây bụi,
Giữa cánh đồng phơn-phớt tựa màu nhung.
Một cụ già râu tóc trắng như bông,
Mặc áo đỏ cầm hương đi trước đám.
Đám sáu cụ áo mền bông đỏ sẫm,
Quần nâu hồng chống gậy bước theo nhau,
Hàng ô đen thông-thả tiến lên sau,
Kế những chiếc mâm đồng che lưa đỏ.
Bọn trai tơ mặt mày coi hớn-hở,
Quần lụa chùng, nón dứa, áo sa huê.
Một vài bà thanh-lịch kiêu nhà quê.
Đầu nón nghệ, tay cầm khăn mặt đỏ.
Bà cụ lão lom khom bên cháu nhỏ,
Túi đựng trầu chằm-chằm giữ trong tay.
Thằng bé em mẹ ẵm, má hây-hây,
Đầu cạo nhẵn, áo vàng quần nâu sẫm.
Cô bé đề cút chè người xăm-măm,
Đi theo bà váy lĩnh, dép quai công.

Một chị sen đầu đội chiếc chần hồng
 Đặt trên cái hòm da đen bóng lộng
 Người cô dâu hôm nay coi choáng lộn,
 Vành khuyên vàng, áo mớ, nón quai thao
 Các bạn cô bằng tuổi cũng xinh sao
 Hai má thắm, ngày-thơ nhìn trời biếc
 Dăm bảy cô phủ mình trong những chiếc
 Áo đồng lắm, yếm đỏ, thắt lưng xanh

Một lúc sau đi tới chỗ vòng quanh,
 Nếp chùa trắng in hình trên trời thắm,
 Thì cả bọn lần lần cùng khuất lần
 Sau trái đồi lấp lánh ánh sương ngân,
 Chỉ còn nghe văng-vẳng tiếng chim xuân
 Ca ánh-ôi trên cành xanh tằm nắng.

Nhưng bà thơ tả cảnh, hiện thực ấy rất có giá trị nghệ thuật nên gọi được lòng yêu mến nước Việt, ngăn trở được phần nào khuynh hướng theo cái mới vật-chất và chỉ biết có cái mới vật chất ấy mà thôi...

Có hiệu lực ít nhiều trong việc bảo tồn dân tộc tính, trường thơ tả cảnh đã gây được ảnh hưởng tốt đẹp trong lúc các thanh niên nam nữ "son trẻ, tài hoa" của thời đại đang lao mình vào cuộc sống tình ái truy lạc, bị thương.



KHUYNH HƯỚNG VONG QUỐC BÌ CA

Vong quốc bì ca là chủ đề của thơ văn kháng địch, các chiến sĩ Cần vương đã đổ biết bao nhiêu máu lệ để cho tiếng kêu-thương mất nước xao-xuyến lòng người. Ngọn cờ cứu quốc tuy đã bị súng Tây bắn ngã gục xuống rồi, nhưng cái hùng khí của thơ văn chiến-đấu, cái hương-vị bì-thương của thơ văn mất nước còn làm sôi lòng người ái quốc.

Truyền-thống thơ-văn ái quốc gần như bị gián đoạn nếu giữa lớp nho sĩ Cần Vương với thế-hệ thanh niên thi sĩ trong Phong Trào Thơ Mới không có một thi-nhân chiến-sĩ là Nhượng-Tống bắc một nhịp cầu liên-lạc giao thân. Múa bút, mài gươm, phụng sự dân-tộc, Nhượng-Tống đã có những vần thơ bì ca khẳng-khái xuất phát từ đáy lòng son-sắt, trung-kiên. Nào bạn tương-trì ở phương trời, thử đọc bài « Từ già Tuyên-Quang » để bắt chột lòng mình nôn-nao muốn tuốt gươm vùng dậy !

TỪ GIÀ TUYÊN-QUANG

*Dứt tiếng ly-ca ném chén vàng,
Bồi-hồi từ già đất Tuyên-Quang.
Biết tìm đâu thấy người trong mộng,
Khéo nào-nùng thay cảnh dọc đường.*

*Cây cỏ ba đông trời cổ quốc,
Nước non muôn dặm bóng tà dương !
Xanh xanh sông uốn bao nhiêu khúc,
Một khúc xa nhau một đoạn trường.*

*Người một phương trời, khách một phương
Đôi lòng ai giắt sợi tơ vương.
Không quen thuộc đã thành đan dẫu,
Có biệt-ly đành phải nhớ thương.*

*Ơn nặng chưa đền cho đất nước,
 Tình riêng tạm gởi với văn-chương.
 Thăm nhau muốn hỏi đường trong mộng,
 Núi Tản, sông Lô mấy dặm đường ?*

*Người bến sông Lô, kẻ chợ Bờ,
 Tìm nhau chẳng thấy ruột vò tơ !
 Chiếc thân đất trịch ta buồn lắm,
 Giấc mộng canh tàn khách tỉnh chưa ?
 Sự trước đã làm ra thế ấy,
 Đường xa sớm liệu tự bây giờ.
 Mệnh-mông bốn bề ai tri-kỳ ?
 Canh tối, đèn tàn, tiếng gió mưa !*

NHUỘNG TỔNG

Đường xa sớm liệu tự bây giờ. Ta đã làm được những gì để đền ơn đất nước ? Trong các phương-thức tác chiến, võ lực, tuyên văn, chính-trị v.v... chúng ta đã thu được những thành-tích gì đáng kể ?

Đương lúc trào lưu ái tình lãng mạn tràn ngập đàn thơ, đã có những ai tạm gác đề tài « yêu anh, yêu em, yêu sớm, yêu chiều » để kêu gọi sâu hận bi-thương của một giống nòi mất nước ?

Trong tập thi tuyển «Thi nhân Việt-Nam », Hoài-Thanh — Hoài-Chân có một nhận xét như sau :

Huy-Thông, khá hơn (đây là nói khá hơn Nguyễn-Vỹ), đã đôi ba lần nhập-tích được vào thơ Việt cái không khí mơ màng của những vở kịch Shakespeare và cái giọng hùng-tráng của Victor Hugo. Huy-Thông cũng đã lập ra một trường thơ nhỏ trong ấy có Lam Giang, Phan-

Khắc-Khoan (trong 2 vở kịch Trần-Can và Phạm-Thái) và một nhà thơ sau này sẽ đi xa : Chế-Lan-Viên⁽¹⁾.

Nói về số lượng, giữa đám đông những người làm thơ ân tình, chỉ vồn vện có 4 người nghiêng lòng về các đề tài thơ văn bí tráng !

Người đầu tiên gây được một xúc động lớn lao về nỗi sầu vong quốc là Chế-Lan-Viên với tập « Điều-Tàn ».

Nỗi sầu vong quốc ấy đượm vẻ ma-quái rùng rợn như trong bài :

CÁI SỢ NGƯỜI

*Này chiếc sợ người kia, mi hỡi !
 Dưới làn xương mỏng mảnh của đầu mi,
 Mi nhớ gì, tưởng gì trong đêm tối,
 Mi trông mong ao-ước những điều chi ?
 Mi nhớ đến cảnh pháp trường ghê-rợn,
 Sợ muốn người lần lượt đuổi nhau rơi ?
 Hay mi nhớ những đêm mờ rừng-rợn.
 Hồn mi bay trong đám lửa ma trời ?
 Có tìm chẳng những chiều không tiếng gió
 Của người mi thi thề rửa tan rồi ?
 Có tưởng lại mảnh hồn mi đau khổ
 Đang lạc-loài trong cõi chết xa-xôi ?
 Hỡi chiếc sợ, ta vô cùng rõ đại
 Muốn riết mi trong sức mạnh tay ta !
 Để những giọt máu đào còn đọng lại
 Theo hồn ta tuôn chảy những lời thơ.*

(1) Trích nguyên văn của Hoài-Thanh — Hoài Chân. 7 chữ « đây là nói khá hơn Nguyễn Vỹ » do tôi chiếu theo ý đoạn trên mà thêm vào. Các bạn yêu thơ xem lời biện thuyết của tôi về nhận xét này trong bài « Thuyết minh về nguồn gốc căn hướng tập thơ Điều-Tàn — Thơ Chàm — của Chế-Lan-Viên » ở phần II trong sách này.

*Ta muốn cắn mìn ra từng mảnh nhỏ,
 Muốn điên cuồng nuốt cả khối xương khô !
 Đề nếm lại cả một thời xưa cũ
 Cả một giòng năm tháng đã trôi xa.*

CHẾ-LAN-VIÊN

Nỗi ưu sầu ma quái còn mang nặng thêm những tư tưởng chán nản, tuyệt vọng, trốn chạy khỏi chiến trường cạnh tranh sinh tồn, tìm yên tĩnh trong một thế giới hư không ảo tưởng.

NHỮNG SỢI TƠ LÒNG

*Tôi không muốn đất trời xoay chuyển nữa
 Với tháng ngày biền-biệt đuổi nhau trôi.
 Xuân đừng về, Hè đừng gieo ánh lửa !
 Thu thôi sang ! Đông thôi lại náo lòng tôi !*

*Quả đất chuyển giây lòng tôi rung động
 Nỗi sầu tư nhuần thấm cõi Hư Vô !
 Tháng ngày qua, gạch Chàm đua nhau rụng
 Thóp Chàm đua nhau đổ dưới trăng mờ !*

*Lửa hè đến ! Nỗi căm hờn vang dậy !
 Gió thu sang thấu lạnh cả hồn thơ !
 Chiều đông tàn, như mai xuân lộng-lẫy
 Chỉ nỗi thêm sầu khổ với ưu-tư !*

*Tạo hóa hỡi ! Hãy trả tôi về Chiêm quốc !
 Hãy đem tôi xa-lánh cõi trần-gian !
 Muốn cảnh đời chỉ làm tôi chướng mắt,
 Muốn vui-tươi nhắc mãi về điêu-tàn !*

*Hãy cho tôi một tinh cầu giá lạnh,
 Một vì sao trơ-trọi cuối trời xa !
 Đề nơi ấy tháng ngày tôi lẩn-tránh
 Những ưu-phiền, đau khổ với buồn lo !*

CHẾ-LAN-VIÊN

Tập « Điều Tàn » trực tiếp nói về nỗi sầu vong quốc của dân Chiêm. Tuy chứa đựng toàn những tư tưởng chủ bại, cam bại, toàn diệt, toàn vong, nhưng có hiệu lực giá trị nhắc cho người Việt nào biết trăm tư nhớ đến thảm cảnh vong nô, trông người mà ngẫm đến ta... Lúc bấy giờ uy quyền thống trị của Pháp còn vững mạnh, ngày khôi phục độc lập còn mù mịt như kiếp tái sinh. Những nỗi u sầu vong quốc đang vương vấn, ẩn núp trong tiềm thức người Việt đã được khơi giòng và giải tỏa bằng một lối mặc cảm đồng bệnh tương liên.

TRÊN ĐƯỜNG VỀ

*Một ngày biếc thị thành ta rời bỏ
 Quay về xem non nước giống dân Hời*

*Đây những thóp gầy mòn vì mong đợi
 Những đèn xưa sụp đổ dưới thời gian
 Những sông vắng lẻ mình trong đêm tối
 Những tượng Chăm lở-lói, rỉ rên than !*

*Đây những cảnh ngàn sâu cây lá ngọn
 Muốn ma Hời sờ soạn đất nhau đi
 Trong rừng thẳm bóng chiều lon hồn độn
 Lừng hương đưa rộn rã tiếng từ quy.*

*Đây chiến địa nơi đôi bên giao trận
 Muốn cô hồn tử sĩ hết gấm vàng
 Máu Chăm cuộn tháng ngày niềm oán hận
 Xương Chăm tuôn rào-rạt nỗi căm hờn.*

*Đây những cảnh thái bình trong Chiêm quốc
 Những cô thôn vàng nhuộm nắng chiều tươi
 Những Chiêm nữ nhẹ nhàng quay lại ấp
 Áo hồng nâu phủ phất xóa lời vui...*

*Đây điện các huy hoàng trong ánh nắng
 Những đèn đài tuyết mỹ dưới trời xanh
 Đoàn thuyền chiến nằm mơ trên sông lặng
 Bầy voi thiêng trăm mặc đạo bên thành...*

*Đây, trong ánh ngọc lưu ly mờ ảo,
 Vua quan Chiêm say đắm thịt da ngà
 Những Chiêm nữ mơ màng trong tiếng sáo
 Cùng nhịp nhàng uyển chuyển uốn mình hoa.*

*Những cảnh ấy trên đường về ta đã gặp,
 Tháng ngày qua ám ảnh mãi không thôi,
 Và từ đây lòng ta luôn tràn ngập
 Nỗi buồn thương nhớ tiếc giống dân Hời !*

Cách diễn ý gián tiếp này vừa gợi cảm vừa đỡ bị mặt thám theo dõi Gợi cảm do luật hội ý tương đồng. Đỡ bị ghi sồ đen vì không có gì dính líu trực tiếp với những chuyện Pháp — Việt.

Trong khi Chế-Lan-Viên nổi tiếng khắp xa gần thì những thi sĩ khác nặng lòng với non nước Việt-Nam chưa có cách gì bộc lộ tấm lòng ưu ái. Hoàn cảnh chính trị chưa thuận tiện. Họ vẫn tiếp tục phụng sự văn chương và lý tưởng cách mạng dân tộc

Thư kiếm nan thành độc tự liên !

Đường gươm ngọn bút nửa đời lang thang. Cách-Mạng chưa thành công, Người Thơ Chiến Sĩ còn cần phải nỗ lực nhiều hơn nữa.

Khuyñh hướng thơ Cách-Mạng thời Hậu Chiến có cơ phát triển mạnh hơn tuy sự phát triển ấy còn xa tình trạng phát thịnh...

Khuyñh Hướñg Hữu Vi.

Yên Bái đêm hồng máu lửa... Ngày 17 tháng 6 năm 1930, 13 liệt sĩ Việt-Nam Quốc Dân Đảng hy sinh vì nước. Lưỡi gươm thực dân đã đầy những chiến sĩ chưa bại lộ tống tích vào con đường hoạt động bí mật, vào cuộc sống bốn đào lưu vong.

Sóng nước Côn-Lôn và xa hơn nữa Guyane trên bờ biển tây nam Đại-Tây-Dương đã dựng lên những hình ảnh căm thành, tử địa.

Dẫu những chiến sĩ cách mạng vẫn còn trung kiên với lời minh thệ năm nào, Cách Mạng Việt-Nam vẫn rơi xuống một thoái trào tề liệt

Thành nhân tồn cò huấn,

Chiến bại bảo tâm kỳ !

LAM GIANG

dịch

Thành công thời đã chẳng thành

Thành nhân lời cũ rành rành từ xưa

Sau cơn chiến bại đến giờ

Ai còn ôm giữ ngọn cò trung kiên ?

Những người có cảm tình với Cách Mạng, không luận thuộc xu hướng chính trị nào đều chỉ có thể nói đến Cách Mạng bằng những ý tứ, lời lẽ bóng bẩy, xa xôi. Những ai muốn hiểu cứ suy nghĩ rồi dần dần thông cảm.

Gác ra ngoài bọn văn nô, bồi bút mà mẽ đay kim khánh đã che lấp nhân cách. Lương cao, bổng hậu đã đè bẹp lương tri, những văn nhân thi sĩ nào có cảm tình với Cách Mạng, còn giữ được chút nhuệ khí chiến đấu, đều có ít nhiều thơ văn mà trong đó còn phảng phất ý chí quật cường của dân tộc.

Trong cuộc sống vong nô tủi nhục, người Việt nào cũng muốn tìm một hướng thoát ly. Ngụp lặn trong biển tình, cố nhắm mắt bưng tai để khỏi nhìn những cảnh bỉ ổi bất nhân, để khỏi những lời thóa mạ của cường quyền, những giọng van xin ân huệ của tham quan ô lại, đó cũng là một cách thoát ly. Mơ màng đến viễn ảnh quật khởi tự do, đường thoát ly này thích hợp với những kẻ sĩ còn có tâm chí hữu vi.

Không được phép mình ngôn thì người ta phải nói bằng ám hiệu. Thơ văn thời đó có những hình ảnh chính phụ, những kẻ ra đi, những người dày dạn gió bụi bốn phương..., tất cả những từ ngữ ấy đều phản ánh ít nhiều cái hùng tâm chưa chịu khuất nhục.

Thời đại u trầm, ai có bốn phận ra đi theo tiếng gọi huyền bí mờ hồ mà tha thiết bị thương của núi sông Lạc Việt ? Đi đâu ? — Không cần nói rõ ! Làm gì ? — Lại càng phải dấu cho kín nhem tăm hơi ! Miễn là có ra đi và có làm... Chưa biết có ngày thành công hay tự biết mãi đời mình vẫn chưa thành công. Nhưng dám làm tức là quả cảm lắm rồi.

Thế-Lữ có bài :

TIẾNG HÁT BÊN SÔNG

Ta là một khách chinh phu

Dấn bước truân chuyên khắp hải hồ

Mũ lượt bốn trời sương rãng gọi

Phong trần quen biết mặt âu lo...

Vất vả bao từng chi sá kẻ ?

Gian nan như lửa rèn tâm chí

Bấy lâu non nước mãi xông pha

Chưa phút dừng chân chưa lúc nghỉ...

Trong thuở sinh bình đôi mắt ta

Không hề cho đắm lệ bao giờ

Cười phen thất bại, khinh nguy hiểm

Nặng gót vang đường nhịp khúc ca

Đang độ nam nhi vui trẻ hoài
Sầu tư, bi thiết gác bên tai
Trái tim chỉ rộn khi cảm tức
Ghét lũ vô nhân, giận nỗi đời.

Trong khi lật đật nẻo sông Mê,
Trận gió heo may đuổi nhạn về
Bụi cuốn đường xa chinh khách mới
Bỗng nghe tiếng hát vắng bên kia.

Tiếng hát trong như nước Ngọc Tuyền,
Êm như hơi gió thoảng cung tiên,
Cao như thông vút, buồn như liễu,
Nước lặng, mây ngừng : ta đứng yên.

Chinh phu trong dạ nhường tề tái
Quay gót ta buồn trông trở lại,
Đường vẫn còn xa, còn phải đi
Song le tiếng hát bên sông gọi :

— Đi đâu vội mấy hỡi ai ơi
Mà đề cho ai luống ngậm ngùi
Em trẻ, em son, em lại đẹp
Sang đây chung hát khúc ca vui.

Hỡi khách sang đây với bạn tình
Vui đi, người được mấy xuân xanh
Ưu tư chi để sầu mây nước,
Kìa cánh hoa đua rộn trước cành...

Tiếng hát bên sông réo rất hoài
Mà lời mây nước giục bên tai
Đau lòng rứt mối tơ vương vẫn
Nước mắt đầu tiên đã chảy rơi.

Vì chúng ta cũng biết yêu đương
Mà cuộc tình duyên gặp giữa đường
Trong lúc non sông mờ cát bụi
Phải đâu là hội kết duyên ương?

Âm thầm từ giã cô thôn nữ
Cô đứng bên sông không hát nữa
Lòng ta thồn thức còn đề-mê
Nhịp với lòng ai cùng than thở

Âm thầm ta lại bảo cô rằng :
Mặt đất mệnh mang biết mấy chừng
Em có yêu ta thì gắng đợi
Đem tình mà gọi lên cung trăng

Ở chốn đường khơi ta nhớ em
Thì lòng ta sẽ hóa ra chim
Bay lên lưu luyến bên cung nguyệt
Sẽ tỏ cho nhau thấu nỗi niềm.

Ta đi theo dõi bước tương lai
Đề lại bên sông kẻ ngậm ngùi
Chỉ nặng bốn phương trời nước rộng
Từ nay thêm bận nỗi thương ai.

THẾ LỮ

Tác giả trình bày một nhân vật theo kiểu Corneille, thi hào thế kỷ 17 trong văn học Pháp. Người Hùng bị lôi kéo, chia xé giữa hai thứ tình cảm : một bên là Ái Tình với tất cả sức quyến rũ mãnh liệt, say mê ; một bên là Lý Tưởng, Nhiệm Vụ cao quý.

Tâm hồn của Người Hùng là chiến trường náo động của hai sức mạnh tương phản ấy. Qua những phút yếu đuối, gần ngã gục, Người Hùng thu góp tất cả nghị lực để vùng lên, theo đuổi Lý Tưởng cao quý, xa vời. Ái Tình tuy không giữ được ngôi ngự trị độc tôn, nhưng vẫn âm thầm xâu-xé tâm hồn, lưu lại những kỷ niệm tiếc thương đau xót.

Hiệu lực tranh chiến giữa hai thế lực tương phản gọi cho ta những cảm xúc bi tráng, bồi hồi. Chính Phu của Thế-Lũ tuy vẫn có bản chất đa tình ; tuy vẫn đau khổ vì tình, nhưng vẫn biết dẫn thân vì Đại Nghĩa.

Trong lúc non sông mờ cát bụi

Phải đâu là hội kết duyên vương !

Vì sao non sông lại phủ bụi mờ bi thảm ? Người đọc nên tự hiểu ngầm. Nếu không chịu hiểu ngầm mà cứ thúc bách hỏi dồn thì dầu người hỏi thừa can đảm đề hỏi, tác giả cũng không dám giải thích rõ ràng. Dầu tác giả dám giải thích, chiếc kéo của Tòa Kiểm Duyệt vẫn không nường nhẹ tay.

Trái tim chỉ rộn khi cảm tức

Ghét lũ vô nhân, giận nổi đời... ..

Lũ vô nhân này là ai ? Đích thị đó là phường tâu cầu của Thực Dân, ví dụ như Vi-Văn-Định, con hùm xám của đất Thái-Bình, một tay tra tấn sát hại bao nhiêu anh tài cách mạng.

Hiểu ngầm như thế là đủ, cần gì phải nói rõ cho thêm phiền và cho bớt phần lý thú bí mật đi.

Ta đi theo dõi bước tương lai

Tương lai còn xa vời . . . Việc lớn chưa hẹn ngày thành công. Non nước còn đắm chìm thì Chính Phủ vẫn còn cứ phải đi, cứ phải sống cái cảnh

Mũ lượt bốn trời sương nắng gội

Phong trần quen biết mặt âu lo...

Cũng có kẻ dám thờ-lộ nỗi-niềm uất-ức đối với hoàn-cảnh xã-hội đương thời. Nguyễn-Vỹ đã có can-đảm làm một bài thơ với lời-lẽ kịch-liệt. Đó là bài :

GỎI TRƯƠNG-TỬU

Nay ta thêm rượu nhớ mong ai,

Một mình rót uống chẳng buồn say.

Trước kia hai thằng hết một nệm

Trò chuyện đông dài, mặt đỏ sầm,

Nay một mình ta, một be con :

Cạn rượu rồi thơ mới véo-von !

Dạo ấy chúng mình nghèo xơ-xác,

Mà vẫn coi tiền như cái rác !

Kiểm được xu nào đem tiêu hoang,

Rủ nhau chè-chén nói huynh-hoang,

Xáo lộn văn-chương với chả cá

.

Rồi ngủ một đêm mộng với mê,

Sáng dậy nhìn nhau cười hê hê !

Thời-thế bây giờ vẫn thấy khó,

Nhà văn An-Nam khờ như chó !

Mỗi lần cầm bút nói văn-chương,

Nhìn đàn chó đói gặm tro xương,

Và nhìn chúng mình hì-hục viết,
 Suốt mấy năm trời kiết vẫn kiết,
 Mà thương cho tôi, thương cho anh,
 Đã rụng bao nhiêu mớ tóc xanh !

Bao giờ chúng mình thật ngất-ngờng
 Tôi làm Trạng Nguyên, anh Tề tướng,
 Và anh bên võ, tôi bên văn,
 Múa bút, tung gươm hả một phen ?

.

Chứ như bây giờ là trò chơi,
 Làm báo, làm bung chán mớ đời !
 Anh đi che tàn một lũ ngốc,
 Triết-lý con tườu, văn-chương cóc,
 Còn tôi bùng thúng theo đàn bà.
 Ra chợ bán văn ngày tháng qua !

Cho nên tôi buồn không biết mấy !
 Đời còn nhỡ-những, ta chịu vậy...
 Ngồi buồn lấy rượu uống say sưa,
 Bực chí thành say mấy cũng vừa !
 Mẹ cha cái kiếp làm thi-sĩ !
 Chơi nước cờ cao gấp vạn bi !
 Rồi đâm ra điên, đâm vẩn-vơ
 Rốt cuộc chỉ còn .. mộng với mơ.

NGUYỄN-VỸ

Trầm hùng, tế nhị, sâu sắc, *Thâm-Tâm* đã gọi lòng cảm khái của những người muốn ra đi đề mưu đồ một việc gì khác với kiếp biền sinh chìm lửng cá chậu. Bài « *Tổng Biệt Hành* » cũng có được thái độ cương quyết của người tráng sĩ qua sông.

TỔNG BIỆT HÀNH

Đưa người, ta không đưa sang sông,
 Sao nghe tiếng sóng ở trong lòng ?
 Bóng chiều không úa, không vàng-vọt
 Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong ?
 Đưa người, ta chỉ đưa người ấy
 Một giả gia đình, một dừng dừng...
 Ly khách ! Ly khách ! Con đường nhỏ
 Chỉ lớn chưa về bàn tay không,
 Thì không bao giờ nói trở lại,
 Ba năm mẹ già cũng đừng mong !

Ta biết người buồn chiều hôm trước,
 Bây giờ mùa hạ sen nở nốt
 Một chị, hai chị cùng như sen,
 Khuyên nốt em trai giòng-lệ sót !
 Ta biết người buồn sáng hôm nay
 Trời chưa mùa thu tươi lắm thay !
 Em nhỏ ngây thơ đôi mắt biếc
 Gói tròn thương tiếc chiếc khăn tay.
 Người đi, ừ nhỉ người đi thực !
 Mẹ thà coi như chiếc lá bay,
 Chị thà coi như là hạt bụi,
 Em thà coi như hơi rượu say !

THÂM TÂM

Người đi đâu giữa hoàn vũ đương hện cơn sóng gió ? Sang Tàu,
 sang Nhật, qua Xiêm, qua Ấn, qua Âu ? Nào ai biết định hướng của
 một hoài bão ngang tàng quen với truyền thống vị quốc vong gia.

Chỉ lớn chưa về bàn tay không !

Quyết tâm đến thế thì mẹ già uống công tựa cửa mà thôi. Hiệu lực truyền cảm của bài thơ rất sâu xa. Xin nhường ý kiến nhận xét của bạn Hồ-Nam, một người yêu văn rất trẻ mà cảm quan còn sắc bén :

— Nói chuyện tâm tư, nói chuyện khí tiết như thế này thật là hay tuyệt.

— Ừ sao lại có những vần thơ kỳ diệu như thế nhỉ ?

— Đọc xong Tống Biệt Hành thì đến phải khởi hành một chuyến đi mất thôi.

— Buồn thật. Hoàng hôn cũng chưa thấm thía đến thế.

— Có hề là hoang-đường, là thần thoại, nhưng sự màu nhiệm của thi ca chế ngự tôi nhanh quá.

— Khiếp phục Thâm Tâm...

Nếu có những chàng trai trẻ muốn làm một chuyến khởi hành thì ý thức quốc dân cách mạng chưa bị dập tắt đến mức độ còn tro tàn trong cõi lòng mới mẻ. Có cần gì phải dùng những luận điệu « đao to, búa lớn » những danh từ « sấm vang, sét nổ » mới cảm hóa được nhân tâm ? Lòng tuy đau xót ngấm ngấm mà chí hùng cương quyết đi theo ngọn cờ đại nghĩa. Với người ra đi, tất cả những tình cảm tha thiết của gia đình, kẻ cả tình mẫu tử thiêng liêng cũng phải lui bước, nhường chỗ ngự-trị tâm hồn cho những hoài bão cứu quốc.



Chương IV

VẤN ĐỀ THI PHÁP

- 3 phong-thái đặc-biệt :
 - Trung-kiên với luật thơ Đường
 - Náo-nức cầu tôn
 - Một công-tác điền-chế bơ.vơ
- Đề làm tiểu-kết cho 4 chương trên :
 - Một thời đại, những danh tài

3 PHONG THÁI ĐẶC BIỆT

1. Trung kiên với Luật Thơ Đường.

Giữa lúc Thơ Mới ngang nhiên cò võ đánh đờ lối thơ có đối đáp vô duyên, vô vị, phi tự nhiên, bất hợp lý, thôi thì đủ mọi thứ danh từ mĩa mai, hần học mà trí con người có thể tìm ra, giữa cái cảnh náo loạn phi thường ấy, Quách-Tấn vẫn ung-dung làm thơ Đường Luật và vẫn được xếp vào thi sĩ hữu danh của Phong Trào Thơ Mới.

Hai thi phẩm «Mặt Tắm Lòng», «Mùa Cò diều» vẫn được thiên hạ hoan nghênh. Xét cho kỹ, cũng chẳng có gì đáng lấy làm lạ. Các thi nhân của thế-hệ mới thường phần nộ với lớp thi công núp sau danh nghĩa Luật Đường để sắp đặt những vận ngữ rồi tự phụ mạo nhận là thơ. Quách-Tấn tuyệt nhiên không dính líu gì tới đoàn «cò nhân» ấy. Quách-Tấn với những lối phô diễn khuynh hướng trữ tình cá nhân sống rất gần thi sĩ thanh niên của Phong Trào Thơ Mới đang thành công trong việc chinh phục Thi Đàn.

Những bài thơ làm theo Luật Đường của Quách-Tấn đều có cảm hứng chân thành và tế nhị

ĐÊM TÌNH

*Giấc thấm tình duyên non gối nước,
Màn sương đề lọt ánh sao băng
Hồn hoa chợp mộng thơm hồn gió
Tóc liễu dừng thơ đón tóc trắng
Muôn điệu tơ lòng run sê sê
Nửa vời sóng nhạc rộn làng lãng
Phòng không thương kẻ ngồi nương triện
Tình gửi mây xa lê ngập ngừng...*

CHIỀU XUÂN

*Chim mang về tờ bóng hoàng hôn
 Vàng lừng lơ non biếc đọng còn
 Cành gió hương xao hoa tỷ muội
 Đôi sương sóng lượn cỏ vương tôn
 Khói mây quanh quần hồi chuông vọng,
 Trời biển nồn nao tiếng địch đồn
 Thường cảnh ông câu tình-tự quá
 Thuyền con chở nguyệt đến cô thôn.*

Hình thức trang nghiêm cổ kính của Luật Đường được tuân thủ triệt để. Có những người vẫn thích Luật Đường nhưng hưởng ứng với Phong Trào Thơ Mới, ít nhất họ cũng có làm đôi ba bài thơ theo thể điệu mới. Riêng Quách-Tấn, tuyệt-đối thờ ơ không cần biết thơ mới 8 chữ là cái quái vật gì.

Thái độ ấy quả là một thái cực.

2. Náo nức cầu tân.

Đối lập với thái cực bảo thủ của Quách-Tấn là Nguyễn-Vỹ, nao nức đi tìm cái mới. Nguyễn-Vỹ đã du nhập lối thơ 12 chữ đúng như thơ Alexandrin của Pháp, nhưng sáng kiến này không thành công và chính Nguyễn-Vỹ cũng đã kịp thời bỏ cho nó rơi vào vực tối quên lãng. Dầu có bất thức thời vụ mà cố gắng duy trì thì cũng chỉ đến tổn giấy mực, tốn công phu vô ích mà thôi. Khiếu thâm âm và thâm mỹ của người Việt, dầu có nhiều độ lượng kết nạp hải hà đến đâu, cũng không thể thừa nhận cái thứ thơ mỗi câu 12 chữ dài dằng dặc ấy.

Dù đã thất bại thì ngẩn ắt thành công. Nguyễn-Vỹ theo dấu Verlaine, thủy tổ của câu thơ nhạc, tạo ra lối thơ 2 chữ. Bài «Sương rơi» cũng có công chứng minh thêm khả năng tạo nhạc của tiếng Việt. Điệu thơ là một thứ nhạc tượng thanh, êm êm, buồn buồn, như những giọt mưa rơi trên mái nhà trong những đêm trường vắng vẻ.

SƯƠNG RƠI

Sương rơi
 Nặng trĩu
 Trên cành
 Dương liễu...
 Nhưng hơi
 Gió bắc
 Lạnh lùng
 Hiu hắt
 Thấm vào
 Em ơi !
 Trong lòng
 Hạt sương
 Thành một
 Vết thương !

Rồi hạt
 Sương trong
 Tan tác
 Trong lòng
 Tủi tui,
 Em ơi !
 Từng giọt
 Thán thở,
 Từng giọt
 Điều tàn
 Trên nướn
 Mồ hoang!...

Rơi sương
Cành dương
Liễu ngã
Gió mưa
Tơi tả
Từng giọt
Thánh thót
Từng giọt
Tơi bời
Mưa rơi
Gió rơi
Lá rơi
Em ơi !

NGUYỄN-VỸ 1935

Về lối thơ nhạc tượng thanh này, Nguyễn-Vỹ còn có nhiều bài khác. Bài « Mưa trong tù » theo ý tôi là những giọt lệ ngắn dài của chiến sĩ cách mạng, âm hưởng của tiếng đoạn trường đau suốt mấy mùa thu.

MƯA TRONG TÙ

Mưa róc rách
Ngoài vách
Mưa tuôn
Suốt đêm trường
Mưa vương
Lòng thương
Quê hương
Xa cách,
Mưa róc rách
Ngoài vách
Mưa tuôn

Giọt đàn mưa

Khi thừa

Kai nhứt

Rơi ti tách

Lòng khách

Rèo rắt

Tơ buồn.

Mưa rì rách

Ngoài vách

Mưa tuôn.

Mưa trên mái

Mưa hoài

Mưa mãi.

Mưa ngoài

Quan đi

Mưa khắp

Bốn phương.

Suốt đêm trường

Mưa vương

Sầu thương

Quê hương

Xa cách

Mưa rì rách

Ngoài vách

Mưa tuôn.

Mưa, mưa, mưa !

Những mưa

Đêm xưa

Ồ ạt xối về !

Những mưa

Đêm xưa

Đêm nay tràn trề !

Trong tù quạnh hiu

Ta nằm buồn bã

Nghe mưa

Đêm xưa

Trôi về.

Bao nhiêu

Tình yêu

Phiêu lưu

Tan rã !

Bao nhiêu

Giọt lệ

Anh hùng.

Bao nhiêu

Ai oán

Não nùng.

Bao nhiêu

Sầu hận

Non sông

Trôi về

Mệnh mông !

Mưa xào xào
Đề vào
Song sắt
Đề vào
Xa lắc
Trong hố lòng hoang
Mưa lắc rắc
Hìn hắt
Không bến, không bờ
Bao giờ
Mưa tan ?
Bao giờ
Gió đưa
Giòng mưa
Trôi về bến xưa
Bao nhiêu năm xưa
Lòng chưa
Hết mưa !

NGUYỄN VỸ

Phê bình Nguyễn-Vỹ, Hoài-Thanh phát biểu một ý kiến võ đoán :
« Nguyễn-Vỹ chí lớn mà tài nhỏ nên hay lập dị, chứ thực sự ít có thành tích văn chương ».

Tôi thiết tưởng cái công du-nhập đầu tiên lối thơ nhạc vào Thi Đàn Việt-Nam giữa lúc rất nhiều người chỉ chăm lo đả kích Luật Đường, chứ chưa sáng tạo được một thể điệu gì mới cũng đáng cho chúng ta nhìn tác giả với một nhãn quan nhiều thiện cảm hơn.

3. Một công tác diễn chế bơ vơ...

Đây là mối quan tâm trọng yếu của Lam-Giang. Năm 1940, giữa lúc không ai muốn nghe nói đến luật thơ, tác giả xuất bản sách « Thảo

luận Luật Thơ Mới». Sau đó, lại đăng Luật Thơ Mới trên tạp chí Tri-Tân đề phổ biến tư tưởng « Thơ cần phải có luật, Thơ Mới phải có luật mới, thơ có trước rồi luật mới được điền chế sau. Luật là sự điền chế kết tinh những kinh nghiệm thành công, phân tích những điều kiện thành công để rút ra những yếu tố rồi suy luận và đúc kết thành những nguyên lý chỉ phối việc sử dụng âm thanh vận luật ».

Năm 1955, tác giả lại tự lực xuất bản tập « Cách làm thơ ». Năm 1957, nhà xuất bản Tân Việt ấn hành sách « Khảo luận Luật Thơ ».

Tôi xin tóm tắt những ý kiến chính yếu đã được trình bày trong các sách ấy, sách nói về Luật Thơ mà quan trọng nhất là Luật Thơ Mới.

Hiện nay, công việc điền chế luật thơ không còn có cái vẻ bơ-vơ, cô lập như lúc tôi vừa khởi xướng. Đã có vài ba quyển sách nói về luật thơ, trong đó có Luật Thơ Mới. Lại cũng có một vài người chuyên viết tiểu thuyết cũng cao hứng bàn luật thơ...

Tuy nhiên, đã gọi là điền chế thì ý kiến phải được sắp đặt cho có hệ thống tùy thuộc vào những nguyên lý chỉ đạo. Nếu không, những nhận xét lẻ tẻ chỉ là một mớ kinh nghiệm lợm lặt tùy hứng mà thôi.

Hai nguyên tắc chỉ đạo công việc điền chế Luật Thơ Mới của tôi đề ra là :

- *Nguyên tắc nhạc luật* : Ai nói thi ca, phải nói nhạc luật
- *Nguyên tắc quân bình* : Ai nói nhạc luật, phải nói luật quân bình.

Thi đàn Việt-Nam lại có truyền thống âm thanh vận luật riêng. Luật Thơ Mới không thể nghịch lại các truyền thống ấy bởi vì Thơ Mới — những bài thơ đã tồn tại qua sự đả lọc của thời gian — không hề vi phạm, phản bội các lẽ lối âm thanh, vận luật bất thành văn nhưng rất có uy lực ấy bao giờ.

● Định lý thứ nhất : Thơ phải có vần.

Nghe cái định lý giản dị này, chắc có nhiều kẻ phì cười, bảo rằng : « Quái, sao lại có kẻ vô công rồi nghề, xướng lên một định lý ngớ ngẩn đến thế ? Ai không biết thơ phải có vần ? Không điền chế thì đừng, khéo làm cho tốn giấy, tốn mực ».

Tôi xin thưa rằng : « Làm tốn giấy mực để thuyết minh một vấn đề vốn đã rõ ràng quá rồi là một cái tội, nhưng nhất định thủ phạm không phải là tôi. Hoài-Thanh và Hoài-Chân trong khi góp nhặt thơ của thiên hạ để làm một tập thi tuyển tiện dụng, nhan đề « Thi Nhân Việt-Nam » đã vượt quá địa vị một kẻ sưu tầm, lên mặt là thuyết giảng, xướng ra luật đòi thanh để dạy thiên hạ làm thơ không cần có vần. Căn cứ lập luận của luật đòi thanh rất có độ lượng khoan hồng ấy là những nhận xét về âm hưởng bài « Màu thời gian » của Đoàn-Phú-Tứ. Nguyên văn như sau :

Sáng hôm nay

Tiếng chim thanh

Trong gió xanh

Dù vương hương ấm thoảng xuân tình

Ngàn xưa không lạnh nữa, Tàn Phi

Ta lặng dâng nàng

Trời mây phảng phất nhuộm thời gian.

Màu thời gian không xanh

Màu thời gian tím ngắt,

Hương thời gian không nồng

Hương thời gian thanh thanh.

*Tóc mây một món chiếc dao vàng
 Ngàn trùng e lệ phụng quân vương
 Trăm năm tình cũ là không hạn
 Thà nép mây hoa thiếp phụ chàng.*

*Duyên trăm năm đứt đoạn
 Tình một thuở còn vương
 Hương thời gian thanh thanh
 Màu thời gian tím ngát.*

ĐOÀN-PHÚ-TỨ

Đã đành chữ *ngay, xanh, phi, nàng* không có vần với nhau; *xanh, nồng* cũng không hiệp vận. Nhưng không ai cấm những chữ *thanh, tình* là vần thông, *nàng, gian* là những chữ đồng hưởng (assonance) mà nhiều thi sĩ sẵn sàng cho là vần phong-phú. Hướng chỉ sau hai đoạn thơ ngắn, gieo vần phóng túng, Đoàn-Phú-Tứ lại trở về với hình thức Luật Đường trang nghiêm cò kính, dụng ý nhờ hiệu lực tương phản chữa lại thể cách tự do ở hai đoạn đầu. Tác giả đã phóng túng ít nhiều, nhưng là một sự phóng túng có tính toán.

Nếu có ai nghe Hoài-Thanh xui dại, áp-dụng luật đòi thanh trong một bài thơ trường thiên thì nhất định âm hưởng, vận hưởng sẽ tồi tệ, rối loạn như một đám tàn quân thua trận.

Gần đây, lại có ít nhiều nhà thơ tự do chủ trương dùng vần lẫn, nghĩa là những vần rất ít âm hưởng tương ứng với nhau. Nói một cách thực tế, họ tha thứ những lỗi áp vận, lạc vận.

Trong trường hợp này, không biết có nên nhắc lại câu thơ hài hước, nghiêm chỉnh của Tản Đà :

*Nếu không phá cách, bỏ vận luật
 Khó cho thiên hạ đến bao giờ ?*

Tôi nhất định căn cứ vào truyền thống coi trọng văn thơ của ca dao Việt-Nam mà chủ trương chung với mọi người rằng: Thơ phải có văn.

Ai cũng biết ca dao Việt Nam ngoài cước vận, còn có yêu vận. Tôi xin thêm, ngoài hai thứ văn thông thường còn có những cách gieo văn khác như liên châu vận, liên hưởng vận.

Liên châu vận là thứ văn liên kết những phần tử tiết điệu trong câu thành một xâu chuỗi dài như chuỗi ngọc, chuỗi hạt châu. Ví dụ:

Đường đi cheo leo, con trâu trèo sa hố, con ngựa trèo, con ngựa đổ, công anh lao khổ, tự bấy nhiều ngày.

Hoặc như:

Chiều chiều trước Phú-Văn-Lau,

Ai ngồi, ai câu, ai sầu, ai thảm, ai thương, ai cảm, ai nhớ, ai trông?

Liên hưởng vận là thứ văn dùng để tăng cường âm hưởng cho một đoạn thơ, văn này được coi như tiếng vang của những văn trước. Ví dụ:

Kinh Xáng mới đào

Tàu Tây mới chạy

Thương thì thương đại

Đừng nghi đừng ngại

Bớ điệu chung tình

Trớ trêu cho cực duyên mình,

Con nhạn cao bay, khó bắt, con cá dưới ao quỳnh khó câu.

Hoặc như:

Con cá đối nằm trong cối đá

Con chim đa đa đậu nhánh đa đa

Anh biều em đừng có lấy chồng xa,

Nửa mai sau mẹ yếu cha già

Cháo cơm ai giúp, thuốc trà ai dâng?

Truyền thống của Việt-Nam là thơ phải có vần. Phong trào Thơ Mới có thể du nhập các lối gieo vần của thi pháp Tây Phương như cách vận (vần tréo), tỏa vận (câu 1 có vần cùng câu 4, ôm 2 vần của câu 2, câu 3) để làm cho âm điệu, vận luật thêm hay, thêm giàu, chứ nhất định không thể bỏ vần được.

Thuyết thơ không vần, bất luận được cải trang dưới hình thức luật đối thanh hay vần lẫn, đều không thể ứng dụng và tồn tại được.

● Định lý thứ hai : Phải có sự phối hợp tiếng bình, tiếng trắc mới tạo được thể quân bình cho câu thơ, bài thơ.

Đôi khi cần diễn tả những cái gì trầm trầm, thoáng nhẹ, mơ màng, thi sĩ vẫn có quyền dùng một vài câu thơ toàn tiếng bình theo cách âm nhạc mô phỏng. Ví dụ :

Sương nương theo trăng ngừng lưng trời

Tương tư nâng lòng lên chơi vơi

XUÂN-DIỆU

Những câu như :

Ô hay ! Buồn vương cây ngô đồng

Vàng rơi, vàng rơi thu mệnh mông

BÍCH KHÊ

Hoặc như :

Tơ trắng buông rèm trên muôn cảnh

Tơ trắng vàng run như âm thanh

HÀN-MẶC-TỬ

đều có tác dụng gợi cảm, một thứ cảm xúc lâng-lâng nhẹ nhẹ như sương tan trong đêm mờ. Nhưng nếu đặt chúng về nguyên vị trí cũ, chúng sẽ chìm trong một bài thơ bình thanh, gồm toàn tiếng bình.

Một đôi câu thơ toàn bình là trường hợp biến trường hợp ngoại lệ. Chúng ta không thể đem một trường hợp biến dựng thành một trường hợp thường ; cho ngoại lệ được thành thông lệ.

Những người làm thơ bình thanh đều không muốn hiểu cái lý tam kiệt. Nhất nhi thanh, tái nhi suy, tam nhi kiệt : dùng một lần thì hiệu lực mạnh, dùng đến hai lần thì hiệu lực giảm suy và lạm dụng đến ba lần thì hiệu lực tan biến, khánh kiệt. Ai lại làm thơ toàn bình từ đầu đến cuối, khai trừ hơn một nửa tiếng Việt, tự buộc mình phải vận dụng số chữ nghèo nàn còn lại mà tự phụ là diễn tình, đạt lý một cách thông suốt bao giờ ?

Các nhà thơ mới ghét cay, ghét đắng lối thơ sắp chữ của những tay thợ thơ ngày trước, liệu giờ đây chuyên ghép câu toàn tiếng bình, họ có tránh được tệ đoan thảm hại ấy chăng ? Nghệ thuật sử dụng âm thanh đòi hỏi những sự phối hợp tế nhị, khó khăn giữ số lượng của tiếng bình và tiếng trắc, chứ không phải chỉ khai trừ tiếng trắc đi là kết quả « êm như trăng khuya, du-dương như cung đàn tỳ bà Tầm dương » đến ngay với ta. Nghệ thuật sử dụng âm thanh có đâu lại đơn thuần, giản dị đến cái mức máy móc ấy.

Trong một bài thơ bình thanh, dấu hình ảnh, màu sắc, âm thanh có gọi được hứng thú, chúng ta vẫn thấy rõ rệt cái tính chất nhân vi, bàn tay của người thơ lộ liễu một cách ngang tàng, vô phép mà đáng lẽ bàn tay phải được thu tàng cho kín đáo.

Có đôi bài thơ, ý tứ không có gì đặc sắc tân kỳ, nhưng nhờ khéo phối hợp bình trắc, sử dụng âm thanh mà được liệt vào hàng giai tác. Tỷ như bài :

TIẾNG THU

*Em không nghe mùa thu
Dưới trăng mờ thồn thức
Em không nghe rạo rức
Hình ảnh kẻ chinh ph*

Trong lòng người cô phụ ?

Em không nghe rừng thu

Lá thu kêu xào xạc

Con nai vàng ngơ ngác

Đạp trên lá vàng khô.

LƯU-TRỌNG-LƯ

Nghệ thuật sử dụng âm thanh đòi hỏi nơi chúng ta những rung cảm tế nhị, tha-thiết, những nhận xét sâu sắc về âm thanh trong tâm giới cũng như trong những cảnh trí thiên nhiên. Thi sĩ cũng phải có tâm hồn nhạc sĩ. Không phải chỉ sử dụng đơn thuần một thứ tiếng bình mà người ta đạt được mục đích du-dương truyền cảm đâu.

Thơ bình thanh chẳng qua cũng là một trò chơi sắp chữ của các thi công mà thôi.

● Quân bình tam phân.

Tiếng bình, tiếng trắc phối hợp điều hòa có quy-tắc thì mới tạo được thể quân bình.

Một câu thơ 7 chữ hay 8 chữ đều có 3 phần tử tiết điệu. Chữ cuối cùng của phần tử tiết điệu là chữ căn cứ của nhạc luật quân bình. Phần tử tiết điệu nào sau cùng có tiếng trắc thì gọi là phần tử tiết điệu trắc, phần-tử tiết điệu sau cùng có tiếng bình thì gọi là phần-tử tiết điệu bình. Câu thơ nào sau cùng có tiếng trắc thì gọi là câu thơ trắc, câu thơ nào sau cùng có tiếng bình thì gọi là câu thơ bình.

3 phần tử tiết điệu trong câu thơ trắc và trong câu thơ bình, không luận là 7 chữ hay 8 chữ, đều phải được bố trí như sau để cho thể quân bình được toàn-vẹn.

| Số chữ 7 hay 8 | Phần tử tiết điệu I | Phần tử tiết điệu II | Phần tử tiết điệu III |
|-------------------|------------------------|-------------------------|--------------------------|
| Câu thơ trắc | t | b | t |
| Câu thơ bình | b | t | b |

Ví dụ :

Con cá đối, nằm trong, cối đá,

t b t

Con chim đa đa, đậu nhánh, đa đa

b t b

CA DAO

Hoặc như :

Khổng trời đất, cò kim, kim cò

t b t

Mảnh hình hài, không có, có không

b t b

CAO-BÁ-QUÁT

Hoặc như :

Châu Nam Hải, thuyền chìm, sông Thúy Ái

Sóng Tiền Đường, cò áy, bến Ó Giang

TÂN ĐÀ

Dùng thể quân bình tam phân, thơ tám chữ trong Phong Trào Thơ Mới đã theo cái truyền thống âm thanh cổ hữu của dân tộc.

Điểm đặc sắc thứ nhất của thơ tám chữ là thay đổi số chữ trong các phần từ tiết điệu. Số chữ của ba phần từ tiết điệu ấy được bố trí như sau :

8 : 3 / 2 / 3

hoặc 8 : 3 / 3 / 2.

Cách bố trí bình trắc cho các phần từ tiết điệu vẫn theo như bảng trên.

Trường hợp được miễn luật ở chữ thứ ba trong câu thơ trắc cũng là một sự chước miễn đã được chấp nhận từ lâu.

Ví dụ ca dao :

Nước mắm ngon dầm con cá đối

Em hẹn cùng chàng đi tối em qua

(Miễn luật ở chữ ngon, đáng trắc đặt bình)

Ví dụ thơ mới :

*Mộng đêm sương buồn như nắng mới
Đề thời xưa rung chuyển với đêm thâu.*

(Miễn luật ở chữ sương, đáng trắc đặt bình)

Khi dùng thơ tám chữ của Phong Trào Thơ Mới, chúng ta có thể dùng lối thơ mà âm điệu căn cứ vào chữ thứ 3, thứ 5, thứ 8.

Ví dụ :

*Trống mõ điểm / trời sâu / tăm tối mãi
Và giòng sông / Dịch-Thủy / nặng nề trôi
Đưa trăng sì / lên đường / không trở lại
Lòng cô gia / đau đớn / hỏi bao người ?*

HUY THÔNG

Chúng ta lại cũng có thể dùng lối thơ mà âm điệu căn cứ vào chữ thứ 3, thứ 6, thứ 8.

Ví dụ :

*Cuối phương Tây / bóng hoàng hôn / tê tái
Càng nghe thêm / càng thấm thía / tình thương
Đất vua chúa / khói còn um / gạch ngói
Có về đi / đừng cười khóc / bên đường*

HOÀNG CẨM

Lại cũng có thể tùy ý phối hợp dùng 2 điệu thơ ấy, sự phối hợp được hoàn toàn tự do. Ví dụ :

*Ta chờ em / từ một thuở / xa vời
Sương thấm lạnh / trắng tà / đường viễn mộng*

Điểm đặc sắc thứ nhì của thơ tám chữ là thoát ly khỏi sự ràng buộc của yêu vận, chuyên dùng cước vận và cách sắp đặt cước vận lại theo lối gieo vần của Tây Phương, dùng 3 cách sắp đặt liên vận, cách vận, tỏa vận.

Liên vận dùng trong bài thơ trường thiên, câu thứ nhất và câu cuối cùng không cần có vần, còn thì cứ hai vần bình và hai vần trắc kế tiếp nhau cho đến hết bài.

Câu thứ nhất : miến có vần

Liên vận $\left\{ \begin{array}{l} b \\ b \\ t \\ t \end{array} \right.$

.

Câu cuối cùng : miến có vần.

Cách vận dùng trong một đoạn thơ 4 câu

Câu thứ nhất có vần với câu thứ ba, câu thứ hai có vần với câu thứ tư.

Cách vận $\left\{ \begin{array}{l} t \quad b \\ \downarrow \quad \downarrow \\ b \quad t \end{array} \right.$

Tỏa vận cũng dùng trong một đoạn thơ 4 câu

Câu thứ nhất và câu thứ tư có vần với nhau, câu thứ hai và câu thứ ba có vần với nhau. Hai vần của câu thứ hai, thứ ba bị hai vần của câu thứ nhất và câu thứ tư khóa lại, ôm lại

Tỏa vận $\left\{ \begin{array}{l} t \quad b \\ \downarrow \quad \downarrow \\ t \quad b \end{array} \right.$ hoặc $\left\{ \begin{array}{l} b \quad t \\ \downarrow \quad \downarrow \\ b \quad t \end{array} \right.$

Tôi đã tóm tắt Luật Thơ Mới trong một bài vận ngữ rất dễ ghi nhớ :

*Liên tiếp theo nhau trắc đến bình
Ba, năm rồi tám, số phân minh
Hoặc ba đến sáu chuyển sang tám
Thì mạch luân lưu tự ý mình.*

Câu trắc : trắc bình rồi đến trắc
 Câu bình : bình trắc lại sang bình
 Chữ ba đáng trắc thay bình được,
 Nhạc luật từ đây đã thuyết minh
 Cắt mạch nếu như phân đoạn nhị,
 Tứ ngôn thề cũ, hiện nguyên hình
 Quân bình, Nhạc luật, hai nguyên tắc,
 Chi phối nghề thơ : luật, vận, thanh !

Luật Thơ Mới được diễn chế, căn cứ trên 2 nguyên tắc quân bình, nhạc luật, theo đúng truyền thống quân bình tam phân cố hữu của thơ Việt, phát kiến 2 điểm đặc sắc ở thi mạch và cách gieo vần, âm thanh, vận luật có khuôn phép tề chỉnh.

Luật ấy là sự kết tinh những thành công của Phong Trào Thơ Mới, không phải do ý tôi đề xướng một cách võ đoán đâu. Người diễn chế hơi giống người tìm mỏ, mỏ có sẵn trong lòng đất, ai có thiện chí, chịu phí công thì người đó tìm ra.

Muốn hiểu tường tận vấn đề, xin xem sách Khảo luận Luật Thơ của Lam-Giang tái bản kỳ thứ ba.

ĐỀ LÀM TIÊU KẾT CHO 4 CHƯƠNG TRÊN

MỘT THỜI ĐẠI ... NHỮNG DANH TÀI

«Đời xưa có thể có những bậc kỳ tài, đời nay không sánh kịp. Đừng lấy một người so-sánh với một người. Hãy sánh thời-đại cùng thời-đại. Tôi quyết rằng trong lịch sử thi-ca Việt Nam chưa bao giờ có một thời-đại phong-phú như thời-đại này. Chưa bao giờ người ta thấy xuất-hiện cùng một lần một hồn thơ rộng mở như Thế-Lữ, mơ-màng như Lưu-Trọng-Lư, hùng-tráng như Huy-Thông, trong sáng như Nguyễn-Nhược-Pháp, ảo-nảo như Huy-Cận, quê-mùa như Nguyễn-Bính, kỳ-dị như Chế-Lan-Viên... và thiết-tha, rạo-rực, khẩn-khẩn như Xuân-Diệu».

Những lời nhận-xét này của Hoài-Thanh và Hoài-Chân viết từ năm 1941, gần 10 năm sau ngày Phong Trào Thơ Mới bột phát và thành công. Lưỡng Hoài điểm diện gần đủ mặt danh tài thời đó. Chỉ tiếc còn thiếu Thâm-Tâm trầm hùng và sâu-sắc, Hàn-Mặc-Tử siêu-thoát và ngệch-ngào, Vũ-Hoàng-Chương hào hoa và gồm nhiều sắc thái.



Người ta nao-nức muốn biết tiểu sử các thi-nhân. Nhà thơ đã sinh trường tại đâu, đã chịu ảnh-hưởng gì của núi sông, đã có phản-ứng gì trước thời đại, đã hấp thụ truyền thống giáo dục nào? Những chi tiết trọng đại đủ soi sáng sự cấu thành tài thơ và chất thơ, Lưỡng Hoài không hiểu vì lẽ gì mà đã quên tuốt đi hết. Đọc tiểu sử 40 nhà thơ trong Thi Nhân Việt-Nam, chúng ta có cảm tưởng Lưỡng Hoài làm công việc của Phòng căn cứ, ghi lại năm sinh tháng đẻ, nguyên quán, trú quán, viết giúp báo nào, năm nào, xuất bản tập thơ gì rồi chấm hết. Lời lẽ khô khan như bút lục của một điều tra viên.

Nhưng năm, tháng mà Lưỡng Hoài đã ghi, đa số đều không hẳn đúng lắm. Vì sao?

Ở Bắc-Kỳ và Trung-Kỳ, việc lập nhân thể bộ chậm hơn ở Nam-Kỳ. Đã thế, ảnh hưởng của Hán học cũng dai dẳng hơn. Năm 1915, bãi bỏ khoa thi cũ ở Bắc-Kỳ, 3 năm sau, năm 1918 đến lượt Trung-Kỳ. Tuy vậy, dân chúng vẫn trọng đạo Thánh hiền và vẫn cho con em đi học một ít chữ nho, trước khi học chữ quốc ngữ và chữ Pháp. Do cái việc học khai tâm bằng chữ nho mà đến khi theo cái học mới, vào lớp năm (cours enfantin) thì tuổi đã lớn nên phải khai sứt tuổi đi. Việc khai sứt tuổi rất dễ dàng, chỉ cần đưa cho ông Lý trưởng một vài đồng bạc là ông ta chứng nhận năm sinh theo ý muốn mình ngay !

Trừ những người con của các thầy « làm việc Nhà Nước », để ra là có lương nên các thầy lo lắng việc khai sinh ; còn đối với đại đa số dân chúng, việc khai sinh chỉ đem lại phiền nhiễu và tốn hao lễ vật. Khai mà làm quá gì ? Chứng nào có việc cần sẽ hay.

Tuy có sự sai biệt vài ba năm, nhưng đại thể thì số danh tài của Phong Trào Thơ Mới tính đến lúc tập thi tuyển « Thi Nhân Việt-Nam » ra đời, đều đương ở lứa tuổi trên hai mươi đến trên ba mươi cả.

Phong Trào Thơ Mới là sức kiến tạo của thế hệ thi sĩ Thanh-Niên thời Tiền Chiến.

Biết như thế là đủ rồi.

Tại sao trong Phong Trào Thơ Mới, sắc thái ái tình lắng mạn lại sâu đậm khác thường.

Ngay từ lúc mới khai sinh, Thơ Mới đã có một bài kiêu mẫu về đề tài ái tình, tình hận rồi. Đó là bài « Tình Già » của người thủ xướng: ông Phan-Khôi.

TÌNH GIÀ

Hai mươi bốn năm xưa, một đêm vừa gió lại vừa mưa,

Dưới ngọn đèn mờ, trong gian nhà nhỏ, hai cái đầu xanh, kề nhau than thở :

Ói đôi ta, tình thương nhau thì vẫn nặng, mà lấy nhau hẳn là khôngặng ;

Đề đến nỗi tình trước phụ tình sau, chỉ bằng sớm liệu mà buông nhau !

— Hay, nói mới bạc làm sao chớ ! Buông nhau làm sao nữa ?

Thương được chừng nào hay chừng nấy, chẳng qua ông Trời bắt đôi ta phải vậy !

Ta là nhân-ngãi, đâu phải vợ chồng mà tính việc thủy chung ?

Hai mươi bốn năm sau, tình cờ đất khách gặp nhau.

Đôi cái đầu đều bạc, nếu chẳng quen lung đố có nhìn ra được !

Ôn chuyện cũ mà thôi ! Liếc đưa nhau đi rồi, con mắt còn có đuôi !

PHAN KHÔI

Chẳng những làm kiểu-mẫu về vận luật buông lời, bài « Tình Già » còn mở lối nói chuyện ái-tình lãng-mạn nữa. Vị lão nho mà còn say chuyện tình thì lứa thanh niên hai mươi vào lúc xướng xuất Thơ Mới năm 1932 còn háng-hái si-mê đến thế nào nữa . . !

Cách mạng giải-phóng dân-tộc vừa mới bị thực dân nhận chìm trong sắt máu. Nhuệ khí thanh-niên chiến-đấu tiêu-tan ở pháp-trường Yên-Bái. Hoàn-cảnh xã-hội thuận-tiện cho thứ thơ-văn lãng-mạn ủy-mị phát sinh. Văn-chương lãng-mạn vừa biểu-thị sức sống của tâm-hồn thanh niên, vừa là một nguồn an-ủi.

Từ năm 1940 trở đi, những đề-tài về ái-tình mất dần tính-cách hấp dẫn lúc ban đầu và nhường chỗ cho những sắc-thái thơ-văn có liên quan xa gần ít nhiều với ý-thức quốc dân cách-mạng. « Văn-chương là phản ảnh của thời-đại ». Định lý này lại càng đúng với một nước có văn hiến mà đương bị mất chủ quyền.

Trong các nhà thơ mới hữu danh thuở đó, Thế-Lữ đáng gọi là tướng tiên-phong. Thế-Lữ có góp công vào việc đào-luyện âm-điệu để cấu-tạo thành điệu thơ tám chữ, một thành công vận luật của cuộc cách-mạng thi-ca. Lưu-Trọng-Lư tuy có diễn thuyết bênh vực Thơ mới, song chỉ dùng các điệu thơ ngũ ngôn, thất ngôn, lục bát, song thất lục bát mà thôi. Không thấy Lưu-Trọng-Lư dùng điệu thơ tám chữ. Lưu-Trọng-Lư không có một thời-kỳ nào thật thịnh thế, nhưng hồn thơ mơ-màng được một số người yêu-thích qua các giai-đoạn tiến triển của Phong-Trào. Huy-Thông nổi tiếng nhất vào năm 1936, 1937 sau khi các tập « Tiếng địch sông Ô », « Tần Ngọc » ra đời. Chế-Lan-Viên nổi danh vào cuối năm 1937 với tập « Điều Tàn ». Từ năm 1938 đến năm 1940 là thời kỳ có thể gọi là bá chủ thi đàn của Xuân-Diệu, Huy-Cận. Nhưng từ năm 1939, Nguyễn-Bính đã xuất hiện trên « Hà Nội Báo » và những bài thơ « Lỡ bước sang ngang » đã lôi-cuốn được cảm tình của một số lớn bạn yêu thơ. Năm 1940, Vũ-Hoàng-Chương với bài « Say đi em » cũng gây được kết quả tương-tự.

Uy-thế văn-hóa của nhóm Phong-Hóa — Ngày Nay lẫn át được nhóm Tiểu Thuyết Thứ Bảy, Phò thông bán nguyệt san của nhà xuất bản Tân-Dân. Có lẽ chính vì trường hợp này mà một nhà thơ trăm hùng, tế nhị như Thâm-Tâm lại không có thanh-thế lớn.

Những nhà thơ tự lập — nghĩa là biệt lập, không ở nhóm xuất bản Tân Dân cũng như không có chân trong Tự Lực Văn Đoàn — như Hàn Mặc-Tử, Nguyễn-Vỹ, Quách-Tấn v.v... phải khó-nhọc lắm mới chiếm được một chỗ ngồi chưa chắc đã xứng ý trên Tao Đàn.

.

Về sự kết giao của các nhà Thơ cho mạnh thanh-thế của môn phái, chúng ta nên lưu ý đến một điểm đặc biệt : Tuy cùng ở một văn đoàn nhưng quan điểm về thơ, chất thơ chưa chắc đã giống nhau. Đó là trường-hợp của Thế-Lữ và Xuân-Diệu, Huy-Cận trong Tự Lực Văn Đoàn.

Thế-Lữ biệt lập. Xuân-Diệu, Huy-Cận là đôi bạn thân. Tế-Hanh là môn đồ của Huy-Cận.

Chế-Lan-Viên, Hàn-Mặc-Tử, Quách-Tấn, Bích-Khê, Yến-Lan hợp thành một khối mà chất thơ rất khác biệt nhau. Hợp nhau thành một khối có lẽ do hoàn-cảnh địa-lý.

Chế-Lan-Viên tên thật là Phan-Ngọc-Hoan, tuy nguyên quán ở Hà-Tĩnh song sống nhiều năm ở Bình-Định. Vì vậy đã giao thân với Quách-Tấn, Hàn-Mặc-Tử, Yến-Lan. Bích Khê ở Thu-Xà (Quảng-Ngãi) nào có xa-xôi chi lắm.

Trong thời Tiền chiến, có những nhà thơ nổi danh vì một bản sắc như Xuân-Diệu, thi sĩ diễm tình; Chế-Lan-Viên, nhà thơ Chìm bi đát. Lại có những người nhiều bản sắc như Thế-Lữ, Vũ-Hoàng-Chương, hiện diện trong nhiều thứ thơ khác nhau.

Xin ghi lại sơ lược một vài chi-tiết về tiểu sử các nhà thơ, những chi-tiết có liên-quan đến thi nghiệp.

● Thế-Lữ.

Sinh năm Đinh Mùi (1907) ở Hà-Nội. Thuở nhỏ, theo gia-đình lên Lạng-Son. Có lẽ vì thế mà hình ảnh núi-non, những chuyện đường rừng rừng-rợn để lại dấu-vết rất nhiều trong thơ và tiểu-thuyết của Thế-Lữ. «Tiếng hú hồn của mụ Ké», «Vàng và máu» (tiểu thuyết), «Nhớ rừng» (thơ) v.v... đều nhuộm màu sơn lâm, ấn-tượng ghi sâu vào tâm hồn tác giả từ hồi thơ ấu, mặc dầu văn thơ ấy đều viết ở thị thành.

● Huy-Thông.

Sinh năm 1918 ở Hà-Nội, con nhà cự phú, có đủ điều kiện xuất dương du học, đoạt nhiều văn bằng đại học về văn-chương, sử địa. Trong thơ Huy-Thông phảng-phất vẻ hào-hoa của vương tôn công tử

và cái hùng khí của những trang tuấn-khiết thời xưa. Thơ « Anh hùng ca » của Huy-Thông xuất phát từ cái học sử địa và được lọc qua tâm tư lãng-mạn đa tình.

● Lưu-Trọng-Lư.

Sinh năm 1912 ở tỉnh Quảng-Bình. Chưa học hết 4 năm trung học đã lìa bỏ nhà trường để viết văn, viết báo. Ua cuộc sống lang-thang, phóng-dãng. Lúc ở Huế, khoảng năm 39, 40, Lưu-Trọng-Lư sống nhờ Hoài-Thanh và Đoàn-Phú-Tứ.

Tác phong nghệ sĩ giang hồ ấy đã để lại trong thơ văn Lưu-Trọng-Lư nhiều dấu vết không hay. Lưu-Trọng-Lư lười biếng, buông lơi vận luật, chứ không phải cố ý vượt bỏ lề-lối cũ đâu.

● Chế-Lan-Viên.

(Xem bài Thuyết minh về nguồn gốc cảm hứng tập thơ « Điều-Tàn »...) Năm nay, Chế-Lan-Viên vào khoảng 42, 43 tuổi.

● Xuân - Diệu.

Con cụ tú Ngô-Xuân-Thọ, giáo sư Hán văn trường Collège Qui-Nhon. Lại một điều là Xuân-Diệu không chịu một chút ảnh-hưởng Đường thi, Hán văn nào trong thơ mình cả. Vốn là người huyện Can-Lộc, tỉnh Hà-Tĩnh, Xuân-Diệu có bạn tâm giao đồng hương là Huy-Cận.

Đã có lần Xuân-Diệu làm tham sự nhà Đoan ở Mỹ Tho, vì mèo-mỡ lung-tung và ăn hối-lộ nên bị Pháp sa thải. Đó là sự thực, chứ không phải là lời bịa-đặt nói xấu đâu.

Bổng đứng thi sĩ hóa Tây Đoan,

Nửa mặt nhà thơ, nửa mặt quan ..

Những câu xướng họa trong buổi tiệc tiễn-đưa do Tự Lực Văn Đoàn tổ chức, chứng tỏ Xuân-Diệu rất thích địa-vị quan tham Thương Chánh của mình. Không phải vì tư-tưởng chống thực dân mà Xuân-Diệu ca khúc « Qui khứ lai từ » vậy.

Việc xướng-họa khoe công danh này làm cho một số văn nghệ sĩ bất bình. Họ lên tiếng chế nhạo, loan tin nhà văn này đi Lào buôn gạc nai, nhà thơ kia được thưởng cửu phẩm v.v...

Hiện nay Xuân-Diệu cũng gần 50 tuổi rồi. (Theo Lữ Ông Hoài thì Xuân-Diệu sinh vào ngày 2-2-1917. Con số mừng hai tháng hai, mừng ba tháng ba, mừng bốn tháng tư, mừng chín tháng chín v.v... chỉ là những con số xảo-thuật, bịa đặt của một số người thời Pháp thuộc để dễ nhớ ngày sinh tháng đẻ).

● Cù Huy Cận.

Trẻ hơn Xuân-Diệu vài tuổi, sinh ở Hà-Tĩnh, huyện Hương-Sơn. Đây là một huyện có nhiều tay khoa giáp lớn.

Huy-Cận theo học trường Cao-Đẳng Nông-Lâm. Năm 1945, khi Việt-Minh cướp chính quyền, trong danh-sách Chính Phủ lâm thời ở Hà-Nội có ghi tên Cù-Huy-Cận, bộ trưởng không giữ bộ nào.

Hoạt-động văn hóa nói chung và sự nghiệp thi-sĩ của Huy-Cận chấm dứt từ đó.

● Nguyễn-Nhượng-Pháp (1914 — 1938).

Con trai văn hào Nguyễn-văn-Vinh. Lúc được 21 tuổi, đã xuất bản tập « Ngày xưa », tập thơ ghi lại những nếp sống nhiều màu sắc linh động, nên thơ của Việt-Nam ngày trước. Mất vào lúc hoa-niên đương hứa-hẹn một sự nghiệp văn chương phong phú.

● Nguyễn-Bính.

Sinh năm 1919 ở làng Thiện-Vĩnh, huyện Vụ-Bản, tỉnh Nam-Định (ghi theo Lữ Ông Hoài).

Tự học ở nhà. Bắt đầu được thiên hạ chú ý từ năm 1939 vì những bài thơ trữ tình trên Tiểu thuyết thứ năm. Nguyễn-Bính là nhà thơ mà đại chúng biết tên nhiều nhất.

Trong thời-kỳ chiến tranh Đông-Dương, Nguyễn-Bính lưu-lạc ở phương Nam, sáng-tác nhiều bài thơ xót-xa vì thời cuộc. Sau ra Bắc và tham-gia vào nhóm Nhân văn — Giải-phàm, chống lại bọn văn nô của đảng Cộng-Sản, nên bị đưa đi tẩy não (ở tù và phải học tập đường lối, chính-sách của Đảng Lao Động — Cộng-Sản trá hình). Tẩy não là một hình thức ở tù vô thời hạn, bao giờ Đảng Cộng-Sản cho rằng người ấy đã « giác-ngộ » thì mới được tha về !

● Thâm-Tâm (1917 — 1947).

Tên thật là Nguyễn-Tuấn-Trình, một nhà thơ trầm hùng, phong-thái ít thấy trong trào lưu văn-chương lãng-mạn đương thời.

Thâm-Tâm có ước-vọng làm nên công-nghiệp gì to tát, nhưng tiếc thay chí lớn đã bị chôn vùi trong những năm khói-lửa, ở chiến-khu Việt-Bắc mất rồi.

Những danh dài vừa ghi tiểu sử là do Lưỡng Hoài công-nhận về xuất sắc hơn đời. Cái tên Thâm-Tâm là do ý Lam-Giang thêm vào.

Đáng lẽ phải nghiên-cứu ảnh-hưởng của thân-thế, thời đại đối với thi-nghiệp từng người ngay trong tập này, nhưng vì chúng tôi có ước-vọng làm việc này chu-đáo, tường-tận hơn trong một tập sách khác, nên ở đây, chúng tôi chỉ ghi-chép sơ lược một vài chi-tiết quan-trọng về các thi sĩ Tiền chiến khác.

● Jean Leiba.

Tên thật là Lê-văn-Bái, một thi sĩ không Hán văn, chịu ảnh hưởng thơ Đường, lời thơ dài-các, điêu-luyện. Mất vào khoảng ngoài ba mươi tuổi, trước năm 1945.

● Thái-Can

Thi sĩ kiêm bác sĩ, đã được báo « Văn học 1935 » khen là đứa con cưng của Lý-Bạch. Kỳ thực, « nhân bất phong sương vị lão tài », cuộc đời sung-sướng, bình-thản chỉ cho phép thi sĩ gọt dũa những vần thơ điểm-lệ, phong lưu mà thôi. Hiện sống ở Miền Nam, năm nay vào khoảng trên năm mươi tuổi.

- **Nam-Trân.**

Quê ở Quảng-Nam, làm tham-tá tòa Khâm sứ Huế, sau làm Thị Lang bộ Lại, rồi làm án sát tỉnh Bình-Định. Vì sống ở Huế lâu ngày nên làm thơ chuyên tả cảnh Huế đẹp. Thuộc thế-hệ trên năm mươi. Tên thật là Nguyễn-Học-Sĩ. Hiện tập-kết ở Miền Bắc.

- **Quách-Tấn.**

Thi sĩ Bình-Định, quê ở huyện Bình-Khê, huyện mà Mai-Xuân-Thường dùng làm căn-cứ địa chống Pháp. Có lẽ phong thái trung-kiên với cổ điển là một trạng-thái biến của truyền-thống trung kiên với dân-tộc mà thi sĩ đã chịu ảnh-hưởng sâu-đậm của các chí sĩ địa phương. Thuộc thế-hệ trên năm mươi. Sáng-tác chậm, ung-dung, nhàn-nhã.

- **Hàn-Mặc-Tử.**

Tên thật là Nguyễn-Trọng-Trí, nguyên quán ở Quảng-Bình, sống nhiều năm ở Qui-Nhơn, thực sự nổi danh vì thơ hướng về Công giáo, phô-diễn nỗi-niềm nhân-thế đau-đớn, xót-xa, tin-tưởng vào sự giải-thoát và hạnh-phúc vô biên ở Thiên giới. Mất năm 1940 ở bệnh viện phung Qui-Hòa, lúc gần được 30 tuổi.

- **Bích-Khê.**

Ở trong nhóm Hàn-Mặc-Tử — trường thơ Loạn — là một thi-sĩ ở Vạn Thu-Xà, tỉnh Quảng-Ngãi, vương bệnh lao và mất sau ngày Việt-Minh cướp chính quyền. Tên thật của thi-sĩ là Lê-Quang-Lương.

- **Nguyễn-Đình-Thư.**

Thi sĩ Thừa-Thiên, có tập «Hương màu» chưa xuất bản, chỉ được trích đăng ít bài trong tập «Thi nhân Việt-Nam». Mất trong những năm khóm lửa ở Huế vì không chịu nhận lại việc làm thơ-ký ngày trước. Lúc bị sát hại, thi sĩ mới vào khoảng 30 tuổi.

- **Phạm-Hầu.**

Thi-sĩ Quảng-Nam, con quan thượng thư Phạm-Liệu, một bậc túc nho ở Quảng-Nam. Tính Phạm Hầu điềm-đạm, trầm mặc. Lời thơ đẹp duyên kín đáo, tha thiết chân tình. Mất vào khoảng năm 1944.

Đáng tiếc, từ Jean Leiba đến Phạm-Hầu, tính ra đã có đến 6 thi sĩ yêu vong vào lúc thi tài còn nhiều hứa-hẹn.

Những người khác như Vũ-Đình-Liên, Phan-khắc-Khoan, Bằng-Bá Lân đều có công trạng ít nhiều với Thơ Mới và đều có lòng yêu-mến cảnh Việt, hồn Việt. Riêng Phan-khắc-Khoan, người Nghệ-An, đôi khi có được cảm-hứng cách-mạng chiến-đấu. Thanh-Nghệ-Tĩnh là căn-cứ chống Pháp kịch-liệt nhất và dai-dẳng nhất trong lịch-sử Việt-Nam.

Về phía nữ thi-sĩ, riêng Anh Thơ — tên thật là Vương-kiều-An — có bản sắc riêng-biệt, sở trường về lối hiện-thực. Năm 1939, năm được giải thưởng khuyến-khích về Thơ của Tự-Lực Văn Đoàn, Anh-Thơ mới 20 tuổi.

Đáng tiếc là trong tập « Thi nhân Việt-Nam » vì xem nhẹ cảm-hứng văn-chương cách-mạng, Lương Hoài đã bỏ sót một nữ sĩ tài hoa: Ngân Giang Đỗ-Thị-Quế (Xem bài « Xuân mong đợi » trong tập này).

Trong số thi-sĩ đã có tên tuổi từ thời Tiền-Chiến ở Miền Nam có Vũ-Hoàng-Chương và Nguyễn-Vỹ là đương tận-tụy nhất với văn-học. Cả hai đều thuộc thế-hệ trên năm mươi. Vũ-Hoàng-Chương có phong-thái nho gia, giỏi Hán văn, thi tài dồi dào, đi từ ái-tình lãng-mạn đến hùng khí chiến-đấu và trầm tư triết-lý. Nguyễn-Vỹ học rộng, biết nhiều, đương tái lập Thi Đàn Bạch-Nga, được một số thanh-niên hiện-đại hưởng ứng.

Trong thời gian gần 15 năm, Phong-Trào Thơ Mới có thể chia làm 3 giai-đoạn.

Giai-đoạn I. 1932 — 1935. Thời kỳ phôi thai, tranh-giành quyền sống Công-tác khai sơn phá thạch: Thế-Lữ, Huy-Thông, Lưu-Trọng-Lư, Nguyễn-Nhược-Pháp, Thái-Can. Ba người sau này không góp phần vào việc rèn luyện câu thơ 8 chữ, chỉ giải-tỏa thi-tứ khỏi n'êm-luật gò bó của lối thất ngôn bát cú mà thôi.

Giai-đoạn II. 1936 — 1940. Uy-thể của Thế-Lữ bắt đầu suy. Đây là thời kỳ toàn thịnh của thi-ca ái tình lãng-mạn. Ảnh-hưởng của nó mạnh đến nỗi trong các thiên anh hùng ca, Huy-Thông cũng nghiêng về tâm-tư lãng-mạn (tình của Hạng-Võ với Ngu-Cơ, tình của Lê-Hoàn với Dương-Hậu v.v...) Chế-Lan-Viên cũng có mối tình bi-đát với Chiêm nương, cô gái của nước Chiêm-Thành vong diệt.

1936 — 1937. Anh hùng ca, thơ vong quốc trộn lẫn với ái tình. Thi-ca về ái-tình đã xuất hiện nhiều lắm.

1938 — 1940. Ái tình bỗng-bột kiểu Tây-Phương của Xuân-Diệu. Huy-Cận nghiêng về thơ trầm tư triết lý.

Giai-đoạn III. 1941 — 1945. Các sắc thái thi-ca có liên quan đến tư-tưởng quốc dân cách-mạng đã xuất hiện và được bạn yêu thơ ưa thích. Thi-ca ái tình lãng-mạn kiểu Xuân-Diệu bắt đầu suy, suy chứ chưa tàn. Đồng thời, ái-tình thâm lặng, kín-đáo, phong-độ Á-Đông trong thơ Vũ-Hoàng-Chương, Phạm-Hầu được hoan-nghinh.

Những bài thơ có cảm-hứng cách-mạng rõ-ràng như « Tổng biệt hành » của Thâm-Tâm, « Tương biệt dạ » của Huyền-Kiều hé mở một lãnh-vực tâm tình mới. Khuynh-hướng quốc dân cách-mạng càng ngày càng trưởng thành. Sóng gió bên ngoài, tình hình trong nước không cho phép thi-nhân chỉ biết có ái-tình. Từ năm 1944 trở đi, ý-thức dân-tộc mà thực dân Pháp cố đè-nén, bây giờ đã phát triển mạnh-mẽ. Trong thời-kỳ này, Hoàng-Cầm tỏ ra một thi sĩ xuất sắc.

Ảnh hưởng của nhóm Huy-Xuân tàn-tạ. Những nhà thơ mới của giai-đoạn I (1932-1935) cũng mất hết thanh-thể rồi.

Một chu-kỳ văn học đã cáo chung.

Tuy chia làm ba giai-đoạn, song trong giai-đoạn mà cái này thịnh thì cái kia đã khai sinh, cái kia phát-thịnh thế cho cái trước thì cái trước vẫn còn những năm dư sinh rồi mới chịu tàn lụn.

Không nên lấy con số năm tháng làm một giới-hạn tôn-nghiêm.

Chúng ta có thể tóm-tắt sự tiến triển, biến dịch của Phong Trào Thơ Mới như sau : (Xem bảng Tóm-tắt, trang 183)

| Cảm hứng ái tình lãng mạn | | Sắc thái đặc biệt | Giòng tương giao | Cảm hứng liên quan đến dân tộc cách mạng |
|------------------------------|--|--|--|--|
| 1932 — 1935 | Thế-Lữ Huy-Thông Lưu-Trọng-Lư Thái-Can | | → | |
| | | | ← | |
| 1936 — 1940 | <ul style="list-style-type: none"> ● Xuân-Diệu ● Huy-Cận Hàn-Mặc-Tử Bích Khê Nguyễn-Bính Vũ-Hoàng-Chương | Quách-Tấn (cổ điển) Huy-Cận (trăm-tư) ● Hàn-Mặc-Tử (tôn-giáo) | <ul style="list-style-type: none"> ● Huy-Thông ● Chế - Lan - Viên ● Nguyễn-Vỹ Vũ-Đình-Liên Nam-Trân Anh Thơ Bàng-Bá-Lân | |
| 1941 — 1945 | <ul style="list-style-type: none"> ● Vũ-Hoàng-Chương ● Nguyễn-Bính Phạm-Hầu Xuân-Sanh (thơ bí hiểm) | Thâm Tâm ● Trần-Huyền-Trân Phan-Khắc-Khoan Huyền-Kiều Bàng-Bá-Lân Hoàng-Cầm ● | | |
| Cảm hứng ái tình lãng mạn | | Cảm hứng liên quan đến dân tộc cách mạng | | |

Chương V

HỒN THƠ TRONG KHÓI LỬA

- Chín năm khói lửa 1945 — 1954
- Thơ chiến đấu
- Thơ biệt lập bi thương
- Thơ chống Cộng Đảng trị — Độc tài
- Hồn thơ cách-mạng từ ngày quốc si 20.7.1954

CHÍN NĂM KHÓI LỬA 1945 — 1954

Mùa đông năm 1940. Trên đất nước Việt-Nam có hai sự việc quan trọng :

29-10-40 : Phan-bội-Châu qua đời ở Bến-Ngự Huế sau 15 năm bị an-trí tại đây.

26-12-40 : Tổng Tư Lệnh Phục-Quốc quân là Trần-Trung-Lập bị quân Pháp bao vây rất ngặt, đã tử chiến ở Lộc-Bình châu.

Trước giờ lâm chung, cụ Phan có làm câu đối vừa nói lên tâm sự của mình, vừa nhận định tình hình quốc-tế và quốc-nội.

*Sinh bất năng trừ thiên hạ loạn, tử bất năng tuyệt ý trung cừ,
trường hận mang mang, Lam-Thủy Hồng-Sơn thiên cò tại !*

*Tiền đồ thử hỉ cuộc phương trượng, hậu đồ thử vũ đài sơ khởi,
bức nhân đột đột, Âu phong Á vũ bát phương lai.*

Có người dịch như sau :

Sống đã không trừ xong giặc nước,

Chết dễ gì quên được mối thù.

Căm hờn lưu lại ngàn thu,

Hồng-Sơn, Lam-Thủy mặc dù không phai.

Òi mặt trước là nơi du hí

Mà mặt sau chuẩn bị đánh nhau

Đợi cho gió Á, mưa Âu,

Tám phương dồn lại một màu chiến tranh.

Cụ Phan thấy rõ cuộc diện nước sẽ gặp những biến chuyển vô cùng nghiêm trọng, cho nên trong một bài thơ tuyệt mệnh, đáp lại những thơ văn sinh văn — điều tể vào lúc còn sống — Cụ đã dồn hết tinh lực vào một câu :

Chúc phượng hậu tử tiến mau !

Không tiến mau thì bỏ lỡ thời cơ, ai đoán trước được những nguy hại sẽ xảy ra cho tiền đồ dân tộc ? Bài thơ tuyệt mệnh khẩu chiếm ấy, nguyên văn như sau :

*Mạc sâu tiền lộ vô tri kỷ,
 Thiên hạ thù nhân bất thức quân
 Bảy mươi tư tuổi trót phong trần,
 Nay được bạn mới tinh thần hoạt hiện.
 Những ước anh em đầy bốn biển,
 Ai ngờ trắng gió nhốt ba gian.
 Sống xác thừa mà chết cũng thân tàn,
 Câu tâm sự gửi chim ngàn cá biển,
 Mừng được đọc bài thơ sinh văn,
 Chữ đá vàng ghi mấy đoạn tâm can.
 Tiếc mình nay sức mỏng trí thêm khan
 Lấy gì đáp khúc đàn tri kỷ ?
 Dương dương hồ ! Chỉ tại lưu thủy,
 Nga nga hồ ! Chỉ tại cao sơn.
 Đờn Bá-Nha mấy kẻ thưởng âm,
 Bỗng nghe qua khóc trộm lại thương thầm,
 Chung-Kỳ chết, ném cầm không gảy nữa,
 Nay đang lúc tử thần chờ trước cửa,
 Có đôi lời ghi nhủ về sau :
Chúc phượng hậu tử tiến mau !*

Quả nhiên, năm 1945, đất nước Việt-Nam chuyển-mình vì những biến cố dồn dập xảy đến.

9-3-1945. Cơ-nghiệp thống-trị của thực-dân xây dựng từ năm 1962 sụp đổ sau một đêm giao chiến với quân đội Phù-Tang.

Một giai-đoạn rắc-rối, phân-vân xáo-trộn..

Nội các trí-thức Trần-Trọng-Kim đã không làm tròn nhiệm-vụ lịch-sử. Việc trừng thanh quan lại không đem lại ích-lợi thực-tế gì đáng kể. Bỏ tù, cách chức một vài viên quan tham-nhũng không phải là một biện-pháp cứu nguy thích ứng với thời-cuộc. Nhân-dân Việt-Nam khao-khát một cuộc cách-mạng thật sự chứ không bằng lòng những sự cải-cách nửa vời. Đã đành là người Nhật không thật tâm nhưng tại sao mình có sách-lược tự cứu mình mà chỉ mong chờ người cứu giúp ? Nội các Trần-Trọng-Kim đã không cảm-thông được niềm phẫn-khởi của dân-tộc, chung sức với nhân-dân làm một cuộc cách-mạng toàn diện thì phải sụp-đổ dưới gió lốc mưa cuồng. Phong-kiến xưa nay sống nhờ thực dân, thực dân Pháp bị quân-phiệt Nhật xô đổ, quân-phiệt Nhật bị Đồng-Minh đánh tan, cơ-hội tranh-thủ độc lập thật sự này đáng gọi là ngàn năm một thuở ...

Cơ-hội trời cho ! Cờ-ngũ có câu :

*Trời cho chẳng lấy,
Sẽ mang lỗi đấy !
Thời đến chẳng hay,
Sẽ bị vạ lây.*

Tư đức thanh-khiết và phong-thái đạt nhân của cụ Trần-Trọng Kim trong thời-cơ sinh-tử, an nguy, đã không chuyển nguy thành an, thừa cơ chiến-thắng được.

Rồi Việt-Minh nương theo dân-tâm phẫn-nộ mà tiến lên. Các đảng-phái quốc-gia như Việt-Nam Cách-Mạng Đồng-Minh, Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng lại sa vào cái thế tranh hùng chậm bước: Tranh hùng mà chậm bước cũng như giao chiến mà quân địch chiếm hết địa lợi rồi. Đã mất địa lợi thì chỉ có cách xung phong quyết tử, hỗn chiến một trận để tìm sinh lộ. Rụt-rè, do-dự, sợ mang tiếng gây cảnh nổi

đa xáo thật với lịch sử, rớt cuộc lại sa vào cái thế « chỉ cầu khỏi tội, không cầu có công ». Tội thì khỏi, nhưng còn công ? Giả-tỷ những người lãnh đạo xuống tuyến đài thì báo cáo về chính sự như thế nào với hương hồn các liệt-sĩ quá cố ?

19-12-1946 : Cuộc chiến-tranh toàn quốc bùng nổ. Những người quốc-gia chân-chính bị kẹt giữa hai gọng kìm đều đáng sợ như nhau. Theo tàn quân thực dân và tàn quân phong-kiến để đánh Cộng-Sản ư ? Khác gì giúp hai beo đánh một cọp. Theo Việt-Minh để chống với Phong-Thực liên minh chẳng ? Biết chắc-chắn thế nào Cộng-Sản cũng dành trọn chiến lợi phẩm. Mà chiến lợi phẩm này lại quan hệ đến vận-mệnh và tương-lai dân tộc chứ nào phải chỉ dính-lưu đến quyền lợi riêng biệt của bản thân mình ! Chao ôi ! Khó nghĩ.

Thời thế cũng không cho phép những người biết suy nghĩ ấy nằm yên. Ở vùng Phong-Thực mà giữ thái độ bất hợp tác thì có thể đi nằm nhà pha. Ở vùng Việt-Minh mà không tham gia kháng chiến thì rất dễ bị bịt mắt đem đi biệt tích. Thời cuộc không cho phép ai được tọa thị bàng quan. Xét theo lẽ tương-đối, ở vùng Phong-Thực còn có thể trùm chấn, ngâm thơ lãng mạn, chứ ở vùng Việt-Minh thì phải gào thét ủng hộ kháng chiến quân. Nghĩa là ở vùng Phong-Thực còn có chút tự do... tự do tìm thú vui trụy lạc và vùi đầu vào hố vắ chương dâm loạn. Nếu không như thế thì kín đáo trùm chấn xếp bút nghiên cho rảnh nợ. Trùm chấn làm thơ lãng-mạn hay chùm chấn giải nghệ, người có tâm-huyết tự biết mình vô dụng mà lại vô dụng vào chính lúc mình muốn phụng sự đại nghĩa dân-tộc thì đau-xót biết bao nhiêu !

Rốt cuộc rồi phải dùng đến mặt kẻ giai-đoạn. Có những người tạm giúp Việt-Minh lãnh-đạo cuộc kháng chiến, mong cho kháng chiến thành công rồi sẽ hày. Có người tạm giúp Phong-Thực đánh dẹp Cộng-Sản rồi sau

sẽ tính. Gọng kìm sắt Cộng-Sản đã kẹp chặt người hợp-tác và người hợp-tác muốn vùng-vẫy thoát ly thì chỉ có con đường vào hỏa ngục đỏ, hay về địa ngục đen của Diêm-Vương. Phong-Thực dùng bơ sữa câu người, lâu ngày rồi tâm huyết lúc ban đầu nguội lạnh, người hợp-tác giai-đoạn tự biến thành gia nô vĩnh-viễn.

Uổng phí nhân tài biết bao-nhiều. Đó là không kể những kẻ bạc mạng bỏ mình trong chín, mười năm hỗn chiến.

Hơn lúc nào hết, trong giai-đoạn loạn-ly này, văn-chương phản ánh thời-đại rất trung-thực. Thơ Việt Nam có thể chia làm 3 loại :

— Thơ chiến đấu, bộc lộ cái hùng-khí tranh thủ độc lập, tự do của dân tộc chống thực dân xâm-lược.

Đến khi Việt-Minh phản-bội dân-tộc, bộc lộ cái chân tướng độc tài đảng trị, thì văn phong chống đối hướng vào Việt-Cộng, tay sai của đế quốc Trung-Cộng, Nga-Sô. Rồi đến khi phong-kiến Ngô triều phục hưng ở Miền Nam thì công cuộc chiến đấu phải hướng vào bọn tham quan ô lại, bọn đầu cơ chính-trị, bọn người đánh đổi xương máu của chúng tộc lấy một ít bơ thừa sữa cặn của ngoại bang. Đối tượng của thơ văn chiến đấu là Thực dân, Phong kiến, Cộng-sản và những biến tướng của ba loài ác tặc này.

— Thơ biệt lập bi thương. Đặc tính là không nở thò ơ với những nỗi niềm đau khổ của dân tộc, nhưng cũng không dám tham gia vào hàng ngũ những người quốc dân cách mạng, nên những nhà thơ có khuynh hướng này chỉ còn có một cách là ôm hận thở dài. Đáng thương hại hơn nữa là họ không tìm được nguồn an ủi trong cảm hứng yêu đương lãng mạn như đa số thi nhân Tiền chiến.

— Thơ lãng mạn với một số từ ngữ mới, phản ánh những tâm trạng phức tạp mới.

Ba khuynh-hướng này thành hình trong thời gian khởi lửa và hiện còn phát triển trong thực trạng bi đát của dân tộc hiện giờ.

Cường quyền ai ép đời sống núi ?

Sự cắt xé vô lý ở vĩ-tuyến 17 làm cho cuộc diện Việt-Nam thêm rắc rối, đến nỗi những danh tài chính trị thế giới xông vào gỡ rối thì rốt cuộc lại làm cho cuộc chiến tranh thảm khốc trên đất nước khốn khổ này trở thành nan giải thêm lên.

Tiếng lòng của dân tộc vang lên khi phẫn nộ, khi khắc khoải sầu thương, bên cạnh những chuỗi cười dâm loạn, những lời tình tự điên cuồng, những tiếng khóc nghẹn ngào, uất ức...

Thơ hậu chiến phức tạp, khó phân tích hơn thơ Tiền chiến, số người bước vào Thi đàn cũng nhiều hơn. Chưa thấy hình ảnh nào nổi bật.



THƠ CHIẾN-ĐẤU

Một tỷ-dụ để biện-minh :

Vào thời Tam-Quốc, lúc cha con Tư-Mã-Ý gây cuộc đảo chính, giết Tào-Sảng, uy-hiếp vua nhà Bắc Ngụy, tông-tộc của nhà Ngụy là Hạ-Hầu-Bá ⁽¹⁾ chạy vào Tây-Thục, đầu hàng Khương-Duy, cùng nhau hết sức mưu tính việc Bắc phạt. Bắc phạt tức là phạt Ngụy. Hạ-Hầu-Bá phạt Ngụy làm chi ?

Cả hai người đều mong ước việc Bắc phạt thành công. Khương-Duy và Hạ-Hầu-Bá hợp lực về việc làm rất chặt chẽ. Nhưng sự đồng mà chí bất đồng.

Khương-Duy phạt Ngụy mong được toàn thắng là muốn kế chí Gia-Cát-Lượng, nhất thống cõi Trung-Nguyên, không phù nhà Thục Hán.

Hạ-Hầu-Bá phạt Ngụy mong được toàn thắng để giết hết giòng họ Tư-Mã-Ý, báo thù cho Tào-Sảng, và không phù nhà Bắc Ngụy đương bị họ Tư Mã lấn le cướp mất ngôi.

Đồng minh giai đoạn là như thế.

Giả tỷ việc Bắc phạt thành công thì Khương-Duy và Hạ-Hầu-Bá biến thành hai kẻ tử thù, một còn một mất chứ không thể sống chung với nhau được.

1945 — 1954.

Những kẻ sĩ có tâm-huyết, có chí-hướng quốc-dân cách-mạng tạm giúp Việt-Minh đánh thực dân Pháp. Xong việc rồi, những kẻ sĩ ấy lại là những người chống Cộng kịch liệt hơn ai. Vì vậy mà năm 1956, ở miền Bắc có vụ án Nhân văn — Giai phẩm. Một Hạ-Hầu-Bá lão thành là Phan-Khôi chết trong sự đối lạnh. Một Hạ-Hầu-Bá thanh-

(1) Thủy tổ nhà Ngụy là Ngụy-Võ-Đế tức Tào-Tháo. Tháo vốn họ Hạ Hầu, sau mới đổi họ theo cha nuôi thành họ Tào.

niên có văn tài khác là Hoàng-Cầm thì không biết đang gặm một khối căm hờn trong ngực thất thâm-u nào. Và rất nhiều Ha-Hầu-Bá khác nữa.

Ngộ-nhận tình-cảnh của những chiến-sĩ ấy tức là vô-tình với những người có nhiệt huyết và chịu khổ-hận nhiều nhất vì Tờ Quốc Việt-Nam.

Thơ chiến-đấu của họ trước kia, đã biểu dương được tinh thần anh-dũng bất khuất của dân-tộc. Cảm hứng chân thành ái quốc thấm nhuần từng chữ, từng câu. Bọn cán-bộ Việt-Cộng tình-cảm nguy trá, không có bao giờ hiểu thấu giá-trị những áng thơ kiệt tác ấy.

TÂY TIẾN

*Doanh trại bừng lên khúc nhạc ca ;
Kìa em xiêm áo tự bao giờ ?
Khèn lên man điệu nàng e ấp,
Nhạc về Vientiane xây hồn thơ.*

*Ai đi Châu-Mộc chiều sương ăy
Có thấy hồn lan nẻo bến bờ ?
Có nhớ dáng người trên độc mộc,
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa ?*

*Sông Mã xa rồi, Tây-Tiến ơi !
Nhớ về rừng núi, nhớ chơi vơi,
Sài-Khao sương lấp đoàn quân mỏi
Mường-Lát hoa về trong đêm hơi*

*Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm,
Heo hút cồn mây súng ngửi trời !
Nghìn thước lên cao, nghìn thước xuống
Nhà ai Pha-Luông mưa xa khơi.*

Anh bạn gái đầu không bước nữa
 Gục lên mũi súng bỏ quên đời
 Chiều chiều oai linh thác gầm thét
 Đêm đêm Mường-Hịch cọp trêu người !

Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói,
 Mai-Châu mùa em xôi nếp thơn !
 Tây Tiến đoàn quân không mọc tóc,
 Quán xanh màu lá dữ oai hùm !

Mất trùng gửi mộng qua biên giới
 Đêm mơ Hà-Nội dáng kiều thanh
 Rải rác biên cương mồ viễn xứ
 Chiến trường đi chẳng tiếc ngày xanh.
 Áo bào thay chiếu anh về đất
 Sông Mã gầm lên khúc độc hành.

Tây Tiến người đi không hẹn ước
 Đường lên thăm thẳm một chia phôi
 Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy
 Hồn về Sầm-Nứa chẳng về xuôi

QUANG DŨNG

Muốn tác chiến phải chiếm địa lợi. Trường-Sơn là xương sống của Việt-Nam, trường-thành thiên-nhiên của Trung-Việt. Bảo-vệ Trấn-Ninh, Sầm-Nứa tức là ngăn thực dân Pháp đánh vào phía sau lưng 2 tỉnh Thanh-Hóa, Nghệ-An trong khi hải quân chúng có thể đổ bộ lên bờ biển Đông-Hải, thực-hiện cái thế lưỡng hạ giáp công, dồn ép quân Việt vào giữa. Vì thế, không ngại ma thiêng nước độc, đem thân vào nơi lam chướng xa-xôi, đoàn quân Tây Tiến quyết tâm, bảo-vệ Trường-Sơn để cho trung châu khỏi bị uy hiếp. Phải hy sinh xương máu,

*Rải rác biên cương mờ viễn xứ,
Chiến trường đi chẳng tiếc ngày xanh.*

Gian khổ rất nhiều cho những người sống sót. Những người khác đã không ngần ngại bỏ tất cả những lạc thú thơ mộng của tuổi hoa-niên để làm tròn nhiệm-vụ. Lời thơ trầm hùng, ý thơ khẳng-khái, phi người xông-phá sương gió và có tâm-hồn cao-quí biết rung động vì đại nghĩa thì không thể viết thành.

Thế mà bọn văn nô dìm đi đề bắt lỗi tai của thiên-hạ phải khổ v những bài thơ đại chúng như thế này :

*Các búp, các búp, xèo !
Ba thằng giặc Pháp bắt heo, bắt gà.
Các búp, các búp, xòa !
Ba thằng giặc Pháp bắt gà, bắt heo.*

hoặc như bài « Phá đường » của Tố-Hữu.

*Rét Thái-Nguyên rét về Yên-Thế,
Gió qua rừng Đèo-Khê gió sang.
Em là con gái Bắc-Giang,
Rét thì mặc rét việc nước làng em lo.
Nhà em phơi lúa chưa khô,
Ngô chưa vào bờ, sản thái chưa xong
Nhà em con bế, con bằng,
Em cũng theo chồng đi phá đường quan.*

Năm 1951, Việt-Cộng cấm phổ biến bài Tây Tiến trong quân đội và dân chúng ; vì theo sự nhận-xét của bọn lý thuyết gia nô, bài thơ mang nhiều tính chất tiểu-tư-sản. Ai lại đi chiến-đấu mà còn

« Mơ về Hà-Nội dáng kiều thanh »

bao giờ ? Người lính vô sản không có quyền mơ ! chỉ có quyền làm gỗ đá mà thôi.

Tội nghiệp cho Quang-Dũng ! Thốt nhiên, tặc giận Quang-Dũng vô cùng. Giận về tội bất trí. Dem đòn đi gậy tai trâu, rồi bị trâu báng cho đồ ruột lõi phèo thì đó là lỗi của người gậy đòn chứ đâu phải là lỗi của trâu !

Chiến trận phải đâu là trò đùa. Đã có chiến trận thì phải có người chết. Lời than khóc trước thi thể người chiến hữu của Hoàng-Lộc mới thể-thâm và uất ức làm sao !

*Hôm qua còn theo anh
Đi ra đường quốc lộ
Hôm nay đã chặt cành
Đắp cho người dưới mộ !*

*Đứa nào bắn anh đó,
Súng nào nhắm trúng anh ?
Khôn thiêng xin chỉ mặt,
Gọi tên nó ra anh !*

*Tên nó là đế quốc,
Tên nó là thực dân,
Hay là thằng thổ phỉ,
Hay là đứa Việt gian ?*

*Khóc anh không nước mắt
Mà lòng đau như cắt
Gọi anh chữa thành lời,
Mà hàm răng nghiến chặt !*

*Ở đây không gỗ ván
Vùi anh trong tấm chăn
Của đồng bào Cửa Ngàn
Tặng tôi ngày phân tán*

*Mai một bên cửa rừng
 Anh có nghe súng nổ
 Là chúng tôi đang cố
 Tiêu diệt kẻ thù chung.*

Viếng bạn — HOÀNG-LỘC

Niềm uất ức đòi hỏi một sự báo phục. Trả thù cho bạn tức là trả thù cho những người Việt gục ngã trước mũi súng quân thù.

Thua kém về khí-giới tối-tân, người dân nhược tiểu phải nương vào địa hình hiểm trở mà tác chiến.

*Và đây lẫn nửa rừng mây dèo,
 Hải-Vân hồi hộp sóng triều reo.*

*Hải-Vân dèo cao, núi hiểm trở,
 Ngất dựng Hùng quan từ vạn thuở
 Trắng lợp đầu non sừng đứng mây
 Vực thăm, triền nghiêng, cây núu cây,
 Đường quanh, đá chồm, dốc treo ngược,
 Tráng sĩ vùi theo vóc ngựa gầy !
 Thuở ấy, Hải-Vân lừng hiểm hóc,
 Hải-Vân chừ dấy vẫn oai linh
 Chấn bước quân thù chuyển núi xanh.
 Khởi trận đầu tay ta phục kích,
 Đất rừng tan xác hai xe địch
 Tiếng thét còn xanh máu mặt thù
 Tiếng rên còn dội núi thâm u...
 Còn dội núi thâm u*

Bom mìn bao trận nữa.
 Tháng năm ngày hăm lăm
 Mây đèo rung ánh lửa !
 Được lệnh chuẩn bị mười ngày ăn
 Quân sĩ choàng nhau lòng hân hân
 Ca rằng : Mây phủ Ai-Vân
 Chim kêu ghènh đá thực dân chết mòn.

Hải-Vân, trích đoạn đầu
 KHƯƠNG-HỮU-DỤNG

Trong công cuộc chiến-đấu chống thực dân, chịu đau khổ nhiều nhất là những người chờ đợi ở hậu phương. Tình duyên nào gián đoạn, tình duyên nào ly-tan, nỗi buồn sinh ly đau xót không kém gì niềm oan tử-biệt.

Nữ sĩ Ngân-Giang có 10 bài « Xuân mong đợi » làm theo thể Đường luật liên-hoàn, diễn tả cái hùng khí của người đi phục vụ cho cuộc chiến đấu chống xâm-lăng, để lại ở cổ quận người thiếu phụ mong chờ khắc khoải. Điềm cao quý trong tâm hồn chinh-phụ là nàng chấp-nhận việc hy sinh, hiểu rõ chí hướng của người đi và bôn phận của kẻ sĩ trong cơn lửa loạn.

XUÂN MONG ĐỢI

I

Cỏ biếc xanh rờn liễu óng tơ
 Lối mòn rải rác cánh hoa mờ
 Cung đàn thôn vắng say trăng nước,
 Tiếng địch sông khuya nhớ bến bờ.
 Sương lạnh lũng rơi hồn lạc lõng
 Gió hiu hắt thổi mộng bơ vơ.
 Người đi cát bụi ngoài muôn dặm,
 Mây núi, hương rừng, lộng ý thơ.

II

Thơ nhạc kinh thành gửi bốn phương,
Lá rơi đề ngập lối Chiêu-Dương.
Năm về gió giục bao nhiêu hướng
Chiều xế trắng buông mấy ngã đường.
Những rập bề trời xây sự nghiệp,
Đâu ngờ thân thế lụy văn chương.
Ngồi đây dong nển chờ mai sớm,
Ngựa hí, hoa mừng, gót nắng sương.

III

Sương rơi rơi lệ cũng rơi rơi,
Bến cũ dò ngang vắng bóng người.
Đất lạnh, xóm nghèo, hoa chớm nở,
Lều tan, sông quanh, nước buồn trôi.
Ai về có ngắm cầu chênh nhịp,
Ta đến xa trông sóng nửa vời.
Ngơ ngác xiêm y, năm đã muộn,
Cánh đào thấp thoáng rụng nơi nơi.

IV

Nơi nao chắc hẳn khác nơi này,
Men rượu sông hồ ngất ý say.
Chợ sớm ăn cần khi họp mặt,
Quán chiều cần dặn lúc chia tay.
Trắng sơn cước mượt hơn màu lụa,
Sương ải quan mờ ám bóng mây.
Suối nước, rừng hoa ổi điểm ánh,
Ta xuôi Kinh-Bắc chốc bao ngày.

V

Ngày muộn hương gây cúc nở vàng,
Hiên nào nắng chéch gởi buồn sang.
Tơ chùng cửa khuyết sao ai oán,
Gót lạnh kinh thành đến dở dang,
Mây bốn phương boy, sâu mấy hướng,
Gió năm canh thời, lệ đôi hàng.
Thu qua, đông hết, ôi tâm sự
Lá rụng âm thầm bóng Liễu trang.

VI

Trang lại từng trang dở trước đèn
Ngàn xưa kẻ sĩ há cầu yên.
Thành Mê nếu mãi vui tơ tóc,
Sử Việt đâu còn đẹp bút nghiên.
Sóng nước Châu giang hồn tuần kiệt,
Mây trời Yên-thế bóng thuyền quyền.
Ngâm câu kim cổ, xây tín tượng,
Phổ giữa mưa bay tiếng lục huyền.

VII

Huyền cầm ta gảy đề oi nghe,
Trong lúc tàn đông, nắng mới về.
Áng cỏ xanh rờn mây bát ngát,
Mặt hồ trong vắt liễu lê-thê.
Ngựa xe, tơ lụa, bay trăm lối,
Hài hán, vàng son, ngợp bốn bề.
Đây chốn hoàng thành hoa chóng nở,
Còn ai nghĩ đến cảnh đồng quê.

VIII

Quê tôi khóm cúc vẫn lên hoa,
Cảnh có như người nhớ chốn xa ?
Ngõ trước vườn sau đờnh trống trái,
Nhà xưa miếu cũ hẳn phôi pha.
Sương đôn đôi tiết đôi mùa lá,
Gió giục sang canh mấy tiếng gà,
Óc cháy, hồn tan, thân với thế,
Những gì để lại một năm qua ?

IX

Quê rồi mộng đẹp của ngày xanh,
Tỉnh giấc : trà xuống, liễu rũ mảnh.
Còn một cây đàn trên vách cỏ,
Có dăm pho sách dưới lều tranh.
Vườn hoang bướm trắng bay thơ thần,
Ngõ vắng hoa đào rụng mỏng manh.
Xa vắng dấu thôn chờ nhạc ngựa,
Chuông rền tịch tịch nẻo âm thanh.

X

Thanh sơn thanh thủy vẫn chờ người,
Đã mấy mùa hoa kém vẻ tươi.
Đất tỏa nguồn hương, thơ rộn rã,
Nước lồng sóng nhạc, gió chơi vơi.
Nhấp ly bôi tửu, đau cung kiếm,
Đập bàn đồ thư, giận bề trời.
Hãy rắc thêm trầm cho khói lộng
Đề tình ý gửi đến xa xôi...

NGÂN-GIANG NỮ SĨ

Lời thơ tuyệt đẹp, trong suốt như pha-lê và ý nghĩa súc-tích như lời kinh-truyện.

Trong thời-cuộc nhiều-nhương, dân sinh đồ-thán, câu thơ :

Ngàn xưa kẻ sĩ há cầu yên ?

đáng được khắc làm bài minh, làm câu cách ngôn treo trên tường mà suy-nghĩ.

Làn sóng xâm lăng của thực dân mong duy-trì quyền-lợi phi nghĩa trên đất nước chúng ta, bắt-buộc người dân Việt phải bỏ thái-độ điềm-nhiên, gác lại hạnh-phúc tư duyên cá nhân, đứng lên đáp lời sông núi

Thành Mê nếu mãi vui tơ tóc,

Sử Việt đâu còn đẹp bút nghiên.

Người xưa đã từng tô điểm cho sử Việt oai-hùng. Tiếng bom Sa-Diện, cờ nghĩa Yên-Thế, tinh-hoa dân-tộc có bao giờ chịu khuất-phục quân thù ?

Kẻ sĩ đứng dậy với tâm tình quyết chiến. Thà chết tự do hơn sống nô-lệ . . . Con giận biển trời và lưỡi gươm quyết tử sắp đập lên đầu thực dân :

Nhấp ly bôi từu đau cung kiếm

Đập bản đồ thư giận biển trời !

Sá gì chút tình riêng ở quê nhà. Người xông-pha ngoài ngàn dặm thừa biết rằng mình đã để lại cho ai một mối trường hận trong chốn khuê phòng.

Mùa xuân đã về. Cái Tết không đem đến sự vui-mừng đoàn-tụ. Chiều tà có người trông dõi chân mây :

Ilầy rắc thêm trầm cho khói lộng

Đề tình ý gửi đến xa-xói . . .

Thông-cảm nhau trên nhiệm-vụ cứu quốc, kẻ ở và người đi cùng «ngâm câu kim cổ xây tin-tưởng», chờ một ngày đất nước thanh bình.

Nhưng oan-nghịch thay, nhiều khi chính phụ không còn sống để nghe tin chiến thắng, chứ đừng nói gì đến nhạc khải hoàn! Bài «Màu tím hoa xim» của Hữu-Loan nói lên được thảm cảnh tử biệt, bình hương tàn lạnh, người lẻ bạn còn sống ấp-ủ nỗi nhớ-nhung, oán hận vô biên.

Tản-Đà trong một lúc nhân tưởng đã có một câu nói chí lý : «Tội ác ngày nay không gì lớn hơn lợi dụng sự ái quốc». Đọc kỹ bài «Màu tím hoa xim», chúng ta vừa bồi-ngùi vì sự hy sinh dũng-cảm của nhân dân vừa nổi lòng công phẫn đối với lũ chính-khách vong bản lợi dụng chiêu bài «Yêu nước thương dân». Lòng công-phẫn phát sinh từ nỗi-niềm đau xót, nó tiềm ẩn sâu xa tự trong niềm yêu Tổ-Quốc.

MÀU TÍM HOA XIM

Nàng có ba người anh

Đi bộ đội

Những em nàng có em chưa biết nói

Khi tóc nàng xanh xanh.

Tôi là người chiến binh

Xa gia đình

Yêu nàng như tình yêu em gái

Ngày hợp hôn nàng không đòi may áo cưới,

Tôi mặc đồ quân nhân

Đôi giày đinh bết bùn đất hành quân,

Nàng cười xinh xinh

Bên anh chổng đợc đáo.

Tôi ở đơn vị về

Cưới nhau xong là đi !

Từ chiến khu xa
Nhớ về ái ngại
Lấy chồng đời chiến chinh
Mấy người đi trở lại
Lỡ khi mình không về
Thì thương người vợ chờ
Bé bỏng chiều quê...

Nhưng không chết người trai khói lửa
Mà chết người gái nhỏ hậu phương
Tôi về không gặp nàng
Má tôi ngồi bên mộ con
Đầy bóng tối
Chiếc bình hoa ngày cưới
Thành bình hương
Tàn lạnh vây quanh...

Tóc nàng xanh xanh
Ngắn chưa đầy búi
Em ơi !
Giây phút cuối
Không được nghe nhau nói
Không được trông thấy nhau một lần.

Ngày xưa
Nàng thích hoa xim tím
Nàng vá cho chồng tấm áo ngày xưa
Một chiều rừng mưa
Ba người anh

*Từ chiến trường Đông Bắc,
Biết tin em gái mất.
Trước tin em lấy chồng.*

*Gió sớm thu về
Rờn rợn nước sông
Đưa em nhỏ lớn lên
Ngỡ ngàng trông ảnh chị
Khi gió thu về
Có vàng chân mộ chí.*

*Chiều hành quân
Qua những đồi hoa xim...
Những đồi hoa xim...
Những đồi hoa xim...
Màu tím hoa xim
Tìm cả chiều hoang biên biệt
Nhìn áo rách vai
Tôi hát trong màu hoa.
Áo tôi sứt chỉ đường tà,
Vợ tôi chết sớm mẹ già chưa khâu.*

HỮU LOAN

Tất cả những đau khổ vô biên của dân tộc đều không làm cho Việt Cộng hồi tâm. Và chúng đã cố tình phản bội. Từ năm 1950, sau chiến dịch Cao-Bắc-Lạng khai thông biên giới, rước quân Trung Cộng vào cõi, chúng đã bắt đầu hất hủi những chiến sĩ anh-dũng có văn tài, có học thức có hùng tâm và rồi thay lại có một ít ruộng đất.

« Sắt phu vô tội, hoài bích kỳ tội ». Cái kẻ thường dân vô tội kia chỉ có viên ngọc bích mà thành ra kẻ có tội. Quan lại tham những vụ

cho tội lệ đề đoạt lấy ngọc châu. Giữa thế-kỷ thứ 20 này thì, « Chiến sĩ đa công, hữu diên kỳ tội » Những kẻ đã hy-sinh xương máu chiến đấu chống thực-dân đều có tội vì có ruộng đất ít nhiều.

Phong trào đấu tố ở Miền Bắc — trí, phú, địa, hào : đào tận gốc, xóc tận rễ ! — đã khiến cho những người vượt tuyến về Nam, sáng tác những vần thơ sôi sục căm hờn.

KHÓC HOÀNG-KÔNG ⁽¹⁾

Có con chó

Đi theo thằng quý đỏ

Vào rừng

Đi săn thỏ.

Thằng quý âu yếm nâng niu, bảo :

— *Hai đứa cùng loài*

Quý vốn cũng là chó !

Hôm sau săn được thỏ

Thằng quý rút dao

Đâm chết chó.

Nó bảo đề sống thêm vương chân

Lại tồn cơm của nó.

Hai đứa không cùng loài

Một đứa quý, một đứa chó

(1) Hoàng-Kông là con trai bà Cát-Hạnh-Long, một địa chủ hào-hiệp ở Thái-Nguyên, đã giúp đỡ tiền bạc cho Việt-Minh lúc đảng này còn hoạt-động bí-mật. Hoàng-Kông lập được nhiều chiến công làm đến chức trung đoàn trưởng.

Đề báo đền ân nghĩa, Việt-Minh đã đấu tố, giết chết cả 2 mẹ con về cái tội có ruộng đất.

Hoàng-Kông ơi, câu chuyện vừa nghe kể
 Không làm anh cảm phần nhĩ Hoàng-Kông ?
 Anh vẫn mơ một thế giới đại đồng
 Khi quý gỏi giữa đấu trường tanh máu ?
 Hoàng-Kông, Hoàng-Kông, mẹ anh bị đấu
 Xử bắn rồi, giờ đến lượt anh đây.
 Tội nghìn năm chan chứa núi sông này
 Hãy nhớ lại trong một giờ sám hối

Tháng Tám năm xưa, Việt-Minh bột khởi
 Dưới chiêu bài kháng chiến diệt xâm lăng
 Cờ tung bay, ngạo nghễ cánh sao vàng
 Trên nền máu, ôi vô vàn quyến rũ !
 Anh lên đường say sắc cờ rực đỏ
 Như cừu hiền say nắm cỏ thơm non
 Ngờ đâu anh đã bán cả linh hồn
 Cho lũ quý gian hùng, bày đồ tề.

Từ ngày ấy, trên máu đào tung tóe,
 Nghe Đất Trời reo múa nhịp Trường-Chinh,
 Trong ly tan tưởng đợc được thanh bình,
 Trên hoang phế ngóng mùa không biên giới.

Diên rồ chưa, anh mê man ngụp lội
 Trong vũng bùn địa ngục đỏ vô luân
 Đè giờ đây dưới ngót lũ hung thần
 Dưới cờ đỏ, giữa đấu trường, anh đèn tội

Có tiếng hét : « bắt thằng Kông quý gỏi ! »
 Và tiếng gào : « Xử tử, xé thịt ra ! »

Tội anh đây : Anh có một mẹ già
Là địa chủ, và anh không Cộng-sản
Yêu Tổ-Quốc, yêu gia đình mù quáng
Không hòa mình vào giai cấp đấu tranh
Không căm thù con địa chủ Mẹ anh
Không đấu nó, không gào tên nguyên rủa

Hoàng-Kông ơi, kẻ từ đây tan vỡ
Mộng toàn dân đoàn kết diệt xâm lăng
Anh ngược lên, nhọt nhọt, nghiêng hàm răng
Mà lệ ứa, lệ tràn trề ướt má
Anh gục xuống giữa đời xanh cỏ lá
Nhưng chuyện anh vong đội khắp mười phương
Tiếng súng từ hình đã giống hồi chuông
Thức tỉnh cả lớp người đang đắm mộng
Giữa thế giới đầy hoa hương ảo vọng
Mà ngập tràn xương máu, ứ hờn căm

Hoàng-Kông ơi, hồn bạn ở xa xăm
Đang lạc lõng trong rừng già cách trở
Có nghe chăng tiếng Hồng Hà nấc nở
Muốn tràn bờ vì uất khí chưa vơi ?
Anh hay chăng quốc sử đã lên ngôi
Một giòng chữ viết bằng xương bằng máu :
Thề diệt Cộng đòi lấy cơm, đòi lấy áo
Đòi Non sông, đòi cuộc sống Tự do ?

Đây đây một mảnh dư đồ
Mười năm đục nước vẫn chưa vấy bùn

1956
TRẦN-KỶ-HÙNG

Cũng như phong kiến của một thuở xa xưa và cận đại — Hán Cao-Tô lo giết Hàn-Tín, Anh-Bố, Bình-Việt, những tướng giỏi đã hợp lực đánh bại Tây Sở Bá Vương Hạng-Võ, Minh-Thái-Tô lo giết Từ-Đạt Thường Ngộ-Xuân, vua Ga-Long lo giết Đặng-Trần-Thường, Nguyễn Văn-Thành v.v. — Việc-Minh không ngần ngại gì khi hạ sát những người đã lập được công lớn trong thời kháng chiến chống Thực dân xâm lược.

Vẫn cái tư-tưởng « Giảo thổ tận, tằm cầu phanh ; cao điều tận, lương cung tàng » (săn được thỏ, mồi thịt chó, bắn được chim bay ta bẻ cung ngay).

Lời thơ nóng hổi căm hờn, tràn trề uất hận.

Nếu độc tài đảng trị đã đáng ghét đến cái mức có người quốc dân cách mạng « Thề không Cộng sản đội chung trời » thì độc tài gia đình trị cũng khiến cho người yêu nước căm thù đến cực điểm. Đất Hồ hay đất Ngõ, đất nào lại không có những chuyện ngịch lý, khiến cho những người bị áp bức, bóc lột muốn đứng dậy mở cuộc đấu tranh quyết liệt một mất, một còn.

Bài « Ân ức » của Hoàng-Nguyên phản ánh đúng thực trạng xáo trộn điên cuồng sau ngày chia đôi giới tuyến .

*Khi bạo lực cường quyền
Đánh trống thổi kèn,
Đề cao phản bội,
Cờ võ bịp lừa,
Đưa danh dự công khai đánh đi.
Đem lương tâm rao bán đảng hoàng,
Thì nhân đức bị mị mai, kết án
Và tội ác được tô son, điểm phấn,*

Được bao dung, khen thưởng, ngợi ca.
Thì những người trung kiên, chân chính.
Bị cáo vu phản động, gian tà
Thì những quân côn đồ, trộm cướp
Được nâng lên hàng hào kiệt, anh hùng
Và những phường buôn dân, bán nước
Được suy tôn là thần thánh, vĩ nhân !

Xã hội chúng ta
Học sinh làm nghề điếm chỉ.
Thầy tu khoác áo công an,
Công an tiếm quyền nghệ sĩ,
Nghệ sĩ lòn bổi, làm đi,
Triết gia, chính khách đi buôn,
Lái buôn đảm đương chính trị !
Thế kỷ chúng ta
Đủ hệ thống miệng gang, mồm thép
Súng di lưng dân, độc quyền nói phét,
Nói vu, nói xấu, nói dối, nói càn !
Nhiều danh từ được đem ra hăm hiếp
Ấm No nghĩa là Đói Rét,
Thương Yêu tức là Thù Ghét,
Công Bằng ám chỉ Bất Công,
Hòa Bình ần nghĩa Chiến Tranh,
Độc Tài mệnh danh Dân Chủ,
Nô Lệ đội lốt Tự Do !

Chúng nó là ai
Dám hẹn hươu, hứa vượn
Bịp lừa trắng trợn,
Phản bội công khai ?
Chúng ta là ai ?
Sao có mắt như mù
Có tai như điếc,
Có miệng như câm
Đề trọn kiếp làm cừu Panurge
Đề suốt đời cam phận nạn nhân !
Bọn bạo chúa, hôn quân,
Lái buôn chính khách,
Côn đồ lãnh tụ,
Phù thủy mị dân !
Không ! Không ! Không !
Dù chúng nó bất bớ, hành hung,
Tù đầy, bắn giết,
Chúng ta quyết :
Không là cừu Panurge,
Không cam phận nạn nhân !
Vì chúng ta
Không mù,
Không điếc,
Không câm,
Vì chúng ta
Từ hôm qua đã bắt đầu đoàn kết,
Đã bắt đầu hiểu biết,

Chúng nó là Ai
và
Chúng ta là Ai
Rồi !

Khi nhân loại đề quái thai lãnh tụ
Nưư Kiệt, Trưư,
Nưư Tần-Thủy-Hoàng, nưư Néron, Hitler, Staline,
Nưư Mao-Trạch-Đông, Hồ-Chí-Minh
Thì
Xã hội tràn trề tội lỗi
Thế giới phủ đầy bóng tối
Con người hấp hối tiêu vong

Àn Úc — HOÀNG-NGUYỄN

Sùng-Chính-Viện xuất bản 1960

Lời-lẽ danh thép, dẫn-giỏi bắn vào chế-độ độc tài và gia đình trị như những mũi tên xuyên bảy lần áo giáp của nhà thiện xạ Dương-Do-Cơ.

Điềm đáng quý là loại thơ chiến đấu, mỗi chữ mỗi câu đều thấm nhuần huyết lệ này lại là thứ thơ sáng tác từ trong lòng địch khi mà tác giả còn bị kẹt ở ngoài kia 17 vĩ tuyến hay khi tác giả còn sống bấp bênh trước sự đe dọa thường xuyên của công an, mật vụ nhà Ngô.

Chúng ta không cần điềm tới thứ thơ sáng tác theo mệnh lệnh bạo quyền, bất luận địa vực của nó là ở phương Nam hay phương Bắc. Thi nô sáng tác thì đã có sẵn văn nô thường thức, những người yêu văn học nghệ thuật đều biết tự trọng và rất quý thì giờ.



THƠ BIỆT LẬP BI THƯƠNG

Không phải tất cả những người có tâm huyết đều chọn giải-pháp tạm thời kết liên với Việt-Minh để kháng Thực hoặc tạm thời khuất thân với Phong Thực để bài Cộng, trong những năm khói lửa và một vài năm sau ngày đình chiến, lúc tình-thế chính-trị chưa ổn-định, lúc tâm-trạng còn xáo-xuyến, băng-khuâng, có một số người giữ thái-độ lừng-khùng, biệt lập, không tham gia vào một phe nào.

Tuy biệt lập lừng-khùng, nhưng tâm hồn họ vẫn bị thương, đau xót. Bất đắc dĩ họ mới phải đóng vai trò ngoại cuộc bàng quan. Đã tự cho là sinh bất phùng thời, thôi thì hãy tạm ẩn mình trong những vần thơ mơ mộng, du-dương để quên bớt niềm thống khổ. Dầu đã có ý định thoát ly thực tại nhưng họ vẫn không được sâu-hận xáo động bốn phương trời.

Bài « Nhớ cổ nhân » của Vũ-Hoàng-Chương cho chúng ta thấy sự mâu-thuân cay-chua ấy.

Khanh của Hoàng ơi, lửa bốn phương

Khói lên nghi ngút chén tha hương

Nghe vang sóng rợn niềm ly tán,

Trạnh xót nỗi thơ buồn nhiều nhưong.

Biết có đêm nào trăng thủy tạ,

Ngâm cùng ai nữa kịch Anh Nương

Dệt khôn thành mộng tơ tằm rồi

Mây cách non Vu nhớ lạ thường.

Mây cách non Vu nhớ lạ thường

Chiêm bao lần quất bướm mê đường

Tình si hận đã mảnh ngưng máu,

Người ngọc hoa chitra bóng gợn tường.

*Mấy thuở còn thom trang Dị sử,
Muôn đời vẫn đẹp gái Tây-Sương.
Cổ đô một buổi lâm chinh chiến,
Vầng nguyệt chia hai vạn dặm trường.*

*Vầng nguyệt chia hai vạn dặm trường
Đêm sầu lữ quán tóc pha sương!
Xanh xanh cỏ ngút bao hàng lệ,
Bắn bật hoa chìm nửa phiến gương.
Liều biếc loi thoi bờ rũ oán,
Sen vàng lững đững gót bay hương.
Chờ nhau chẳng gặp nhau trong mộng,
Văng tiếng gà lên chột nhớ thương !*

Thế là trắng một đêm thao thức trầm tư. Không có lối giải thoát. Tâm trạng diễn biến quanh một vòng tròn : nhớ thương, nhiều nhưng cách đôi phương, nhớ thương.

Và có muốn lo đời thì cũng không dễ gì lo được. Bởi vì người ta ưa nguy-trá mà mình thì thành thật. Bởi vì người tin dùng bọn lưu-manh mà mình là người trọng tín nghĩa. Trong những năm khói lửa, biết bao nhiêu là Khuất Nguyên không tìm được chỗ yên thân. Hiền-triết đời xưa có câu : « Nước vô đạo, phải tìm cách tránh khỏi hình phạt ». (Bang vô đạo miễn ư hình phạt). Cho nên người quân-tử hay người còn có chút liêm-sĩ phải quy ẩn tự toàn. Quy ẩn cũng không nhất thiết phải về ở núi vắng, hang cùng, ẩn trong đám quần chúng vô danh ở thành-thị, vui với thơ phú văn-chương để quên những nỗi buồn lo vì thế cuộc. Cũng không chắc gì quên được, nhưng quên được chút nào hay chút ấy chứ sao !

Đời thi nhân thường nghèo, lại không biết tùy thời mưu sinh cho khôn khéo, nên cái nghèo lâu ngày lại càng xơ-xác, xác-xơ. Sống giữa chốn đô hội phồn hoa mà tâm sự cứ bơ-vơ như người trong sa-mạc.

LẠC LOÀI

Bơ vơ quá giữa kinh thành
 Có ai may áo viễn hành nữa đâu ?
 Lạc loài từ độ xa nhau,
 Đường phai dấu cũ nhạt màu thời gian
 Ở đây nhung lụa bạc vàng,
 Trăm màu xa mã muôn ngàn phần hoa.
 Giá băng cạn chén quan hà
 Giang hồ chỉ có mình ta với người
 Bụi đời mờ nẻo ngược xuôi
 Năm năm tháng tháng ngâm lời thơ diên
 Sang ngang lỗ một mái thuyền,
 Đề về đây sống giữa miền hoang vu.
 Mấy mùa khói lửa âm u,
 Mấy mùa ly loạn mịt mù muôn nơi
 Đêm đêm ra đứng nhìn trời
 Đêm đêm nghe gió vọng lời muôn phương.
 Có trăm cánh gió diên cuồng
 Về đây giữa lúc phố phường tối đen.
 Dập dìu ong bướm đua chen,
 Riêng mình ta chẳng người quen, lạ nhà.
 Lạc loài giữa xứ tha ma
 Sống bơ vơ quá nghĩa là thế thôi !

HUYỀN CHI

Bị kẹt giữa hai thế lực Thực dân xâm lăng và Cộng-sản lợi-dụng danh nghĩa Kháng chiến, những người còn có đủ tâm trí sáng suốt để nhìn rõ dã tâm mưu lợi của đôi bên, tự nhiên cảm thấy xót xa tràn ngập tâm hồn vì quả thực mình đương « nằm trong tử địa », đúng như lời thơ phân-vân, hận uất của thi-sĩ Trúc-Khanh :

NÀM TRONG TỬ ĐỊA

Đêm khuya mờ bóng ngựa hồng
 Hận liền ba mảnh, sầu đông một bề
 Những ai đi có không về,
 Bên cầu Tư-Mã, trăng thề còn đây !
 Hỡi ôi ! Chừ nước non này,
 Đang dâng khói lửa biết ngày nào thôi.
 Giang sơn giờ bật tiếng cười,
 Có vui chi nữa mà tươi hoa cù ?
 Nữ nhi xưa nói tử thù,
 Hát-Giang còn tiếng anh thư muôn đời
 Chén cay xưa đã nhạt mùi
 Tám mươi năm đã dập vùi từ lâu...
 Ngang tàng mấy gã Tiên-Châu,
 Mắt buồn quan ải, hồn đau kinh thành
 Ở ư, nghĩ cũng không đành,
 Nhưng đi nào biết lâm hành phương mô ?
 Heo may hí gió ngựa Hồ
 Nơi nao loạn bóng lụa cờ nơi nao ?
 Kinh đô đã xé long bào
 Cây mùa hoa đỏ cành sao nhụy vàng...

*Vào đông mưa gió phũ phàng
Phai hồng núi Tản nhợt vàng sông Nai.*

*Mực đen loãng ý chân thành
Năm trong tử địa đáng tình núi sông...*

TRÚC KHANH

Vì không nỡ làm việc phản-bội dân-tộc để kiếm giàu sang, cho nên thân-thể của nhà thơ lại càng long-đong. Thêm vào cái tủi cực của tình thần yêu nước lại còn có sự bức-bách của kẻ mưu sinh.

Trước khi qua vùng Việt-Minh để rồi sau làm nạn nhân cho phong trào Cộng-sản vui dập nhóm Nhân-Văn, Giai-phẩm ở Miền Bắc, Nguyễn-Bính đã có bài « *Đêm mưa đất khách* » nói lên cái uất hận vô cùng của kẻ hàn sĩ không có đường tới lui.

*Một thân lặn độn nơi trời xa.
Năm nghe mưa rơi trên mái nhà
Gió bắt vào thu đầy tiếng lá
Đời tàn mộng đẹp tiếc xuân qua,
Long đông mưa nhỏ gieo từng giọt
Lặng lặng không nao một tiếng gà
Chờ nửa vầng trăng, trăng chẳng lại
Đêm dài đằng đẵng, đêm bao la.
Cũng may cho những người lưu lạc,
Càng khời trông trăng nhớ nhà*

*Mây tháng chưa nguôi sầu hận cũ,
Năm đây chặn chiếu của người ta
Dĩa đèn chết đuối thân hồ hải
Chung-Tử đi rồi, lẻ Bá-Nha.*

*Khá thương nghìn dặm thân làm khách,
Nằm đọc Liêu-Trai bạn với ma.
Run run song ngổ bàn tay lạnh,
Phảng phất giường đen giải áo là.
Bữa mộng ân tình, say đến sáng
Bài thơ tâm sự nghĩ không ra.
Chuyến đi thân thể đưa toàn hận
Bãi cát phù sinh đổi tháp ngà.
Đổi thay góm mặt người thiên hạ,
Ấm lạnh thương cho gái nỡn nà
Đất khách Mai-Sinh cười phụ bạc,
Đêm dài Hàn-Tín mộng vinh hoa.
Ơ đã không đành đi cũng dở,
Thân này há ngại chuyện xông pha.
Sàng đầu kim tận từ hôm đó,
Tráng sĩ vô nhan cực lắm mà !
« Thời lai đồ diếu thành công dị
Sự khứ anh hùng ẩm hận đa »
Hỡi ôi ! trời đất vô cùng rộng
Nào biết tìm đâu một mái nhà.
Có mắt như tịch, xanh mà uổng
Đất khách cùng đường ta khóc ta.
Mưa mãi mưa hoài mưa chẳng dứt
Đêm dài đằng đẳng đêm bao la...*

Chưa thấy ánh dương quang nào loé rạng ở chân trời nên tâm sự
của thi nhân vương vấn u hoài vô định hướng.

Cho đến lúc Xuân về, bốn bề thiên hạ đua vui. Riêng thi nhân và một lớp bè bạn quen mùi gió bụi lại cũng không thể vui Xuân như người thiên hạ.

*Xuân về thương nhớ với ai đây ?
Tết đến rồi đây, Xuân đến đây
Xuân xuân, Tết tết được bao ngày ?
Cười nghiêng núi thắm, xuân gian khờ
Khóc đứng quê xa, Tết dạn dày !
Có những con người không biết Tết
Cầm bằng năm tháng một cơn say !
Có những con người không biết chết,
Cắm cắm thể sự nhều đôi mày.
Tóc rụng, Xuân về hăm mấy bận,
Giang hồ ta vẫn trắng đôi tay.
Lòng riêng nào những Xuân hay Tết
Dứt áo ra đi một chuyến này
Những chuyện tâm tình không tỏ được
Hoa đào trước cửa lá rơi bay...
Bỗng nhiên trời đất đem Xuân lại,
Mưa mới dâng hương ngập luống cày.
Chim hót bình minh, hoa đón gió
Và người sức tỉnh một cơn say
Hái hoa đem cắm bình nhan sắc
Màu thắm cho phai kiếp đọa đày.

Nhắm mắt gừng sương ba bữa Tết
Đêm trường xuân mộng gối đôi tay.
Đâu đây nhận rót lời tương biệt
Không hiểu thương ai nước mắt đầy.*

Nhà trống tha hồ mơ mộng đến,
 Tiền đâu mua lấy nửa cơn say ?
 Thơ chẳng yêu ai rồi cũng vẫn
 Chờ mong phương nọ, ngóng phương này.
 Cổ tri dăm đứa nghèo xơ xác,
 Ăn chực, nằm chờ khắp đó đây.
 Nuốt tiếng cười điên, ngâm lạc giọng
 Sông đời thua hẳn cả thơ ngây !
 Nghĩ tiếp vẩn thơ trào nước mắt,
 Lệ mình sao vẫn nhấp cay cay !
 Lệ mình đâu phải giòng dư lệ
 Mà giữa mùa tươi khóc thế này ?
 Xuân bỗng tung bưng trên má thắm
 Xuân về thương nhớ với ai đây ?

TẠ KÝ

Dẫu có muốn hoạt động cũng chưa biết nên dùng những phương-thức nào để cho khỏi di-hại đến đồng bào, khỏi gây tủi thẹn cho lương tâm trong trắng.

Nỗi niềm u hận cứ theo tuổi tác mà lên. Ở người thanh-niên, mùa Xuân luân-lạc đã xót xa, ở người đứng tuổi, ước vọng về sự nghiệp chưa thành càng gây nên đau khổ thấm-thía. Vào xuân tâm sự và tâm sự với ai đây ? Mùa Xuân sao cứ buồn như một mùa Thu khói sương u-ám ? Ngày mai, ngày mai rồi ra sao ? Đời sống tâm tình và hoạt động ở trường đời đã lưu được kỷ-niệm gì tươi đẹp ?

VÀO XUÂN TÂM SỰ

Chiều ba mươi Tết nhìn mây trắng
 Xuân của muôn đời đời thay
 Xuân của muôn lòng không bến đỗ.
 Chiều nay ngo-ngác, lạnh chiều nay.

Ôi, những Xuân xưa bao ước vọng
 Những kinh thành lạ, phố phường xa
 Ta đi hoài bão : Yêu và Sống
 Xuân với ngàn phương. Tết vạn nhà.

Đi mãi, đi hoài, mây lữ thứ,
 Trăng nào mê hoặc, mắt nào say ?
 Lòng tê sỏi đá, khô màu sắc ;
 Vạn dặm sông hồ, lẻo đẻo mây.

Áo com thăng giáng đôi vai nhỏ.
 Bến nước lao đao nửa bóng chiều.
 Mòn mỏi xuân xanh, tàn khát vọng
 Đợi chờ, tin tưởng chết bao nhiêu.

Xuân không của tuổi hai mươi nữa.
 Tóc trắng Xuân đời, mộng trắng bay
 Lòng gửi vào Xuân, Xuân gửi lại.
 Trắng tình nhân thế, trắng đôi tay !

Quê ai pháo đón giao thừa nỏ ?
 Xuân ấm truyền tin vạn dặm đường.
 Trang giấy tâm tư đành ký thác :
 Thơ hồn, rượu túi men tha hương.

Hoa bướm ngày mai hứa hẹn gì ?
 Cái ta cuồng dại, cái tôi si ?
 Đắm say nghẽn lối, chân trời rộng
 Lững thững Xuân đời lạc-lỡng đi

LÊ MINH NGỌC

Không lẽ chúng ta cam chịu lạc-lỡng hoài sao ? Việc khóc ở ngã ba đường chỉ là một việc bất đắc dĩ trong một lúc quẩn trí, chưa tìm ra định hướng và phương lược hành động đó mà thôi..,

Chương VI

NHẬN XÉT TỔNG QUÁT SẮC THÁI TRỮ TÌNH HẬU CHIẾN

SẮC THÁI TRỮ TÌNH HẬU CHIẾN

Đến thời Hậu Chiến, khuynh hướng trữ tình lại làm cho thơ văn lãng mạn phục sinh. Tuy vẫn là những tình cảm thương nhớ băng khuâng mê say nữ sắc, buồn chán mộng lung, nhưng tâm hồn con người sau những năm chiến loạn tơi bời hình như còn vương vấn màu đen của khói, màu đỏ của lửa, màu hồng của huyết... Chúng ta nghe có những nỗi-niềm ăn-ức những cái gì đau xót như tiếng vang của những niềm uất hận thuở nào.

Thơ văn trữ tình thuở Hậu chiến có những sắc thái xao-xuyến hỗn loạn, thắc mắc, đau xót bí ẩn khác hẳn thơ văn trữ tình thuở 1930 — 1945.

Ngay những lúc nhìn vào cảnh vật, Người Thơ cũng không tìm được niềm an ủi mà chỉ gặp toàn nỗi cay đắng xót xa.

CHIỀU

*Chiều hoang ngủ gục tâm tư,
Mắt cay khói thuốc đục mù chân mây.
Bàn tay nắm ngón thon gầy,
Vòng che vầng trán ngập đầy sao rơi.
Làn môi khóa chặt nụ cười,
Bàn chân dỗi khát đạp người trong mơ.
(Tình yêu đã vỡ bất ngờ,
Còn nghe tiếng vọng tạ từ hôm qua).*

MINH VIÊN

HÈ

*Màu hoa máu đỏ rực trời,
Mây xanh ngắt quện tiếng cười thực sinh,*

Nắng hun cây cỏ một mình,
 Gió đi chơi vắng thành linh biệt tẩm.
 Cánh sen chết cháy trong đầm,
 Nước pha lê lẳng lặng nằm nghỉ ngơi.
 Chim ca khúc nhạc lên đời,
 Ve ngâm « cung oán » gọi người ngày xưa.

MINH-VIÊN

Với nỗi niềm đau xót tiềm ẩn trong tâm tư, nhào vào đâu, Người Thơ cũng chỉ gặp những màu sắc xốn xang, những hình ảnh lưu lạc. Nỗi bi thiết càng thêm ảo não vì chúng ta không thấy rõ nguyên nhân hay nguyên nhân đó chính là mối sầu hận mang máng của một thời cát cứ phân trị. .

NỬA ĐƯỜNG

Tàn ác đèo mây lợp chói chan,
 Lao đao quán gió lá bên đàng.
 Ngựa gầy rảo nắng chân du khách,
 Liễu héo sầu trứa mắt cổ nhân.
 Vững thiếp vườn xuân oanh oán vọng,
 Dạ chàng lối trúc bóng hoang mang.
 Dừng đây rồi dạt về đâu nữa ?
 Một tiếng gà xa lạc cuối ngàn !

ĐOÀN-KHẢI-PHƯƠNG

Kể cả những lúc bóng chiều đã sa xuống. Màn đêm dịu mát cũng không đem về cho Người Thơ sự bình tĩnh của tịch liêu. Đêm thời Hậu chiến vẫn nghe có tiếng ru con, nhưng tiếng ru sao mà rời rạc, ghe rợn, ngại ngùng quá đỗi. Vẫn gió trắng muôn thuở mà sao niềm nhớ nhung bao la, vô tận như trùm lấp cả giòng đời kim cổ đang chuyển mình vào một vực tối vô định, hư không.

ĐÊM

Trời đêm sao lặn dưới mây
 Bơ vơ nửa mảnh trăng gầy chờ ai ?
 Gió về run lạnh đôi vai,
 Hàng cau vẫy mấy ngọn dài đông đưa.
 Buồn giăng sương trắng núi xưa
 Nhớ nhung biết mấy cho vừa nhớ nhung !
 Đồng xa vọng tiếng côn trùng
 Nghe ra thăm thẳm... mịt mù... chơi vơi...
 Đèn hay đóm lửa ma trôi
 — Nhóm lên sau tiếng « ời ời » — ngoài kia ?
 Giàu sang tâm sự khôn chia
 Thời gian đầy bước vào khuya lững lờ...

TRẦN-HUYỀN-ÂN

Đến đêm thu, thứ đêm yên lặng, bình tĩnh nhất trong các thứ đêm mà Người Thơ vẫn xao xuyến, ưu sầu trong niềm cô liêu thương nhớ.

ĐÊM BUỒN THU

(Cho Yên-Linh một tâm sự)

Chừng như mưa rơi đâu đây
 Sầu giăng phố nhỏ đêm đầy hoang liêu
 Vàng thu trở giấc tiêu điều
 Buồn lên cửa mắt nửa chiều âm u.
 Trăng sao chết bóng mịt mù
 Tìm trong tâm não Tình thư ngả màu
 Hồn đau bừng dậy tim sầu
 Nghiêng nghiêng giọt nhỏ qua đầu mưa bay

Lạnh vào áo mỏng đôi vai
 Thăm thương cho kiếp tàn say độc hành
 Về đâu lắm nẻo kinh thành
 Trơ vơ hò hẹn chuyện mình đắng cay
 Đêm nay buồn với mưa bay
 Mình đi giữa tiếng thở dài sang thu

HÀN-SONG-TÂM

Trong xứ Mộng ngàn Mơ mà còn đau xót đến thế thì còn nói chi đến cuộc đời thực tế bên ngoài. Vĩnh viễn đã tan rồi cái cảnh thơ mộng của một thuở thanh bình :

Sáng trăng trái chiếu hai hàng,
 Bên anh đọc sách bên nàng quay tơ.

Cảnh quay tơ ngày nay được mùi cơm áo và nợ áo cơm phải trả bằng những giọt mồ hôi rớm máu nhục-nhẫn.

DỆT LỤA

Nắng vàng ươm sợi tơ vàng
 Mộng ươm khoe mắt mơ màng người ta
 Go dăng dệt dệt
 Thoi bay là là
 Ai đem tơ nắng lùa qua
 Mà ai đem mộng dệt ra lụa vàng
 Tay đưa chân dậm nhịp nhàng
 Mộng xanh tiếp mộng tơ vàng tiếp tơ...
 Hai gian nhà cỏ
 Sợi khói xanh lơ
 Mẹ già khâu áo rách
 Chăm học đàn em thơ

Xe hoa vèo trước ngõ
Êm trôi giòng nước lững lờ
Giòng trôi lờ lững xa mờ thuyền ai...
Nhịp go uề oải
Con thoi mệt nhoài.
Cha đi biển biệt,
Mẹ buồn da diết,
Túng thiếu hôm mai.
Thôi đèn thoi sách
Gia đình nặng gánh
Quần quai đôi vai.
Thân gầy riêng liệu sinh nhai.
Ngày xanh dẹt mộng kéo dài tắc gang...
Trắng vàng lạnh sợi tơ vàng
Mộng thôi tiếp mộng, mơ màng mà chi ?

TRẦN-NGỌC-TIEN

Chất thực tế của cuộc sống chi-phối đến cả tâm tình yêu đương, len-lén vào tâm-tư những người yêu nhau, len vào một cách tàn bạo mà êm thấm, chắc-chắn như nước mạnh rỉ ra trong lòng giếng, không ai tìm cách gì ngăn cản được.

THA THIẾT

Chiều nay em có đến tôi không ?
Tôi hỏi nghe như lòng hỏi lòng
Gác vắng trưa này sao khó ngủ.
Bụi chiều thứ bảy, bụi chiều mong.

*Nhà tôi với số chồng lên số,
(Trông kỹ nghe em kéo lộn nhà).
Quanh quất, xa xôi, phiền lỗi ngõ,
Hồn lòng em ngại mỗi lần qua ?*

*Chiều sẽ nhiều mây, không nắng đầu
(Nếu lo, mang sẵn nón che đầu)
Mưa chiều nay chắc không nhiều sấm
Nhưng ngại gì em đã có nhau.*

*Em mặc áo hồng hay áo tím
(Và em còn nhớ áo lam xưa ?)
Thư em, tôi trải trên bàn viết,
Ai trả lời tôi, em đến chưa ?*

TƯỜNG LINH

Dấu vết thời đại, phố phường chật hẹp, chen nhau lấn nhau, giành nhau từng chút khí trời, từng bước đường đi được tác giả ghi lại trong những câu:

... Góc vắng trưa này sao khó ngủ

Nhà tôi với số chồng lên số ...

Không phải tác-giả cố hiện thực đâu. Chỉ vì sự thực ngoài đời là như thế. Nhà ở trong hai ba trùng ngõ hẻm, vào hai ba trùng ngõ hẻm, chúng ta có cảm tưởng lạc vào một mê hồn trận bí hiểm, một bát quái trận trùng-trùng điệp-điệp, không còn phân biệt được phương hướng, nhiều khi vào đến nơi rồi không biết lối ra. Người Thơ ở trên một gác xép — nếu cao hứng hay nhiều khiêu hải hước thì tha hồ chọn những cái tên rất kêu. Vân các, Chiêu-Dương thư các, Viễn vọng các v.v... — và số nhà thì phải tìm quanh, tìm quẩn, ngoặt bên tả, rẽ bên hữu, leo qua cầu khỉ, bước qua rạch nước, gai nhân mỗi lần đến gặp, có vẻ ngại ngùng. Những nét thời đại ấy tự nhiên đột nhập vào giữa ý Thơ, nắm gọn trong đó như những du tử trở về cố hương.

Và em, còn nhớ áo lam xưa ?

Ngày xưa — trước năm 1945 — màu áo xanh biển của nữ sinh gọi lên bao nhiêu thơ mộng êm-đềm. Tác giả đã cảm thấy còn một cái gì rất khó nói đã làm cách biệt mỗi tình của thời xưa và mỗi tình của thời nay.

Sự cách biệt giữa hai thời đại làm cho Người Thơ tưởng niệm với rất nhiều bằng khuâng đau xót . . .

Thời gian trôi theo nước Trường-giang. Phút chốc mà đã :

BỐN MƯƠI

*Chớp mắt vèo trông sắp bốn mươi
Biết hoa nào đẹp, nắng nào tươi ?
Bao nhiêu mộng cũ thời niên thiếu,
Trên gôi canh tàn những hờ người.*

*Ta vẫn là ta có phải chăng ?
Tóc bù quán lẻ, bạn dăm thằng.
Men thơ cũng hã theo men rượu,
Lại đã xuân về, khôn nói nắng !*

*Biết nói gì đây ? hỡi cố nhân !
Tưởng mình trăm tuổi vẫn thanh xuân
Ta-Nay cùng với Ta-Ngày-Trước
Không khác mà sao lệ dăm khăn.*

*Tưởng vẫn là Ta hóa chẳng Ta !
Hôm xưa cô gái khít bên nhà,
Gặp nhau khép-nếp chào : « thưa bác ! »
Ta sững sờ trông em bước qua.*

*Em bước qua là Xuân bước qua.
 Ôi Xuân ! Xuân cũng có khi già ?
 Hôm nay mới thấy mùa Xuân đẹp,
 Mới thấy mùa Xuân có bướm hoa.*

HOÀNG TRINH

Dẫu Ta còn vẫn là Ta, yêu bướm hoa thơ mộng, nhưng phong thái tâm tư của Ta liệu có giống Người của thế hệ mới hay không ?

Người của thế hệ mới nhiều nỗi lòng xao xuyến sâu cay, thắc mắc hơn... Chính trong lúc yêu đương, ta vẫn nhận thấy một vẻ gì âu lo, kinh sợ.

BUỒN

*Nửa đêm nghe gió trở mình
 Bâng khuâng bỗng nhớ một hình ảnh xưa.
 Vui bao nhiêu chuyện tình cờ
 Đề tâm tư vọng mờ hồ nhạc hoa.
 Toa lòng nào hẹn đến ga,
 Gặp người mới một chuyến mà vẫn vương.
 Mây chiều chờ gió ngàn phương,
 Ngàn ngơ tôi đếm phong sương cuộc đời.
 Mới hai mươi một tuổi trời,
 Mà trong hồn lắm ngậm ngùi đi qua
 Đàn lòng tưởng bật âm ba
 Hay đâu còn một phím ngà trên cung.
 Hỏi ai tay với đàn cung
 Đề tôi đem rượu mà dâng bạn vàng*

Đường đời mỗi bước lang thang,
 Người đi đã khuất mấy hàng non cao
 Là trôi lơ một chuyến tàu
 Là riêng tôi nuôi khổ sâu vào tim
 Ngày tàn rụng mấy lần đêm
 Mấy lần đêm viết thơ điên mà cười...
 Rung rung mắt vọng phương trời
 Song hàn đề mặc chiều rơi qua lòng...

TUYẾT LINH

Gặp nhau một lần và chỉ một lần thôi, như thế cũng đủ xui lòng vẩn
 vương thương cảm. Nhưng vì sao mới hai mươi một tuổi, tuổi rất nhiều
 hoa mộng mà đã đếm phong sương cuộc đời và vì đâu mà mắt nhìn
 đắm đắm phương trời đề tơ lòng nức nở cung điệu bi sầu như không còn
 mong tìm được chút an ủi nào trên đường trần nữa ? Người Thơ đã
 đuổi theo một hình bóng và :

Đường đời mỗi bước lang thang !

Còn giai nhân thì :

Người đi đã khuất mấy hàng non cao !

Và cái cảnh viễn vọng một phương trời xa để nuôi lòng trong tưởng
 nhớ cũng không phải chỉ dành riêng cho Người Thơ nam giới mà thôi.
 Tình mơ của nữ giới cũng đượm màu chờ mong khắc khoải.

TÌNH MƠ

Từ độ tôi yêu đến bây giờ
 Bao lần nước mắt rỏ thành thơ
 Là bao cay đắng bao nhiêu hận
 Người ạ, sao lòng vẫn ước mơ !

Gió có reo về hướng ấy không ?
Bao nhiêu thương nhớ thoáng qua lòng
Cho ta gửi gió niềm đau xót
Tan nát tim rồi, thôi ước mong !

Mây có bay về hướng ấy không ?
Anh như mây trắng cách muôn trùng
Chiều, bên song cửa em mơ ngắm
Gửi cả lòng em bao nhớ nhung.

Nắng có soi về hướng ấy không ?
Vàng dương sưởi ấm cả muôn lòng.
Riêng em một bóng dài cô tịch
Đỏ thắm màu đen giữa nắng hồng.

Trăng có loang về hướng ấy không ?
Lung linh huyền ảo đẹp vô cùng
Mà ai đàn bước trên thềm cũ
Lệ thấm đầy khăn mộng rồi tung.

Nước có trôi về hướng ấy không ?
Cho ta thuyền gửi một khoang lòng
Chiều hôm ta ngắt cành hoa dại
Làm cánh chèo mơ trên bến sông.

Mưa có rơi về hướng ấy không ?
Mưa rơi rơi mãi ở trong lòng
Tiếng vang át cả mưa ngoài ấy,
Người một phương trời có cảm thông !

PHAN-THỊ-HỘ
lúc PHAN-PHUNG-VĂN
(Tây-Ninh)

Bản sắc của tâm hồn đã nhiều uẩn khúc tế nhị u-uất mà khi nhìn vào cuộc đời, Người Thơ vốn sẵn nhiều nỗi niềm tự thương xót còn phải xót thương thêm cho những ai bất hạnh hiểu những điều kiện tối thiểu để tạm sống tương đối an vui. Nhất là những chiều mưa. Mưa trên đô thị và mưa trong lòng người xót xa, náo nức...

NHỮNG CẢNH MƯA LÒNG

Mưa mãi làm chi ướt buổi chiều

Mái tranh nhầu ứa vẽ cô liêu

Mưa xuyên áo rách vào da thịt

Xé toạc hồn ai những kẻ nghèo.

Mưa mãi làm chi cảnh tối mù

Khuấy tan nét mặt lặng hồ thu

Trán ai từng nếp nhăn khơi trũng

Ánh mắt ưu phiền lửa sắp lư.

Mưa mãi làm chi rợn lá cành

Rách tươm những chiếc lá màu xanh

Trong mưa lặn lội tìm cơm áo

Những chiếc thân gầy áo nửa manh.

Mưa mãi làm chi ướt phố phường

Tóc dài hoen ố sắc phong sương

Lang thang sớm tối nơi đình chợ

Đêm lạnh thân tro khát chiều giương.

HUYỀN THANH

(Gió lộng)

Từ nội tâm ra đến cuộc đời, rồi từ cuộc đời trở về nội tâm, giữa cái trục ấy, Hồn Thơ thường gặp những nỗi đau xót trùng trùng điệp điệp.

Bản chất của Hồn thơ muôn đời vẫn là đa cảm, cảm thương mình cảm thương kẻ khác, cảm thương hoa cỏ gió trăng, tình cảm thương càng phong phú càng đem lại cho Người Thơ nhiều ý tứ nhiều âm thanh, nhiều hình ảnh.

Nội tâm : xôn xao, u ầu.

Cuộc đời : tàn nhẫn, giành giật áo cơm một cách quyết liệt, quay cuồng theo những thị dục vật chất, dâm ô.

Hai yếu tố này quấn chặt vào nhau, tạo cho Hồn Thơ Hậu Chiến những sắc thái sâu cay không hề bắt gặp ở thời Tiền Chiến.

Ở thời đó, Người Thơ có thể bỏ thực tế, trốn vào lãnh vực Tình Ai để được yên thân. Xuân-Diệu đã chẳng từng reo lên :

Tôi không biết, không biết gì nữa cả

Chỉ yêu nhiều là tôi biết mà thôi...

Xa vời hơn nữa, Người Thơ cũng có thể trốn vào Thế giới hư ảo của ma quái, yêu tình theo kiểu Vũ-Hoàng-Chương, Đinh-Hùng.

Có tâm huyết cao đẹp hơn, Người Thơ đi theo lý tưởng tranh đấu vì dân tộc, nuôi hy vọng lớn, chờ đợi một thời cơ.

Nhưng sau chiến loạn 10 năm, những nguồn an-ủi và hy-vọng hào hùng đều tan biến...

Phong thái say đắm tình yêu theo kiểu Xuân-Diệu, tìm quên lãng trong màn hư ảo ma quái của Vũ-Hoàng-Chương, Đinh-Hùng đều lỗi thời, lạc điệu, không gây được một tiếng vang nào, không có thi hữu nào hưởng-ứng mà cũng ít có độc giả nào tán thưởng.

Người Thơ Lãng-Mạn của phong trào Văn-Chương Lãng-Mạn trước năm 1945 không còn nơi múa bút đại túy, cao ngâm.

Người Thơ Chiến Sĩ hình như cũng biểu lộ ít nhiều mệt mỏi, chán ngán.

Chán ngán cũng có lẽ phải chủ quan vì sự hy-sinh tâm huyết chín, mười năm không bảo vệ nổi một mối tình bé nhỏ. Một giòng sông ngăn cách biên thù. Chiến đấu 10 năm mà kết quả không rửa được u hận cho riêng mình thì còn khoe đem lại những gì gì cho tất cả những ai ai sao được.

VẤN VƯƠNG

*Rồi một chiều nao chẳng hẹn về
Có chàng trai vội ra đi
Nắng vàng dẹt mộng trên hoa lá
Như mộng nàng tiên buổi dậy thì...*

*Tơ liễu Hồ Gươm vẫn rũ buồn
Những giòng tơ lệ khóc trắng sông
Chao ôi ! thăm thẳm là đôi nẻo
Có kẻ vời trông đến mỗi mòn...*

*Ngày tháng chôn sâu dưới bóng chiều
Bao mùa hoa bướm bấy cô liêu
Trăng xưa thắm đọng giòng tâm sự,
Nẻo hướng dương mờ bóng dáng yêu.*

*Đây một bờ sông, kia bến sông,
Nước xanh khôn nổi lại đôi lòng
Người ơi vì biết buồn ly cách
Soi thấu tâm tình giếng mắt trong.*

Nhớ một hoàng hôn, hai hoàng hôn !.

Sương sa giá buốt cả tâm hồn

Chiều nay trở gió về phương Bắc,

Nghe nhạc u hoài vọng cuối thôn.

1957

HUYỀN-VIỆM

Nhiều khi, Người Thơ Chiến Sĩ mất nhuệ khí, tự thấy sự vô nghĩa của một cuộc đời đóng khung đi về bốn lượt, nhưng chưa biết một khi thoát ly khỏi đường mòn lối cũ thì họ sẽ làm gì. Tạm thời, lòng vẫn rộn lên niềm nhớ nhung thương xót một thời gió bụi tung hoành mà thể xác vẫn cứ sống ngắc-ngỏi trong một sự cầu an tẻ lạnh, vô nghĩa.

ĐỂ TIỀN MỘT NGƯỜI

Cuộc đời có nghĩa gì đâu

Mà đem thương nhớ buộc câu chân tình

Nghiến răng nuốt vội bất bình

Gục đầu chỉ bóng với mình lặng im.

Đã đành chưa tuyết cánh chim

Nhưng khôn mỗi lúc dễ tìm gặp nhau

Tóc xanh còn chứa pha màu

Chứa say chi mấy đã đau vội vàng !

Nhớ xưa nửa chén tàng tàng

Nhìn nhau cười ngắt con đường còn xa

Giờ đây trắng vẫn bao la

Hai mươi năm đã hóa ra hão huyền !

Lẽ đâu làm gã chông hiên,

Cúi mình cuối tháng lĩnh tiền cho xong

*Người đi, người có chờ mong
Ta về thoắt bóng người trong chén này*

Saigon cuối 1959
HOÀNG-TRINH

Người Thơ Chiến Sĩ đau khổ vì đã mất nhuệ khí bình sinh. Sự nhận thức này đẩy Người Thơ vào cuộc sống lang thang, từ cái lang thang thực sự bôn tẩu gió bụi ở ngoài đời đến cái lang thang vô định của tâm hồn lảo lộn trong dĩ vãng, ngai ngùng trước tương lai với những nguyện ước mà hiện giờ vẫn chỉ là ảo mộng.

ĐÃ MẤT GƯƠM LINH

*Thơ viết một đời chưa thỏa chí
Gươm linh không hẹn về thi sĩ
Trần gian ngo ngác đi làm Thơ,
Hồng bụi mira tuôn tàn nhuệ khí*

*Chiều chiều nước mắt rơi Trường-Sơn
Tối tối tay gầy nắm ngón trơn
Mộng nghĩ xa xa tiền kiếp ấy
Đâu thai quên kiếm đem về trần.*

*Thép bút đâu làm nên chiến sĩ
Đời nay thiên hạ thời cơ khi
Trái đầu bá-chủ mạnh như Thần
Nghiên-bút cũng đành cho sắt rỉ.*

*Lang-thang đi hái những buồn cơn,
Tâm-sự ngày đêm dăm lối mòn.
Một nẻo vô-luân dò-dẫm bước
Còn mơ yên ngựa vó câu dòn,*

*Lịch-sử xoay vần trên thế-kỷ
 Ngày xưa đâu mấy ai tài trí ?
 Ngày nay xuất hiện những vai trò
 Hí-viện đêm đêm làm hiệp sĩ.*

*Đâu hồ rừng sâu lạc tiếng gấm ?
 Dẫn tay Thánh-giá lặng buồn cam
 Giật lòi kinh-hải — tay vung kiếm
 Còn tướng gươm-linh nhiệm phép Thần.*

MINH ĐƯỜNG
 (Quảng-Ngãi)

Những ý tưởng đau xót ấy chỉ đủ quyền lực dẫn Người Thơ Chiến Sĩ đến một ngã ba đường... Đi về đâu ? Đứng mãi đây sao ? Chưa định hướng thì làm sao tiến tới ?

Người Thơ Chiến Sĩ nghe trong thâm tâm nhuệ khí điêu tàn, thế thì Người Thơ Trữ Tình cảm thấy :

*« Tâm linh rớt xuống bờ hư ảnh
 Thương nhớ trôi ra cặp mắt nào ».*

cũng là một lẽ tự nhiên.

ƠI MẮT CỦA TA

*Mắt em là Mơ hay là Say ?
 Hồn ta chiêm bao em xưa rày
 Thơ ta gầy vố màu nhan sắc
 Ta gói tình xuân trên lông tay.*

*Ngao ngán sông đầy ghen biển vơi
 Tâm tư chớp núi đuổi mưa đời.
 Rừng chiều xưa ấy đâu cô gái
 Mái tóc cài nghiêng hoa mặt trời ?*

Đất trời lãnh đạm núi kiêu căng
 Mây rudi cô đơn mộng cánh bằng
 Gió lạnh thổi đầy trong ngực đá
 Ta đi những bước hùm lang thang.

Bắc đầu chìm sương, ta đi đâu?
 Dưới kia đời ngủ vườn cây rào ...
 Tâm-linh rét-mướt bờ hư ảnh
 Thương-nhớ trôi ra cặp mắt nào ...

Ơi mắt của ta ! Trời bạch ngọc !
 Cầu vồng bảy sắc, trăng Đường thi !
 Ta đi mấy cửa luân hồi nữa
 Men ấy còn say mắt đờy ly. ⁽¹⁾

ĐOÀN-KHẢI-PHƯƠNG

Hồn Thơ đã vào sâu trong nẻo U Minh mà không tìm được một chút gì an ủi. Lẽ tất nhiên, tâm trạng ấy có thể dẫn đến Hư vô. Trong cái Hư vô, có người tìm thấy được sự quên lãng vĩnh viễn.

LINH CẢM

Ai đem bệnh viện chặt ngang cầu
 Hai ngã tâm tư mộng nát nhàu
 Ánh bạch lạp buồn dâng ngăn lệ,
 Áo hoàng hôn khép giữ chiều sâu

(1) Câu thơ cuối cùng này, nguyên tác viết:

Say bằng men ấy mắt lưu ly

nhưng vì thất niêm, nên trong lúc duyệt thơ cho mục Thơ và Thi Nhận báo Tự-Do, thi hào Vũ-Hoàng-Chương đã sửa lại như trên. Người sửa tự công nhận là chỉ giữ được ý mà lạc mất tứ.

*Em ! xin kiếp khác đừng quên nhé
 Đời ? chắc ngày mai chẳng nhớ đâu ?
 Oà khóc ! ... Tâm linh dường báo trước
 Anh về lòng đất trốn thương đau*

NGA HYLAK

Dẫu kém lý luận, nhưng tôi không đến nỗi lấy một trường hợp cá biệt làm một trạng thái phổ thông. Tâm trạng chán chường, tiêu tụy này chính là một trường hợp cá biệt đủ làm điển hình cho những nỗi niềm sâu khờ riêng tư, rải rác khắp nơi, ở những con người đã thấy lý tưởng cuộc sống lung-lay, lão đảo.

Xét về giá trị cảm xúc, Người Thơ Trữ Tình thời Hậu Chiến có vẻ cảm xúc sâu-xa hơn Người Thơ Lãng Mạn thời Tiền Chiến. Sức truyền cảm của Thơ vẫn cũng mãnh liệt hơn.

Người Thơ Lãng Mạn thời Tiền Chiến sống nhiều bằng mộng. Mộng là thế giới thi nhận. Người Thơ Trữ Tình thời Hậu Chiến bị cuộc đời thực tế bức-bách, thôi thúc nhiều hơn. Hoàn cảnh lịch sử lại làm cho sự bức xúc ấy thêm bi-đát. Mộng của Người Thơ Trữ Tình thời Hậu Chiến có vương mùi mồ hôi nhọc nhằn, mùi khói lửa kinh khủng, hân giới tuyến chia ngăn



MỤC - LỤC

| | TRANG |
|--|-------|
| <i>Lời nhà xuất bản</i> | 6 |
| NHẬP ĐỀ | |
| — Tìm một nhận thức toàn diện | 7 |
| — Đàn thơ trước năm 1932 | 12 |
| — Một phong trào hưng khởi | 36 |
| — Biểu tổng quan các môn phái trong phong trào thơ mới | 40 |
| CHƯƠNG I | |
| — Những sắc thái thơ ái tình lãng mạn | 41 |
| — Từ lãng mạn cực thức đến lãng mạn tân thức | 42 |
| — Đi tìm cảm hứng | 48 |
| — Tình ái | 54 |
| — Tình sâu | 60 |
| — Tình hận | 64 |
| — Tình ca kỹ : Lầu hồng, Lầu xanh | 70 |
| — Thơ khiêu dâm | 77 |
| — Thơ quái đản | 81 |
| CHƯƠNG II | |
| — Những sắc thái trữ tình khác | 87 |
| — Thơ trầm tư | 89 |
| — Thơ siêu thoát | 95 |
| — Thơ bị hiềm | 103 |
| CHƯƠNG III | |
| — Nguồn cảm hứng liên quan ít nhiều, xa gần với Dân tộc và Cách mạng | 107 |
| — Ý thức Quốc dân và Cách mạng | 109 |

| | |
|--------------------------------|-----|
| — Anh hùng ca | 113 |
| — Thơ Hoài cổ | 117 |
| — Thơ Hiện thực | 123 |
| — Khuynh hướng vòng quốc bi ca | 133 |
| — Khuynh hướng hữu vi | 139 |

CHƯƠNG IV.

| | |
|-------------------------------------|-----|
| — Vấn-đề thi pháp | 149 |
| — Ba phong thái đặc biệt | 151 |
| — Trung kiên với luật thơ Đường | |
| — Náo nức cầu tân | |
| — Một công tác điền chế bơ vơ | |
| — Đề làm tiêu kết cho 4 chương trên | 169 |
| — Một thời đại... những danh tài | 171 |

CHƯƠNG V

| | |
|--|-----|
| — Hồn thơ trong khói lửa | 185 |
| — Chín năm khói lửa 1945 — 1954 | 187 |
| — Thơ chiến đấu | 193 |
| — Thơ Biệt lập bi thương | 214 |
| — Thơ chống Cộng Đảng-trị — Độc tài | |
| — Hồn thơ cách mạng từ ngày quốc sĩ 20-7-1954. | |

CHƯƠNG VI

| | |
|--|-----|
| — Nhận xét tổng quát sắc thái trữ tình Hậu chiến | 223 |
|--|-----|

ĐÍNH CHỈNH

| Trang | Glòng | Chữ sai | Xin đọc |
|-------|-------|---------------------|------------------------------------|
| 8 | 20 | truyền | tuyền |
| 10 | 18 | lồ | lỗ |
| 14 | 18 | trình | tình |
| 16 | 11 | nhân | nhận |
| 18 | 12 | ví | vị |
| 18 | 13 | khảng phái | khảng khái |
| 18 | 17 | Bài Côn-lôn thu cảm | tác giả : Tiểu La Nguyễn- Thành |
| 22 | 5 | tẩu công | tấn công |
| 27 | 24 | đắp xâu | đắp xây |
| 29 | 12 | chuyên đi | chuyên di |
| 34 | 4 | trung bốc | tung bốc |
| 39 | 1 | biên lập | biên tập |
| 39 | 5 | trường phát | trường phái |
| 39 | 22 | bài bài luật về | bài luận về |
| 56 | 20 | | bước |
| 92 | 2 | văn chợ | văn chợ |
| 92 | 7 | không cần | không cầu |
| 92 | 18 | thời hế | thời thế |
| 93 | 24 | đã... | đã xẽ |
| 96 | 1 | lọt... | lọt tiếng |
| 98 | 4 | phương trai | phường trai |
| 99 | 6 | không khởi | không khởi |
| 106 | 6 | (...939 — 1940) | (1939 — 1940) |
| 130 | 18 | thoát thoai | thoát thai |
| 132 | 1 | chấn hồng | khăn hồng |

HỒN THƠ NƯỚC VIỆT

Thế Kỷ XX

LAM GIANG – VŨ TIẾN PHÚC

biên soạn



Tập Tổng - luận :

Nhận xét và phê bình tổng quát phong trào Thơ Mới và các trường phái từ đầu thế kỷ đến giờ.

Tập thi - ca tiền chiến :

Khám phá từng sắc thái đặc biệt của những danh tài thời tiền chiến.

Tập thi - ca hiện kim :

Phê bình, giảng luận những bài thơ đặc sắc, điển hình của thế hệ hiện kim.

SƠN - QUANG TU - THƯ

xuất bản và giữ bản quyền

GÍA BÁN \$:12.00